

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

**ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐIỀU DƯỠNG**

Mã số: 8720301

Hải Phòng, năm 2022

MỤC LỤC

I. Nội dung đề án mở mã ngành đào tạo

1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo **3**
2. Sự cần thiết mở mã ngành Thạc sĩ Điều dưỡng **6**
3. Căn cứ pháp lý đảm bảo điều kiện để mở mã ngành **10**
4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở mã ngành đào tạo **12**
5. Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo **13**
6. Điều kiện về bộ máy tổ chức quản lý để mở mã ngành đào tạo **13**
7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo **13**

II. Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Điều Dưỡng

- Phần 1. Khung chương trình đào tạo **19**
1. Khung chương trình tổng hợp **19**
 2. Khung chương trình chi tiết **20**
- Phần 2. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo
1. Thông tin chung về chương trình đào tạo **22**
 2. Mục tiêu chương trình đào tạo
 3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo **23**
 4. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng **24**
 5. Phân bố học phần/môn học theo học kỳ **28**
 6. Bảng ma trận học phần và chuẩn đầu ra của chương trình **29**
- Phần 3. Đề cương chi tiết **31**

ĐỀ ÁN MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Tên ngành đào tạo:	Điều dưỡng
Mã số:	8720301
Tên cơ sở đào tạo:	Trường ĐHYD Hải Phòng
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ

1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo.

Trường Đại học Y Hải Phòng được thành lập từ năm 1979, trên cơ sở Phân hiệu của Trường Đại học Y Hà Nội tại Hải Phòng. Ngày 25/01/1999, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng trực thuộc Bộ Y tế trên cơ sở Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng. Ngày 11/11/2013, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 2153/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Trường đã phát triển trở thành Trường đào tạo đa ngành khối ngành Sức khỏe đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực y tế chất lượng cao góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

Trong 42 năm qua, Trường đã lớn mạnh không ngừng trong công tác phát triển không ngừng cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ giảng dạy. Các trình độ đào tạo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế giao theo từng thời kỳ dựa trên năng lực của nhà Trường.

Đào tạo trình độ đại học: Trường đã nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học từ năm 1979, tới nay đã có 7 ngành gồm: Y đa khoa, Dược khoa, Răng Hàm Mặt, Y học dự phòng, Điều dưỡng, Xét nghiệm y học, Y học cổ truyền.

Đào tạo trình độ thạc sĩ: Trường nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ từ năm 2004 theo Quyết định số 44/2004/QĐ-TTg của thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao 07 chuyên ngành gồm: Ngoại khoa, Nội khoa, Nhi khoa, Y học biển, Y tế công cộng, Dược lý và Dược lâm sàng, Kỹ thuật xét nghiệm Y học.

Đào tạo trình độ tiến sĩ: Trường nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ từ năm 2011 theo quyết định số 4386/QĐ-GDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã nhận nhiệm vụ và đang đào tạo 04 chuyên ngành gồm: Y tế công cộng; Nhi khoa, Nội khoa, Ngoại khoa.

Hội đồng xét chức danh GS, PGS cấp cơ sở: Từ năm 2009 tới nay, trường Đại học Y Dược Hải Phòng là cơ sở xét chức danh giáo sư, phó giáo sư thuộc lĩnh vực khoa học sức khỏe, tới năm 2016, đã có 80 ứng cử viên của cơ sở này được Hội đồng chức danh GS, PGS cấp Nhà nước công nhận đạt tiêu chuẩn.

Kết quả đào tạo: Với chức năng và nhiệm vụ được giao đào tạo nguồn nhân lực y tế các trình độ khác nhau trong suốt 36 năm qua (1979-2015), trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã đào tạo được số lượng lớn bác sĩ đa khoa và chuyên khoa đang đảm nhiệm sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân trên khắp cả nước, đặc biệt là vùng Duyên hải ven biển, vùng nông thôn và hải đảo. Quy mô và chuyên ngành đào tạo hiện nay của trường như sau:

+ Bác sĩ đa khoa và chuyên khoa	7.322 sinh viên
+ Cử nhân điều dưỡng	1.421 sinh viên;
+ Bác sĩ chuyên khoa cấp 1	366 học viên;
+ Bác sĩ chuyên khoa cấp 2	106 học viên;
+ Thạc sĩ:	106 học viên;
+ Bác sĩ nội trú:	52 học viên;
+ Tiến sĩ:	32 Nghiên cứu sinh

Số lượng học viên và sinh viên tốt nghiệp: Cử nhân Điều dưỡng 1500 cử nhân, 22 Tiến sĩ, 522 Bác sĩ chuyên khoa II, 639 Thạc sĩ, 126 Bác sĩ nội trú và 2115 Bác sĩ chuyên khoa 1.

Để đạt được các thành tích trên, Trường đã luôn tăng cường đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên để đáp ứng với nhiệm vụ nâng cao chất lượng đào tạo các trình độ để phát triển các khoa, bộ môn ngày càng lớn mạnh.

Đến năm 2021, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng có hơn 800 cán bộ, giảng viên trong đó 600 cán bộ cơ hữu và 343 cán bộ công tác tại Bệnh viện trường; gồm 7 Giáo sư; 28 Phó giáo sư, 77 Tiến sĩ; 180 Thạc sĩ; 65 Bác sĩ chuyên khoa II và 285 Giảng viên kiêm chức là Giám đốc, Phó giám đốc, Trưởng các Khoa/Phòng tại các Bệnh viện thực hành của Trường tại Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên và Hà Nội. Hiện tại trường có 11 Phòng, Ban chức năng, 7 khoa, 34 Bộ môn trực thuộc trường; 8 đơn vị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu, 4 Trung tâm, 1 Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng với 28 khoa, phòng chức năng phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và khám chữa bệnh, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Trường luôn xác định nghiên cứu khoa học là một phần không thể thiếu được đối với mỗi cán bộ giảng dạy cũng như các tập thể khoa, bộ môn, phòng. Chỉ tính từ năm 2006 tới nay cán bộ giảng viên đã và đang thực hiện 1480 đề tài, trong đó có 08 đề tài cấp Nhà nước, 36 đề tài cấp Bộ, 1424 đề tài cấp Trường.

Hợp tác quốc tế trong đào tạo cũng là thế mạnh của Trường. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là một trong những trung tâm đào tạo của hệ thống Pháp ngữ (Filiere francophone). Trường đã nhận nhiệm vụ của Hiệp hội các trường đại học sử dụng từng phần hoặc toàn phần tiếng Pháp (AUPELE - UREE) đào tạo trình độ thạc sĩ y tế công cộng cho Lào và Campuchia tại Viêng Chăn - Lào.

Nhiều giảng viên được đi học tập các chuyên đề nâng cao tại Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Canada, Hoa Kỳ và các nước Châu Á. Một số đề tài nghiên cứu khoa học trong hợp tác quốc tế đang được triển khai thực hiện. Hiện nay, Nhà trường đã có mối quan hệ hợp tác với 61 tổ chức quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Với sự nỗ lực không ngừng của các thể hệ lãnh đạo, các chủ nhiệm bộ môn, chủ nhiệm khoa, phòng và tập thể cán bộ giảng dạy, các thể hệ sinh viên, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng vinh dự được nhận các phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước, của các Bộ/Ngành đoàn thể gồm: 01 Huân chương Độc lập hạng ba năm 2014; Huân chương lao động hạng ba, 01 Huân chương lao động hạng nhì; 01 Huân chương lao động hạng nhất, 18 Huân chương lao động hạng ba cho các đơn vị và các cá nhân, 04 Huy chương kháng chiến, nhiều cờ thi đua của thành phố Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, của Thủ tướng Chính Phủ, của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ công an, Hội chữ thập đỏ, Thành đoàn thành phố Hải Phòng, Trung ương Đoàn, Hội sinh viên Việt Nam vì thành tích đào tạo nguồn nhân lực y tế cho địa phương và cơ quan nêu trên.

Do sự phát triển kinh tế, thu nhập của người dân ngày càng được nâng lên, đời sống và dân trí được cải thiện làm cho nhu cầu cung cấp dịch vụ y tế ngày càng cao, đòi hỏi phải có chuyên khoa sâu, có kỹ thuật tiên tiến và theo hướng dự phòng. Do vậy, cần phải nâng cao cả số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên ngành Điều dưỡng.

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nằm trên địa bàn thành phố Hải Phòng, nằm trong khu vực tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, trung tâm khu vực. Vì vậy, nhu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ Điều dưỡng trong vùng là rất lớn, trước hết phục vụ cho các trường đại học, cao đẳng y tế, các bệnh viện, trung tâm Y tế trong khu vực cũng như các tỉnh lân cận.

Giới thiệu về Khoa Điều dưỡng.

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ đại học từ năm 2004 theo Quyết định số 5157/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2004. Khoa được thành lập từ năm 2009 là một trong những khoa phát triển mạnh, khoa gồm các bộ môn: Điều dưỡng cộng đồng, Điều dưỡng cơ bản, Điều dưỡng người lớn, Điều dưỡng sản phụ khoa, Điều dưỡng Nhi, số lượng cán bộ giảng dạy có Chức danh khoa học, học vị Tiến sĩ là 01 PGS và 03 TS.

Khoa Điều dưỡng có 05 phòng thực tập cho các kỹ thuật Điều dưỡng cơ bản, có cơ sở thực tế là các bệnh viện lớn trong thành phố Hải Phòng như Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp, Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng, Bệnh viện Tâm Thần Hải Phòng, Bệnh viện Phổi Hải Phòng, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng ... có đủ tài liệu tham khảo ngành Điều dưỡng dành cho đối tượng sau đại học, đại học và có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Điều dưỡng theo hướng nghiên cứu: lâm sàng, cộng đồng ... mà tập thể Khoa Điều dưỡng đã hoàn thành và được nghiệm thu.

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

2.1. Lý do đề nghị mở mã ngành đào tạo.

Xu thế phát triển và hội nhập: ngành Y tế nước ta đang phát triển với các xu thế cơ bản: gia tăng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, hiện đại hóa nhanh chóng, xã hội hóa ngày càng cao, mô hình bệnh tật có sự thay đổi. Ngành Điều dưỡng nằm trong sự phát triển chung của ngành Y tế cần phải đẩy mạnh các định hướng về chăm sóc sức khỏe ban đầu. Hiện nay, nhiều chương trình quốc gia về chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng được triển khai.

Nhu cầu cấp thiết hiện nay là cần phải có một đội ngũ cán bộ được trang bị đầy đủ kiến thức, phương tiện để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của con người, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân trong tình hình mới.

Để chủ động hội nhập quốc tế và hợp tác giữa các Trường Y - Dược trong nước, đòi hỏi phải có mô hình đào tạo đa ngành đa cấp theo quy hoạch mạng lưới các trường đại học trong cả nước.

Bên cạnh đó, để hội nhập với khu vực và quốc tế, chính phủ đã ký Thỏa thuận khung về thừa nhận lẫn nhau với 10 quốc gia ASEAN về việc công nhận dịch vụ Điều dưỡng trong khu vực. Đồng thời, để tăng cường chất lượng nguồn lực Điều dưỡng và sử dụng nhân lực Điều dưỡng có hiệu quả và đáp ứng yêu cầu hội nhập của các nước trong khu vực và hợp tác giữa các trường Y - Dược trong nước thì việc đào tạo chuyên sâu như Thạc sĩ, Tiến sĩ về điều dưỡng là rất cần thiết.

Do sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xã hội trong thời kỳ đổi mới, sự thay đổi về cơ cấu bệnh tật với xu hướng gia tăng các bệnh lý chuyển hóa và giảm dần các bệnh lý nhiễm khuẩn, thu nhập của người dân ngày càng được nâng lên, đời sống và dân trí được cải thiện làm cho nhu cầu cung cấp dịch vụ y tế ngày càng cao, đòi hỏi phải có chuyên khoa sâu, có kỹ thuật tiên tiến và đi theo hướng dự phòng. Do vậy, nhu cầu đào tạo lực lượng cán bộ ngành Điều dưỡng có trình độ cao và năng lực làm việc tốt, chuyên nghiệp ngày càng tăng và trở nên cấp thiết.

2.2. Phân tích về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực hiện tại

Để đáp ứng sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cho người dân ngày càng được nâng cao về chất lượng, đòi hỏi phải nâng cao chất lượng cán bộ y tế theo ngành đặc biệt là lĩnh vực Điều dưỡng. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nằm trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trong khu vực tam giác kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, trung tâm khu vực vùng Duyên Hải phía Bắc nên nhu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ Y học ngành Điều dưỡng trong vùng rất lớn, trước hết phục vụ cho các trường đại học, cao đẳng y tế, các bệnh viện, các trung tâm Y tế của thành phố cũng như trong khu vực.

Tiến hành khảo sát nhu cầu của các bệnh viện trong thành phố Hải Phòng như bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp; bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng, Bệnh viện Trẻ em và các bệnh viện thuộc các tỉnh lân cận như Hải Dương, Quảng Ninh và các tỉnh khác, kết quả khảo sát cho thấy, tại thời điểm khảo sát vào tháng 2 năm 2022 nhu cầu hay mong muốn của các

bệnh viện cần Điều dưỡng trình độ Thạc sĩ khá cao với số lượng cho năm thứ nhất từ 24 đến 29, năm 5 kế tiếp có nhu cầu sử dụng từ 115 đến 140 và sau 10 năm có kế hoạch nhân lực Điều dưỡng trình độ Thạc sĩ từ 195 đến 245.

Nhân sự Thạc sĩ Điều dưỡng tại các bệnh viện cần cho các vị trí việc làm như trưởng, phó phòng Điều dưỡng, điều dưỡng trưởng các khoa, phòng ban, quản lý, chăm sóc bệnh nhân. Các cơ sở thực hành chăm sóc có nhu cầu đào tạo theo định hướng thạc sĩ chuyên khoa với tỉ lệ 40% và thạc sĩ đa khoa là 60%.

Năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn người Điều dưỡng có trình độ thạc sĩ sẽ có kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

+ Về kiến thức:

- Có kiến thức khác biệt so với trước khi đi học
- Đảm bảo là người đứng đầu có trình độ chuyên môn và quản lý
- Giảng dạy được cho hệ thống điều dưỡng của đơn vị
- Thực hiện được đề tài nghiên cứu thuộc ngành Điều dưỡng
- Hiểu biết về quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân
- Hiểu biết về sức khỏe, bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng, đưa ra chẩn đoán chăm sóc, phân cấp chăm sóc, chỉ định chăm sóc và thực hiện can thiệp điều dưỡng bảo đảm an toàn cho người bệnh và cộng đồng;

+ Về kỹ năng:

- Thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp theo chuẩn năng lực Điều dưỡng ở trình độ cao
- Chuẩn trong công tác điều dưỡng
- Có khả năng giảng dạy và đào tạo trong lĩnh vực điều dưỡng
- Thực hiện thành thạo kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, sơ cứu, cấp cứu, đáp ứng hiệu quả khi có tình huống cấp cứu, dịch bệnh và thảm họa;
- Có khả năng tư vấn, giáo dục sức khỏe và giao tiếp hiệu quả với người bệnh và cộng đồng;
- Có kỹ năng tổ chức đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu khoa học, hợp tác với đồng nghiệp và phát triển nghề nghiệp điều dưỡng;
- Lập và tổ chức triển khai thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên.

+ Về thái độ (tự chủ và tự chịu trách nhiệm)

- Có khả năng làm việc độc lập, có năng lực phát hiện vấn đề và ra quyết định
- Biết chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, công tác Điều dưỡng do mình quản lý
- Tận tụy phục vụ sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- Hiểu biết và thực hiện đúng quy tắc ứng xử của viên chức ngành y tế.
- Thực hành nghề nghiệp theo đúng quy chế, quy định, quy trình chuyên môn kỹ thuật và các quy định khác của pháp luật.
- Không ngừng học tập nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ.
- Tôn trọng quyền của người bệnh, tôn trọng phụ nữ, quyền con người;

- Trung thực, khách quan, công bằng, trách nhiệm, đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp

Sự phát triển của hệ thống đào tạo điều dưỡng tại Việt Nam là một trong những đóng góp quan trọng cho phát triển nguồn nhân lực điều dưỡng và là điều kiện đi trước để thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện. Theo báo cáo của Cục khoa học công nghệ và Đào tạo (Bộ Y tế), năm 2020, cả nước có 81,3% điều dưỡng có trình độ cao đẳng và trung cấp, 15,7% trình độ đại học, 0,9% trình độ sau đại học, 2,1% trình độ sơ cấp. Số lượng điều dưỡng ở trình độ sau đại học rất thấp, họ công tác chủ yếu ở lĩnh vực đào tạo và quản lý điều dưỡng cấp Trung ương, tỉnh/thành phố và các trường đào tạo Điều dưỡng. Số lượng điều dưỡng có trình độ cao chưa đáp ứng đủ nhu cầu chăm sóc người bệnh. Vì vậy việc đào tạo thạc sĩ y học ngành Điều dưỡng là một nhu cầu thực tế cấp thiết và lâu dài trong việc bổ sung nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao cho Thành phố Hải Phòng và các tỉnh thành lân cận.

Trong đó xu hướng phát triển ngành Điều dưỡng trên thế giới khuyến cáo các nước nên chú trọng đào tạo điều dưỡng theo định hướng. Theo tổ chức Y tế Thế giới: Điều dưỡng là bộ phận quan trọng trong chăm sóc y tế, là trụ cột của hệ thống y tế. Ở mỗi nước, muốn nâng cao chất lượng y tế phải chú trọng đến nâng cao chất lượng đội ngũ điều dưỡng. WHO khuyến cáo các nước xây dựng và phát triển điều dưỡng theo các định hướng:

Điều dưỡng là khoa học về chăm sóc bệnh nhân: người điều dưỡng trang bị kiến thức và kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ chính là chăm sóc và đáp ứng các nhu cầu cơ bản về thể chất. Người điều dưỡng cần được đào tạo trình độ sau đại học để đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp

Điều dưỡng là một ngành học: y học ngày càng phát triển, kiến thức trình độ của người điều dưỡng phải liên tục nâng cao để đáp ứng với nghề nghiệp. Điều dưỡng là ngành học có nhiều chuyên khoa như: điều dưỡng Nội, Ngoại, Sản, Nhi, quản lý Điều dưỡng, Điều dưỡng cộng đồng và các lĩnh vực khác liên quan đến Điều dưỡng, đây cũng là định hướng đào tạo của trường Đại học Y Dược Hải Phòng đối với trình độ Thạc sĩ Điều dưỡng

Điều dưỡng là một nghề chuyên nghiệp: trình độ của điều dưỡng phát triển bậc sau đại học đã làm thay đổi mối quan hệ thầy thuốc – điều dưỡng. Người điều dưỡng trở thành cộng sự của thầy thuốc, là một thành viên trong nhóm chăm sóc bệnh nhân.

Điều dưỡng là một nghề mang tính khoa học, nghệ thuật: người Điều dưỡng có kiến thức dựa trên cơ sở khoa học, trải qua quá trình đào tạo tương ứng tại cơ sở đào tạo được nhà nước công nhận.

Trước những định hướng mới về Điều dưỡng, trường Đại học Y Dược Hải Phòng liên tục cập nhật thông tin, định hướng chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo giảng dạy để đón đầu xu hướng. Các định hướng đào tạo theo khuyến cáo của tổ chức y tế thế giới bên trên phù hợp với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng, là trung tâm nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ và mục tiêu cũng như triết lý giáo dục

của trường Đại học Y Dược Hải Phòng lấy người học làm trung tâm, lấy người bệnh làm trung tâm, vì sức khỏe cộng đồng.

2.3. Năng lực cơ sở đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Điều dưỡng

Hiện nay, Khoa Điều dưỡng hiện có 58 giảng viên, trong đó giảng viên cơ hữu gồm 01 PGS.TS Y học, 03 Tiến sĩ Điều dưỡng, 17 thạc sĩ và 37 giảng viên kiêm chức. Sau 17 năm mở ngành Điều dưỡng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã đào tạo nhiều cử nhân Điều dưỡng góp phần không nhỏ vào việc bổ sung nhân lực cho ngành y tế Hải Phòng và các tỉnh vùng duyên hải. Nhà Trường cũng đã không ngừng hoàn thiện, bổ sung đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ, học hàm, học vị cao. Xây dựng cơ sở vật chất với trang thiết bị hiện đại phục vụ cho giảng dạy. Với những điều kiện như trên Trường Đại học Y Dược Hải Phòng có cơ sở để khẳng định Trường đủ khả năng đào tạo sau đại học chuyên ngành Điều dưỡng. Nhu cầu cập nhật và tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ Điều dưỡng là cần thiết. Đội ngũ giảng viên của các trường đào tạo nhân lực y tế này cũng cần được bổ sung nguồn giảng viên có trình độ chuyên khoa Điều dưỡng để đảm đương tiếp nhận nhiệm vụ đào tạo, chuẩn hóa tay nghề đội ngũ giảng viên theo Luật Giáo dục đại học và tăng cường đội ngũ chăm sóc người bệnh có trình độ cao tại các bệnh viện trung ương và bệnh viện chuyên ngành Điều dưỡng.

Nhà trường ký hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành với Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng, Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng. Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành với Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng số 05/2022/HĐTH-BVHNVT ký ngày 16 tháng 5 năm 2022 cho các đối tượng bao gồm nghiên cứu sinh Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Y tế công cộng; Thạc sĩ Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi Khoa, Y tế công cộng, Xét nghiệm Y học, Y học biển, Dược lý & Dược lâm sàng, Điều dưỡng, Y học dự phòng; Chuyên khoa cấp II Nội hô hấp, Nội tim mạch, Nội chung, Sản phụ khoa, Nhi chung, Nhi-thận tiết niệu, Nhi Hô hấp, Ngoại chung, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ngoại tiêu hoá, Răng Hàm Mặt, Tâm thần, Tai Mũi Họng, Y học cổ truyền. Chuyên khoa cấp I Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Mắt, Tai Mũi Họng, Hoá sinh, Răng Hàm Mặt, Chẩn đoán hình ảnh, Lao, Y học cổ truyền, Y học gia đình, Y tế công cộng, Ung thư, Tâm thần, Xét nghiệm Y học, Gây mê hồi sức, Điều dưỡng, Dược lý & Dược lâm sàng, Y học dự phòng. Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành với Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng số 05/2022/HĐTH-BVPSHP ký ngày 18 tháng 5 năm 2022 cho các đối tượng bao gồm Chuyên khoa cấp II Sản phụ khoa; Chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa; Chuyên khoa Cấp I Điều dưỡng; Bác sĩ nội trú Sản phụ khoa; Thạc sĩ Điều Dưỡng. Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành với Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng số 50a/2022/HĐTH-BVTE ký ngày 30 tháng 7 năm 2019 cho các đối tượng bao gồm Bác sĩ nội trú, Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II kèm phụ lục hợp đồng năm 2022 bổ sung các đối tượng Nghiên cứu sinh Nhi khoa; Thạc sĩ Điều dưỡng, Răng Hàm Mặt; Chuyên khoa cấp I Điều dưỡng; Bác sĩ nội trú Răng Hàm Mặt.

Các bệnh viện đáp ứng là cơ sở thực hành đào tạo khối ngành sức khỏe được công bố công khai trên cổng thông tin Sở Y tế Hải Phòng theo đường link

<http://soytehaiphong.gov.vn/soytehpg/1283/30605/53500/DS-co-so-dap-ung-co-so-thuc-hanh-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe/>. Cụ thể Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp căn cứ theo bản công bố số 2313/BVVT-TTĐTCDT ngày 05/05/2022 về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong trong đào tạo khối ngành sức khỏe; Bệnh Viện Trẻ Em Hải Phòng căn cứ theo bản công bố số 193/BVTE-KHTH ngày 13/04/2022 về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong trong đào tạo khối ngành sức khỏe; Bệnh Viện Phụ Sản Hải Phòng căn cứ theo bản công bố số 199/BVPS-KHTH ngày 25/04/2022 về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã ký kết hợp tác đào tạo với một số trường đại học trong và ngoài nước. Trường là một trong những trung tâm đào tạo của hệ thống Pháp ngữ (Filiere francophone), nhận nhiệm vụ của Hiệp hội các trường đại học sử dụng từng phần hoặc toàn phần tiếng Pháp (AUPELE - UREE) đào tạo trình độ thạc sĩ Y tế công cộng cho Lào và Campuchia tại Viên Chăn - Lào.

Nhiều giảng viên được đi học tập các chuyên đề nâng cao tại Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Canada, Hoa Kỳ và các nước Châu Á. Một số đề tài nghiên cứu khoa học trong hợp tác quốc tế đang được triển khai thực hiện. Hiện nay, Nhà trường đã có mối quan hệ hợp tác với 61 tổ chức quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Khoa được trang bị đầy đủ về cơ sở vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, thực hành và nghiên cứu như các khu giảng đường, trung tâm thư viện, trung tâm nghiên cứu, trung tâm mô phỏng tiền lâm sàng và các bệnh viện thực hành.

2.3. Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo:

Theo yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế và chuẩn toàn cầu của Tổ chức Y Tế Thế giới, Bộ Y tế đã ban hành chương trình hành động quốc gia về công tác Điều dưỡng, hộ sinh giai đoạn từ 2012 đến năm 2020. Trong đó Bộ Y tế đã đề ra mục tiêu tăng cường nguồn nhân lực Điều dưỡng, Hộ sinh cả về số lượng và chất lượng, phấn đấu đến năm 2020 có 500 Điều dưỡng, Hộ sinh sau đại học trên toàn quốc. Căn cứ vào nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh CKI chuyên ngành Điều dưỡng là 10 đến 15 học viên. Dự kiến quy mô tuyển sinh tăng lên từ 20 đến 50 trong thời gian 5 đến 10 năm tiếp theo. Mục tiêu đào tạo phù hợp với chuẩn đầu ra và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của các nhà tuyển dụng sẽ có tác động rất lớn trong công tác chăm sóc toàn diện người bệnh, cải thiện cuộc sống cho mỗi cá nhân và gia đình trong cộng đồng.

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo

Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

Trường đã đào tạo cử nhân Điều dưỡng từ năm 2005 theo Quyết định số 2899/QĐ – BGDDT ngày 13/4/2005 về việc đào tạo đại học ngành Điều dưỡng. Đến nay Trường đã đào tạo được 17 khóa chính quy và 14 khóa hệ vừa học vừa làm. Số cử nhân Điều dưỡng tốt nghiệp và đang học là hơn 3.000 sinh viên.

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Điều dưỡng được xây dựng trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau:

1. Luật giáo dục đại học năm 2012 (Quốc hội khóa XII ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012).

2. Nghị định số 31/2011/NĐ – CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 75/2006/NĐ – CP ngày 2/8/2016.

3. Nghị định số 141/2013/NĐ – CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật Giáo dục đại học.

4. Quy chế Đào tạo trình độ Thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT - BGD & ĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

5. Thông tư liên tịch số 30/2000/TTLT/BGD&ĐT-BYT ngày 01/07/2003 của Bộ Giáo dục & Đào tạo – Bộ Y tế hướng dẫn việc chuyển đổi giữa các văn bằng và trình độ Đào tạo sau đại học trong lĩnh vực y tế.

6. Quyết định số 44/2004/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ cho trường Đại học Y Hải Phòng.

7. Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT – BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

8. Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 01/4/2022 của Hội đồng Khoa học – Đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Điều dưỡng.

9. Căn cứ vào thông tư 17/ 2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

10. Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của chính phủ Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

11. Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ giáo dục đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

12. Quyết định Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng chính phủ số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016

13. Thông tư 31/2011/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ Y tế Quy định hoạt động Điều dưỡng trong bệnh viện.

14. Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 đối với điều dưỡng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng của điều dưỡng hạng II

15. Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 31/08/2021, Bộ GD&ĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

a. Đội ngũ giảng viên nhà Trường

Đến năm 2021, Trường có hơn 800 cán bộ, giảng viên trong đó 600 cán bộ cơ hữu thuộc Trường và 343 thuộc Bệnh viện; gồm 07 Giáo sư; 28 Phó giáo sư, 77 Tiến sĩ; 180 thạc sĩ; 65 bác sĩ chuyên khoa II và 285 giảng viên kiêm chức là Giám đốc, Phó giám đốc, Trưởng các khoa/phòng tại các Bệnh viện thực hành Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên và Hà Nội. Hiện nay trường có 11 Phòng, Ban chức năng, 7 khoa, 34 Bộ môn trực thuộc trường; 08 đơn vị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu, 04 Trung tâm, 01 Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng với 28 khoa, phòng chức năng đáp ứng giảng dạy, nghiên cứu và phụ vụ người bệnh.

b. Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ đảm bảo cho công tác đào tạo

Hoạt động giảng dạy

- Tăng cường công tác kiểm định chất lượng đào tạo, áp dụng các phương pháp đánh giá mới, thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra và lượng giá sinh viên, học viên, ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, giảng dạy và công tác đào tạo.
- Bảo đảm chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp và đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác. Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần của ngành đăng ký đào tạo được xây dựng đảm bảo chuẩn đầu ra, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành.

Hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên ngành Điều dưỡng do cơ sở đào tạo thực hiện. (Mẫu 4).
- Các công trình công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu thuộc ngành đăng ký đào tạo của cơ sở đào tạo trong 5 năm trở lại đây (Mẫu 5).
- Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và số lượng học viên có thể tiếp nhận.

Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Trường đã có hợp tác với nhiều trường đại học trên thế giới trong hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ.
- Trong những năm trở lại đây, quan hệ quốc tế và xu thế hội nhập ngày càng phát triển mạnh mẽ. Khoa Điều Dưỡng đã kí kết quan hệ với các trường đại học trên toàn thế giới như Nhật, Mỹ, Pháp, Hàn... và luôn luôn có sự gắn bó với các trường bạn trên toàn quốc từ Bắc vào Nam và kết nối với Hội Điều Dưỡng Việt Nam. Hàng năm, chương trình trao đổi học viên và giảng viên với các nước trên thế giới đã giúp nâng cao trình độ nghiệp vụ giảng dạy và chuyên ngành. Các giảng viên luôn nỗ lực học tập không ngừng về chuyên môn và ngoại ngữ, giành được các học bổng toàn phần của các chương trình nghiên cứu sinh sau đại học tại Nhật.

5. Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo.

- Trường Đại học Y dược Hải Phòng hiện có trên 50 Giảng đường, 12 phòng học riêng được trang bị đầy đủ máy chiếu, máy tính, âm thanh và nhiều mô hình, dụng cụ phục vụ cho việc dạy và học thực hành, lâm sàng. Ngoài ra còn có 1 hội trường lớn sức chứa 500 chỗ để phục vụ hội thảo, hội nghị lớn cấp cơ sở (Mẫu 6, mẫu 8)

- Thư viện Trường Đại học Y dược Hải Phòng có các đầu sách chuyên ngành và tạp chí Y học trong và ngoài nước đảm bảo đủ nhu cầu học tập và tham khảo, thư viện điện tử và được nối Internet. Tổng diện tích 1260m² với phòng đọc 278m²: 300 chỗ ngồi; 8 máy vi tính phục vụ tra cứu thông tin và hơn 100 máy vi tính có thể kết nối internet; sử dụng phần mềm quản lý thư viện MYLIB 2010 và PSC ZLIS 7.0; thư viện điện tử kết nối với CSĐT khối ngành sức khỏe trong và ngoài nước who.int/hinari và pubmed.gov. Có đủ giáo trình thực hiện đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ thạc sĩ

- Trung tâm Thông tin-Thư viện được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết. Hiện nay, Thư viện sử dụng phần mềm Ilib 4.0. Toàn bộ khu tầng 6 của Trung tâm thư viện được lắp đặt mạng Wifi. Hệ thống máy tính trong các phòng chức năng được kết nối mạng LAN, mạng Internet. Đồng thời các phòng được trang bị đầy đủ bàn ghế, quạt, giá sách, điều hòa, đèn chiếu sáng. Trung tâm cung cấp đủ học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. (Mẫu 7)

- Ngoài ra còn có cơ sở thực hành tại Bệnh viện hữu nghị Việt tiếp, Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển Uông Bí.

- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng có Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Hải Phòng là cơ sở thực hành đã đáp ứng các yêu cầu Nghị định số 111/2017/NĐ-CP và ký hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành với Bệnh viện Sản Hải Phòng (số 70/2022/HĐNT-BVPSHP ngày 18/5/2022), Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng (50^a/HĐTH-BVTE), Bệnh viện Việt Tiếp Hải Phòng để tổ chức đào tạo.

6. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

a. Đơn vị quản lý và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Phòng Đào tạo Sau đại học thực hiện quản lý đào tạo chung và Khoa Điều dưỡng thực hiện quản lý đào tạo chuyên môn

- Ban hành Quyết định số 831/QĐ-YDHP ngày 10/5/2022 thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và tổ biên soạn đề án mở mã ngành Thạc sĩ Điều dưỡng

- Khoa Điều dưỡng là đơn vị quản lý chương trình đào tạo, phối hợp với các đơn vị liên quan như phòng đào tạo sau đại học, các phòng ban chức năng, các trung tâm chuyên trách, các bộ môn trong việc tổ chức và triển khai chương trình đào tạo theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phối kết hợp với các đơn vị có liên quan trong việc lượng giá, đánh giá sinh viên, kiểm định chương trình đào tạo.

b. Cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

- PGS.TS. Vũ Văn Quang – Phụ trách khoa Điều Dưỡng; giảng viên cao cấp phụ trách về việc chỉ đạo, triển khai thực hiện chương trình đào tạo theo đúng quy định

- TS. Phạm Thị Thu – Phó khoa Điều Dưỡng; giảng viên chính phụ trách việc lên kế hoạch, cố vấn chuyên môn, đề xuất các giải pháp, phương án trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- TS. Nguyễn Thị Thu Hương – Giáo vụ khoa Điều dưỡng, phụ trách điều phối chương trình đào tạo

7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

a. Phân tích tình hình thực tế

Điểm mạnh:

+ Về nhân lực:

- Đội ngũ giảng viên trẻ, được đào tạo đúng chuyên ngành cả trong và ngoài nước, tâm huyết

- Đã có kinh nghiệm hướng dẫn khóa luận sinh viên đạt kết quả tốt

- Đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu, có các đề tài được nghiệm thu cấp cơ sở, và một số đề tài đăng báo trong và ngoài nước.

+ *Về chương trình đào tạo:*

- Đã và đang đào tạo đối tượng cử nhân điều dưỡng hệ chính quy và liên thông vừa học vừa làm

- Đã có thời gian đào tạo sinh viên nước ngoài theo chương trình đào tạo ngắn hạn các nước như Thụy Điển: 8 năm; Pháp: 4 năm

- Đã biên soạn, xây dựng khung chương trình tín chỉ đào tạo lý thuyết và thực hành, đề cương chi tiết học phần theo quy định đào tạo tín chỉ cho đối tượng cử nhân điều dưỡng hệ chính quy và liên thông vừa học vừa làm từ tháng 8 năm 2018

+ *Về cơ sở thực hành:*

- Kết nối tốt với bệnh viện thực hành tạo điều kiện cho sinh viên thực tập lâm sàng

Điểm yếu

- Giảng viên còn trẻ, thiếu kinh nghiệm
- Còn phụ thuộc vào đội ngũ giảng viên kiêm chức/thỉnh giảng
- Chưa đào tạo sau đại học
- Bài báo trong nước và quốc tế còn ít

Cơ hội

- Là trường đa ngành khối sức khỏe, có uy tín, thương hiệu tốt
- Mạng lưới các bệnh viện thực hành rộng lớn, đội ngũ giảng viên mạnh
- Nhu cầu học tập ngành Điều dưỡng tăng cao
- Sinh viên tăng về số lượng, đa dạng về trình độ
- Tiềm năng để xin tài trợ cho nghiên cứu mới, ý tưởng sáng tạo đang tăng nhanh

Rủi ro

- Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp và khó lường có thể ảnh hưởng đến tiến trình thực hiện chương trình đào tạo
- Nguy cơ chảy máu nguồn nhân lực
- Tính cạnh tranh giữa các đơn vị ngày càng cao

b. Các giải pháp phòng ngừa rủi ro

- Linh hoạt trong công tác giảng dạy, quản lý học viên trong thời kỳ dịch bệnh, xây dựng hình thức giảng dạy trực tuyến phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Phát triển đội ngũ lãnh đạo kế cận. Xây dựng một văn hóa, môi trường đại học có khả năng thu hút lao động có chất lượng.
- Tăng cường công tác đảm bảo chất lượng là một trong những cơ sở đào tạo nhân lực ngành Điều dưỡng có uy tín, hướng tới an toàn và chất lượng trong thực hành Điều dưỡng nhằm phục vụ sức khỏe con người.
- Trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo: nhà trường ban hành quy chế quản lý rủi ro và các chính sách bảo vệ quyền lợi của học viên, giảng viên và công bố bằng văn bản trên cổng thông tin điện tử của trường. Sinh viên có thể được chuyển cơ sở đào tạo ngang cấp với các cơ sở đào tạo liên kết với nhà trường mà vẫn đảm bảo chất lượng và tiến độ chương trình.

8. Các minh chứng kèm theo Đề án.

- a. Nghị quyết của hội đồng trường số 45/NQ-HĐT-YDHP ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc chủ trương mở ngành đăng ký đào tạo;
- b. Tờ trình hội đồng khoa học đào tạo đề xuất mở mã ngành thạc sĩ Điều dưỡng ngày 14 tháng 3 năm 2022;
- c. Biên bản thẩm định đề án mở ngành của hội đồng khoa học và đào tạo ngày 30 tháng 3 năm 2022;
- d. Quyết định thành lập hội đồng xây dựng, hội đồng thẩm định; biên bản thẩm định chương trình đào tạo của hội đồng thẩm định; quyết định ban hành chương trình đào tạo;
- e. Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở mã ngành đào tạo;
- f. Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hành, thực tập;
- g. Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành theo quy định của chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐIỀU DƯỠNG

MÃ SỐ: 8720301

HẢI PHÒNG - 2022

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO THẠC SỸ
NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TỔNG HỢP

Số TT	Khối lượng học tập	Khối lượng tín chỉ			Tỉ lệ %
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	
1.	Học phần kiến thức chung	06	06	0	10
2.	Học phần kiến thức cơ sở	12	06	06	20
3.	Học phần kiến thức chuyên ngành	15	07	08	25
4.	Học phần kiến thức chuyên ngành (tự chọn)	15	09	06	25
5.	Luận văn	12			20
Tổng		60	28	20	100

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG

Danh mục các phần trong chương trình đào tạo:

STT	Mã số	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố tín chỉ/tiết học		Bm đảm nhận
					LT	TH	
Phần kiến thức chung			06	105	90	15	
01	YHTH.501	Triết học	03	45	03/45	00/00	Triết
02	YHNN.502	Ngoại ngữ chuyên ngành	03	60	02/45	01/15	Ngoại ngữ
Phần kiến thức cơ sở (bắt buộc)			12	270	90	180	
01	CSĐDT HS.01	Nghiên cứu khoa học trong Điều dưỡng	04	90	02/30	02/60	Khoa ĐD
02	CSĐDT HS.02	Tâm lý Y học	02	45	01/15	01/30	Tâm lý
03	CSĐDT HS.03	Phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	04	90	02/30	02/60	Khoa ĐD
04	YHTT.511	Thống kê Y sinh	02	45	01/15	01/30	Toán Tin
Phần kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)			15	345	105	240	
01	CNĐD THS.04	Học thuyết Điều dưỡng	3	60	02/30	01/30	Khoa ĐD
02	CNĐD THS.05	Lãnh đạo và Quản lý Điều dưỡng	4	90	02/30	02/60	Khoa ĐD
03	CNĐD THS.06	Thực hành Điều dưỡng nâng cao	4	105	01/15	03/90	Khoa ĐD
04	CSĐDT HS.07	Thực hành Điều dưỡng dựa vào bằng chứng	4	90	02/30	02/60	Khoa ĐD
Phần kiến thức chuyên ngành (tự chọn 15/33 tín chỉ)			18				
01	TCĐDT HS.08	Điều dưỡng bệnh nội khoa nâng cao	03	75	02/30	01/45	Khoa ĐD
02	TCĐDT HS.09	Điều dưỡng bệnh ngoại khoa nâng cao	02	60	01/15	01/45	Khoa ĐD
03	TCĐDT HS.10	Điều dưỡng sản phụ nâng cao	03	75	02/30	01/45	Khoa ĐD
04	TCĐDT HS.11	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	03	75	02/30	01/45	Khoa ĐD
05	TCĐDT HS.12	Điều dưỡng cộng đồng và gia đình	02	60	01/15	01/45	Khoa ĐD
06	TCĐDT HS.13	Điều dưỡng lão khoa	03	75	02/30	01/45	Khoa ĐD
07	TCĐDT HS.14	Điều dưỡng cấp cứu-hồi sức tích cực	03	75	02/30	01/45	Khoa ĐD
08	TCĐDT HS.15	Điều dưỡng truyền nhiễm	03	75	02/30	01/45	Truyền nhiễm

09	TCĐDT HS.16	Điều dưỡng thảm họa	02	45	01/15	01/30	Khoa ĐD
10	TCĐDT HS.17	Điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ và cuối đời	03	60	02/30	01/30	Khoa ĐD
11	TCĐDT HS.18	Dinh dưỡng tiết chế	03	60	02/30	01/30	Khoa ĐD
12	TCĐDT HS.19	GDSK và nâng cao sức khỏe trong thực hành ĐD	03	60	02/30	01/30	Khoa ĐD
Luận văn			12				
Tổng			60				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

1. Chương trình đào tạo.

- Ngành đăng ký đào tạo: Điều dưỡng. Trình độ: Thạc sĩ.

- Mã số đào tạo: 8720301

- Chương trình đào tạo: Trường Đại học Y dược Hải Phòng đã xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Điều dưỡng, Mã số 8720301 và đã được Hội đồng thẩm định Chương trình tổ chức ngày: Hội đồng kết luận với cơ sở đội ngũ cán bộ cơ hữu và cơ sở vật chất, Trường đủ điều kiện thực hiện chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng, trình độ thạc sĩ. Khoa Điều dưỡng đã bổ sung và hoàn thiện chương trình theo biên bản của Hội đồng và đã được Chủ tịch Hội đồng thông thẩm định ký xác nhận. Chương trình đào tạo thuộc định hướng nghiên cứu.

2. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra chương trình

2.1. Mục tiêu chung.

Mục tiêu đào tạo thạc sĩ Điều dưỡng là trang bị cho người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức sâu rộng về điều dưỡng và thành thạo các kỹ năng thực hành nghề nghiệp theo tiêu chuẩn năng lực nghề điều dưỡng ở trình độ cao, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện và ra quyết định để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Điều dưỡng, có năng lực đào tạo và giảng dạy trong lĩnh vực Điều dưỡng, thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc ngành Điều dưỡng.

2.2. Mục tiêu cụ thể.

- Áp dụng được các nguyên lý chăm sóc và quy trình điều dưỡng trong nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc, can thiệp điều dưỡng và sử dụng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả

- Phân tích được các vấn đề nghiên cứu, phương pháp luận thuộc lĩnh vực khoa học Điều dưỡng và áp dụng kết quả nghiên cứu trong thực hành Điều dưỡng dựa vào bằng chứng nhằm cải thiện sức khỏe cho người bệnh.

- Thảo luận và phân tích được các nội dung chính và các nguyên tắc cơ bản của hệ thống tổ chức Điều dưỡng Việt Nam; vận dụng được các nguyên tắc đó vào thực tiễn trong hệ thống bộ máy quản lý, lãnh đạo ngành Điều dưỡng Việt Nam.

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật Điều dưỡng theo quy trình, quy tắc an toàn và kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc sức khỏe.
- Quản lý, tổ chức hiệu quả các chương trình giảng dạy Điều dưỡng cho sinh viên/học viên.
- Sử dụng thành thạo các kỹ năng tin học cơ bản trong thực hành nghề nghiệp.
- Áp dụng trình độ ngoại ngữ cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 khung Châu Âu chung trong chăm sóc sức khỏe đa quốc gia, hướng tới hội nhập quốc tế.
- Hành nghề chuyên nghiệp trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp
- Tôn trọng ý kiến, tín ngưỡng của người bệnh và gia đình người bệnh trong quá trình thực hiện chăm sóc cũng như trong quá trình thăm khám nhằm phát hiện các vấn đề và giải quyết vấn đề.
- Liên tục cập nhật kiến thức, kỹ năng mới theo sự phát triển của Y học tiên tiến và ứng dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn để nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.
- Mức tự chủ và trách nhiệm: Nghiên cứu đưa ra những sáng kiến quan trọng. Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

2.3. Chuẩn đầu ra của chương trình (PLO):

Kiến thức cho thực hành điều dưỡng

PLO1. Áp dụng được các nguyên lý chăm sóc và quy trình điều dưỡng trong nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc, can thiệp điều dưỡng và sử dụng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả.

PLO2. Phân tích được các kiến thức về thống kê, nghiên cứu khoa học và y học để thực hiện được một hoạt động nghiên cứu Điều dưỡng.

PLO3. Vận dụng được các nguyên tắc của hệ thống tổ chức Điều dưỡng Việt Nam vào công tác quản lý tại đơn vị.

Thực hành chăm sóc Điều dưỡng

PLO4. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật Điều dưỡng theo quy trình, quy tắc an toàn và kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc sức khỏe.

PLO5. Phát hiện sớm được các biến cố bất thường và ra các quyết định xử trí người bệnh theo các chuyên khoa thuộc lĩnh vực Điều dưỡng.

PLO6. Tổ chức và thực hiện quản lý chăm sóc người bệnh an toàn khi điều trị nội trú, ngoại trú.

PLO7. Tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục sức khỏe và tổ chức thực hiện tư vấn truyền thông giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh phù hợp và hiệu quả.

PLO8. Thực hiện được các kỹ năng lãnh đạo, tổ chức và ra quyết định quan trọng, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng xây dựng mối quan hệ làm việc hiệu quả để thúc đẩy chăm sóc bệnh nhân chất lượng cao và an toàn

PLO9. Sử dụng công nghệ thành thạo trong lĩnh vực học thuật và thực hành nghề nghiệp.

PLO10. Áp dụng được trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam trong giao tiếp, đọc dịch tài liệu chuyên ngành Điều dưỡng.

Nghề nghiệp và tự chủ cá nhân

PLO11. Tuân thủ theo quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp

PLO12. Hướng dẫn được người khác thực hiện nhiệm vụ chăm sóc người bệnh, quản lý trong các công tác chuyên môn

3. Khối lượng kiến thức học viên:

Học viên phải học tập trung 2 năm, hoàn thành 61 tín chỉ của các môn học theo qui định của chương trình:

- Môn học chung: 2 môn
- Môn học cơ sở: 4 môn
- Môn chuyên ngành: 4 môn.
- Môn học tự chọn: chọn 6 trong 12 môn học tự chọn.

4. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo.

4.1. Kế hoạch tuyển sinh.

+ Đối tượng dự tuyển bao gồm:

*** Về văn bằng:**

- Có bằng đại học ngành Điều dưỡng
- Có bằng đại học thuộc khối ngành sức khỏe và có chứng chỉ học bổ sung kiến thức khi nộp hồ sơ.

*** Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:**

- Tốt nghiệp Đại học hệ chính quy – chuyên ngành Điều dưỡng loại Khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

- Các trường hợp:

+ Tốt nghiệp đại học hệ chính quy Kỹ thuật y học – chuyên ngành Xét nghiệm loại Trung bình và Trung bình khá.

+ Tốt nghiệp đại học hệ vừa học vừa làm hoặc hệ liên thông – chuyên ngành Điều dưỡng.

+ Tốt nghiệp đại học trong các ngành: Y tế công cộng, Cử nhân dinh dưỡng, Cử nhân KTYH, ĐHY và ĐH Dược.

- Phải có ít nhất 12 tháng kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Điều dưỡng thuộc các cơ sở y tế công lập hoặc ngoài công lập, kể từ ngày có quyết định tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

4.2. Kế hoạch đào tạo.

Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ là 2 năm liên tục.

4.3. Các môn thi tuyển.

- Học viên phải thi :

▪ Môn thi 1: môn chuyên ngành.

▪ Môn thi 2: môn cơ sở.

▪ Điều kiện đầu vào để dự tuyển đối với ngoại ngữ : Học viên có trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (theo thông tư 17/2021).

4.4. Điều kiện trúng tuyển.

Căn cứ vào danh sách trúng tuyển đã được Hiệu trưởng cơ sở đào tạo phê duyệt, Trường gửi giấy gọi nhập học cho các thí sinh trúng tuyển.

4.5. Quy mô tuyển sinh.

Số lượng học viên dự kiến tuyển sinh trong 2 khóa đầu từ 10-15 học viên/ khóa

4.6. Điều kiện tốt nghiệp.

- Học viên phải học tập trung 2 năm, hoàn thành 60 tín chỉ của các môn học theo qui định của chương trình.

- Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn:

- Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương khung bậc 4/6 ktheo hung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam (có trước thời điểm tốt nghiệp) (Theo thông tư 23/2021).

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

- Hoàn thành luận văn:

* Yêu cầu luận văn trình độ Thạc sĩ, ngành Điều dưỡng được thực hiện theo hướng nghiên cứu thuộc các lĩnh vực thuộc ngành Điều dưỡng là Cộng đồng & Gia đình, Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Quản lý, Đào tạo và các lĩnh vực khác liên quan đến Điều dưỡng. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Nội dung luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, phương pháp giải quyết vấn đề đã đặt ra.

* Quy chế đánh giá luận văn thạc sĩ Y học: Học viên bảo vệ luận văn trước hội đồng gồm 5 thành viên, trong đó có ít nhất 2 thành viên là người ngoài cơ sở đào tạo. Điểm luận văn tính theo thang điểm 10 theo qui định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Học viên được công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điểm môn học và luận văn đạt yêu cầu theo chương trình qui định.

Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận văn.

4.7. Khả năng và vị trí của học viên sau khi tốt nghiệp.

Sau khi tốt nghiệp trình độ thạc sĩ ngành Điều dưỡng, học viên có khả năng đảm trách vị trí và công việc như sau:

- Đảm trách nhiệm vụ Điều dưỡng trưởng các khoa, phòng Bệnh viện từ tuyến huyện trở lên và tương đương. (Tính đến cả các cơ sở y tế tư nhân và các cơ quan/Viện nghiên cứu có liên quan đến Điều dưỡng).

- Tham gia giảng dạy trình độ Đại học về Điều dưỡng cho sinh viên.

- Tập huấn về Quản lý Điều dưỡng cho cán bộ Điều dưỡng có trình độ đại học từ tuyến huyện.

- Có thể học tiếp chương trình Tiến sĩ của ngành Điều dưỡng.

4.8. Văn bằng.

Học viên phải bảo vệ thành công luận văn, được công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ ngành Điều dưỡng

5. Chương trình chi tiết

a) Khái quát chương trình:

Chương trình tổng quát đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng như sau:

Số TT	Khối lượng học tập	Khối lượng tín chỉ			Tỉ lệ %
		Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	
1.	Học phần kiến thức chung	06	06	0	10
2.	Học phần kiến thức cơ sở	12	06	06	20
3.	Học phần kiến thức chuyên ngành	15	07	08	25
4.	Học phần kiến thức chuyên ngành (tự chọn)	15	09	06	25
5.	Luận văn	12			20
Tổng		60	28	20	100

Khung chương trình đào tạo với các học phần kiến thức chung và kiến thức cơ sở giúp học viên có nền tảng cơ bản trước khi học các học phần chuyên ngành. Học phần chuyên ngành bắt buộc sẽ trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu của các lĩnh vực thuộc ngành Điều dưỡng. Học phần chuyên ngành tự chọn sẽ là định hướng chuyên sâu trong từng lĩnh vực (Điều dưỡng Cộng đồng, Điều dưỡng Nội, Điều dưỡng Ngoại, Điều dưỡng Sản, Điều dưỡng Nhi) của ngành Điều dưỡng. Học viên sẽ chọn một trong lĩnh vực của ngành Điều dưỡng để làm luận văn. Học phần kiến thức chuyên ngành tự chọn, học viên chọn 18 trong số 36 tín chỉ.

b) Phân bố học phần/môn học theo học kỳ

STT	Tên học phần/môn học	Mã số	Phân bố theo học kỳ			
			I	II	III	IV
01	Triết học		03			
02	Ngoại ngữ nguyên ngành		03			
03	Nghiên cứu khoa học trong ĐD		04			
04	Tâm lý Y học		02			
05	Phương pháp dạy học trong ĐD		04			
06	Thống kê y sinh		02			
07	Học thuyết Điều dưỡng			03		
08	Lãnh đạo và Quản lý Điều dưỡng			04		
09	Thực hành Điều dưỡng nâng cao			04		
10	Thực hành Điều dưỡng dựa vào bằng chứng			04		
11	Điều dưỡng bệnh nội khoa nâng cao				03	
12	Điều dưỡng bệnh ngoại khoa nâng cao				02	
13	Điều dưỡng sản phụ nâng cao				03	
14	Điều dưỡng trẻ em nâng cao				03	
15	Điều dưỡng cộng đồng và gia đình				02	
16	Điều dưỡng lão khoa				03	
17	Điều dưỡng cấp cứu-hồi sức tích cực				03	
18	Điều dưỡng truyền nhiễm				03	
19	Điều dưỡng thảm họa				02	
20	Điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ và cuối đời				03	
21	Dinh dưỡng tiết chế				03	
22	GDSK và nâng cao sức khỏe trong thực hành ĐD				03	
23	Luận văn					12
TỔNG CỘNG TÍN CHỈ		60				

**MA TRẬN HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SỸ ĐIỀU DƯỠNG**

Stt	Học phần												
	Chuẩn đầu ra CTĐT	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
1	Triết học	x		X								x	
2	Ngoại ngữ chuyên ngành										x	x	
3	Nghiên cứu khoa học trong ĐD	x			x								
4	Tâm lý y học	x							x			x	
5	Phương pháp dạy học trong Điều dưỡng							x					x
6	Thống kê y sinh		x							x			x
7	Học thuyết Điều dưỡng	x					x		x			x	
8	Lãnh đạo và Quản lý Điều dưỡng			x			x		x				
9	Thực hành Điều dưỡng nâng cao												
10	Thực hành Điều dưỡng dựa vào bằng chứng	x			x	x							
11	Điều dưỡng bệnh nội khoa nâng cao	x				x	x	x					
12	Điều dưỡng bệnh ngoại khoa nâng cao	x			x	x	x					x	
13	Điều dưỡng sản phụ nâng cao	x				x	x						
14	Điều dưỡng trẻ em nâng cao	x			x	x	x	x				x	
15	Điều dưỡng cộng đồng và gia đình	x			x		x	x				x	
16	Điều dưỡng lão khoa	x			x	x	x					x	
17	Điều dưỡng cấp cứu-hồi sức tích cực	x			x	x	x						
18	Điều dưỡng truyền nhiễm	x			x	x	x	x				x	
19	Điều dưỡng thảm họa	x		x	x	x			x			x	
20	Điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ và cuối đời	x				x	x					x	
21	Dinh dưỡng tiết chế						x		x			x	
22	GDSK và nâng cao sức khỏe trong thực hành ĐD							x	x				

**SỰ PHÙ HỢP CDR VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA VIỆT NAM VÀ
CHUẨN NĂNG LỰC NGÀNH**

Chuẩn đầu ra CTĐT	Chuẩn năng lực của ngành	Chuẩn năng lực ASEAN	Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 7)
PLO1	TC1,2,3,4	DO2	KT 1,2,3
PLO2			
PLO3	TC5,6,7,8,9,10, 11,12,13,14,15, 16,17,18,19, 20,21,22	DO2,3,4	KN 1,2,3,4,5
PLO4			
PLO5			
PLO6			
PLO7			
PLO8			
PLO9			
PLO10			
PLO11	TC23,24,25	DO1	TC 1,2,3,4
PLO12			

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

❖ Tên Module/học phần:	
Tiếng Việt:	Triết học
Tiếng Anh:	Philosophy
❖ Mã số Module/học phần/học phần:	YHTH.501
❖ Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
❖ Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
<input checked="" type="checkbox"/> Môn học chung <input type="checkbox"/> Môn cơ sở và hỗ trợ	
<input type="checkbox"/> Môn chuyên ngành <input type="checkbox"/> Môn tự chọn	
❖ Số tín chỉ:	03
Số tiết lý thuyết/số buổi:	45 tiết
Số tiết thực hành/số buổi:	0
Số tiết tự học:	90
❖ Điều kiện tham dự module/học phần:	
Module/học phần tiên quyết:	Không
❖ Khoa/Bộ môn/Giảng viên phụ trách:	- Bộ môn Lý luận chính trị - GV phụ trách: TS. GVC Trịnh Thị Thủy. Email: ttthuy@hpmu.edu.vn ĐT: 0916626226

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Học phần Triết học Mác-Lênin dùng cho khối ngành không chuyên Triết học trình độ đào tạo thạc sĩ các ngành tự nhiên và công nghệ là học phần nghiên cứu khái lược về lịch sử triết học, phân tích nội dung cơ bản của các học thuyết ảnh hưởng đến các lĩnh vực đời sống xã hội Việt Nam. Phân tích nội dung mối quan hệ giữa Triết học Mác - Lênin và các chuyên ngành nói chung và chuyên ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ nói riêng.

- Học phần Triết học được bố trí giảng dạy – học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo sau đại học. Học phần nhằm bồi dưỡng tư duy triết học; định hướng người học xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học; củng cố cơ sở lý luận triết học trong đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam..

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (CĐRHP)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

CĐRHP 1: Trình bày được khái quát về đặc điểm, nội dung lịch sử triết phương Đông, phương Tây và Triết học Mác – Lênin.

CĐRHP 2: Giải thích được vai trò TGQ, phương pháp luận của triết học và mối quan hệ giữa Triết học Mác - Lênin và các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ.

CĐRHP 3: Phân tích, chứng minh được các nội dung của Triết học Mác – Lênin ảnh hưởng đến các lĩnh vực đời sống của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

a. Về kỹ năng:

b. Về mức tự chủ/chịu trách nhiệm:

CĐRHP 4: Có khả năng vận dụng TGQ, PPL khoa học triết học trong quá trình phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành nghiên cứu, đặc biệt là trong nghiên cứu đối tượng thuộc ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.

2.3. Ma trận Chuẩn đầu ra của học phần (CĐRHP) – Chuẩn đầu ra CTĐT theo giai đoạn (CĐRCT): đối chiếu theo bản chuẩn đầu ra của K16, K17

CĐRCT \ CĐRHP	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO 1	x											
CLO 2	x											
CLO 3	x											
CLO 4			x									

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

a) **Lượng giá chuyên cần**

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/ thảo luận nhóm,...

- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module....

b) **Lượng giá giữa kỳ**

- Hình thức: Tiểu luận

- Thời gian: sau 1/2 thời gian học lý thuyết.

c) **Lượng giá cuối kỳ**

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} \cdot 0.1 + \text{GK} \cdot 0.1 + \text{KT} \cdot 0.8$$

- Hình thức: + Lý thuyết: Tự luận có cấu trúc.

Mục tiêu	Nhớ: (20%)	Hiểu: (30%)	Áp dụng: (20%)	Phân tích: (30%)	Đánh giá (...%)	Sáng tạo (...%)	Tổng (%)
CLO 1 (20%)	1						20
CLO 2 (40%)		1					40
CLO 3 (20%)				1			20
CLO 4 (20%)			1				20
Tổng							100

+ Thực hành: Không

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm: Củng cố, tiếp tục xây dựng được thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng và phương pháp làm việc khoa học. Rèn luyện khả năng tư duy logic, biện chứng. Phê phán những quan điểm sai lầm của các thế lực thù địch chống lại con đường đi lên CNXH ở nước ta.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1. Lý thuyết

Stt	Nội dung	Số tiết	CĐRHP	PP dạy học
1	Chương 1. Khái luận về Triết học 1. Triết học là gì? 2. Triết học phương Đông và triết học phương Tây	15	CLO1: Trình bày được khái quát về đặc điểm, nội dung lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và Triết học Mác – Lênin.	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp với những phương pháp dạy học mới: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, sàng lọc, đối thoại, xêmina,..
2	Chương 2. Triết học Mác – Lênin 1. Sự ra đời của triết học Mác – Lênin 2. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 3. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 4. Chủ nghĩa duy vật lịch sử 5. Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay	15	CLO2: Phân tích được vai trò thế giới quan, phương pháp luận của triết học và mối quan hệ giữa Triết học Mác - Lênin và các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ. CLO 4: Có khả năng vận dụng g	- Phương pháp thuyết trình - Kết hợp với những phương pháp dạy học mới: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, sàng lọc, đối thoại, xêmina,..

			<p>thế giới quan, phương pháp luận khoa học triết học trong quá trình phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành nghiên cứu và cuộc sống đặt ra, đặc biệt là trong nghiên cứu đối tượng thuộc ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.</p>	
3	<p>Chương 3. Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học</p> <ol style="list-style-type: none"> Mối quan hệ giữa khoa học với triết học Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học 	10	<p>CLO 2: : Phân tích được vai trò thế giới quan, phương pháp luận của triết học và mối quan hệ giữa Triết học Mác - Lênin và các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ</p> <p>CLO 3: Giải thích, chứng minh được các nội dung của Triết học Mác – Lênin ảnh hưởng đến các lĩnh vực đời sống của Việt</p>	<p>- Phương pháp thuyết trình</p> <p>- Kết hợp với những phương pháp dạy học mới: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, sàng lọc, đối thoại, xêmina,..</p>

			Nam trong giai đoạn hiện nay..	
4	<p>Chương 4. Vai trò của Khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ý thức khoa học 2. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội 3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam 	5	<p>CLO 2: Phân tích được vai trò thế giới quan, phương pháp luận của triết học và mối quan hệ giữa Triết học Mác - Lênin và các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ.</p> <p>CLO 4: Có khả năng vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học triết học trong quá trình phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành nghiên cứu và cuộc sống đặt ra, đặc biệt là trong nghiên cứu đối tượng thuộc ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.</p>	<p>- Phương pháp thuyết trình .</p> <p>- Kết hợp với những phương pháp dạy học mới: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, sàng lọc, đối thoại, xêmina,..</p>

4.2. Thực hành: Không

5. Tài liệu dạy - học

5.1. Sách, giáo trình

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dành cho học viên cao học, nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản LLCT, 2007 .

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. C.MÁC và PH. ĂNG-GHEN Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[2]. Nguyễn Văn Tài: Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dành cho đào tạo trình độ Ths, TS các ngành KHXH-NV không chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản ĐHSP, 2020 .

[3]. Một số tạp chí chuyên ngành và một số trang web:

<http://philosophy.vass.gov.vn/tap-chi>

<http://www.tapchidangcongsan.org.vn>

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY:

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS.GVC Trịnh Thị Thủy	BM LLCT	ttthuy@hpmu.edu.vn
2	Th.s Lại Thị Mai	BM LLCT	ltmai@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, giảng đường, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy khác.
- Phòng thực hành/thí nghiệm

8. NGÀY PHÊ DUYỆT: 1/3/2022

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Trịnh Thị Thủy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Ngoại ngữ chuyên ngành	
Mã học phần: YHNN.502	
Đối tượng áp dụng: Học viên cao học chuyên ngành Điều dưỡng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ	
Email liên hệ: tthoa@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0857499154	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1	0	3
Số tiết	60	30	30	0	75
Số buổi	16	8	8	0	19

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần ngoại ngữ cung cấp từ vựng chuyên ngành theo từng chủ đề trong thực hành nghề nghiệp, kết hợp phát triển kỹ năng giao tiếp trong các tình huống chuyên môn và các kỹ năng tra cứu, tự học.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Sử dụng được từ vựng chuyên ngành phù hợp để truyền đạt được nội dung cần giao tiếp	PLO10. Áp dụng trình độ ngoại ngữ cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 khung Châu Âu chung trong chăm sóc sức khỏe đa quốc gia, hướng tới hội nhập quốc tế.
CLO2	Sử dụng được ngữ pháp và từ vựng ở trình độ B2 hoặc bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.	
CLO3	Đọc hiểu, tra cứu được các tài liệu Tiếng	

	Anh về chuyên ngành	
CLO4	Nghe hiểu và xác định được các thông tin cụ thể trong các đoạn hội thoại Tiếng Anh	
CLO5	Giao tiếp được trong một số tình huống cơ bản thuộc thực hành nghề nghiệp	
TĐ1 CLO6	Quản lý việc học theo đúng tiến độ và tuân thủ những quy định của bộ môn và nhà trường	PLO11. Hành nghề chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần gồm:

a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức:

- Điểm danh học viên trong mỗi buổi học. Học viên nghỉ quá 15% số buổi học không được tham gia thi hết học phần.
- Bài tập thuyết trình làm theo nhóm được dùng để đánh giá quá trình. Điểm bài thuyết trình của nhóm từ 5 trở lên thì học viên đủ điều kiện dự thi hết học phần.

b) Lượng giá giữa kỳ

- Điều kiện dự thi Speaking Test giữa kỳ: Học viên đáp ứng được yêu cầu về lượng giá chuyên cần mới đủ điều kiện để dự thi Speaking Test giữa kỳ.

- Hình thức: Thi thực hành (Thi nói theo tình huống cho sẵn)

- Thời gian: 5-8 phút/ 1 cặp học viên

CĐR Học phần	
CLO 4	Nghe hiểu và xác định được các thông tin cụ thể trong các đoạn hội thoại Tiếng Anh
CLO 5	Giao tiếp được trong một số tình huống cơ bản thuộc thực hành nghề nghiệp

c) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: Tự luận có cấu trúc

- Thời gian: 120 phút

- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO 1 (33%)	(...%)	(...%)	20 (33%)	(...%)	(...%)	(...%)	20 (33%)
CLO 2 (50%)	(...%)	(...%)	30 (50%)	(...%)	(...%)	(...%)	30 (50%)
CLO 3 (10%)	(...%)	(...%)	10 (17%)	(...%)	(...%)	(...%)	10 (17%)

Tổng	(...%)	(...%)	60 (100%)	(...%)	(...%)	(...%)	60 (100%)
-------------	---------------	---------------	------------------	---------------	---------------	---------------	------------------

- Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm:

- Học viên có trách nhiệm tham dự các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- Học viên vắng quá 15% tổng số buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành học phần và phải đăng ký học lại vào các học kỳ sau.
- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

a. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} * 0.1 + \text{TH} * 0.3 + \text{LTCK} * 0.6$$

CC: lượng giá chuyên cần

TH: lượng giá giữa kì thực hành

LTCK: lý thuyết cuối kỳ

t₁ ; t₂ ; t₃: là trọng số (theo quy chế đào tạo tín chỉ).

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		LT	TH		
1	Unit 1. Hospital departments	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận • Đóng vai • Làm việc nhóm
2	Unit 2. Hospital staff	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận • Đóng vai • Làm việc nhóm
3	Unit 3. Hospital Equipment	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận • Đóng vai • Làm việc nhóm
4	Unit 4. Respiratory system	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận • Đóng vai • Làm việc nhóm
5	Unit 5. Circulatory system	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận • Đóng vai • Làm việc nhóm
6	Unit 6. Digestive system	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		LT	TH		
					<ul style="list-style-type: none"> • Đóng vai • Làm việc nhóm
7	Unit 7. First Aid	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận • Đóng vai • Làm việc nhóm
8	Unit 8. Common Abbreviations	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận • Đóng vai • Làm việc nhóm
9	Unit 9. Measurements	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận • Đóng vai • Làm việc nhóm
10	Unit 10. Administering medication	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận • Đóng vai • Làm việc nhóm
11	Unit 11. Describing frequency	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận • Đóng vai • Làm việc nhóm
12	Unit 12. Maintaining hygiene	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		LT	TH		
					<ul style="list-style-type: none"> • Đóng vai • Làm việc nhóm
13	Unit 13. Taking a history	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận • Đóng vai • Làm việc nhóm
14	Unit 14. Talking about symptoms	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận • Đóng vai • Làm việc nhóm
15	Unit 15. Physical examinations	2	2	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5 CLO6	<ul style="list-style-type: none"> • Thuyết trình; Phát vấn • Thảo luận • Đóng vai • Làm việc nhóm

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1] Virginia, E., Jenny D. & Trang M. Tr. (2012). *Career Paths: Medical*. Express Publishing.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1] Virginia, E. & Kori, S. (2018). *Career Paths: Nursing*. Express Publishing.

[2] Robin A. Bradley. *English for Nursing and Health Care*. Nhà xuất bản McGraw – Hill.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1.	Ths. Trần Thị Hòa	Bộ môn Ngoại ngữ	tthoa@hpmu.edu.vn
2.	Ths. Đồng Quỳnh Trang	Bộ môn Ngoại ngữ	dqtrangdhyhp@hpmu.edu.vn
3.	Ths. Bùi Thị Ánh Tuyết	Bộ môn Ngoại ngữ	tuyet.bui84@gmail.com
4.	Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh	Bộ môn Ngoại ngữ	dimxoan@gmail.com

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Trần Thị Hòa

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG ĐIỀU DƯỠNG**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Nghiên cứu khoa học trong điều dưỡng
Mã học phần: CSĐDTHS.01
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Điều Dưỡng
Loại học phần:
<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
Thuộc khối kiến thức:
<input type="checkbox"/> Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Khóa luận/học phần tốt nghiệp
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Trung tâm Giáo dục Y học-Nghiên cứu khoa học

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
ĐVHT	4	2	2	0	
Số tiết	120	30	60	0	30
Số buổi	20	7	14	0	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mục tiêu (Course objective: CO)

Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc của học viên sau đại học các chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản của nghiên cứu khoa học trong y sinh; trên cơ sở đó học viên có thể thực hiện được một đề cương nghiên cứu và cũng như tiến tới báo cáo được công trình nghiên cứu khoa học, bao gồm: lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp, lập kế hoạch nghiên cứu, viết đề cương nghiên cứu.

2.2. Chuẩn đầu ra (Course learning outcomes: CLO)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

CLO1: Vận dụng được tiêu chí SMART, FINER và các khái niệm cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học để lựa chọn được chủ đề, viết mục tiêu, thiết kế nghiên cứu phù hợp và đánh giá được cơ bản một nghiên cứu gốc.

CLO2: Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu, mẫu nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp.

CLO3: Vận dụng một số quy tắc cơ bản trong phân tích một bài báo khoa học để xác định được tài liệu trích dẫn phù hợp

CLO4: Vận dụng được các khái niệm về sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu để đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp.

CLO5: Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một test kiểm định thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể.

CLO6: Vận dụng được nguyên tắc sử dụng bảng và biểu đồ để thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả nghiên cứu

b. Về kỹ năng:

CLO7: Viết được đề cương nghiên cứu khoa học cơ bản

CLO8: Sử dụng được một số phần mềm hỗ trợ nghiên cứu (bao gồm phần mềm thống kê, phần mềm quản lý tài liệu tham khảo, hệ thống tra cứu tài liệu)

CLO9: Trình bày được một đề cương nghiên cứu

c. Về mức tự chủ/chịu trách nhiệm:

CLO10: Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong nghiên cứu

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

a) Lượng giá thực hành (TH)

Hình thức:

+ Viết đề cương nghiên cứu (ĐC) (theo nhóm)

+ Thuyết trình đề cương nghiên cứu (TT) (theo nhóm)

Mỗi nhóm: 3-5 học viên.

Các nhóm được chia ngay trong buổi học đầu tiên.

Nội dung nghiên cứu được xác định ngay sau bài 1; các nội dung tiếp theo của học phần được tiến hành dựa trên tên đề tài được nhóm xác định sau bài 1.

Thời gian thuyết trình: 15 phút

Điểm thực hành TH= (ĐC*2 + TT) /3

b) Lượng giá lý thuyết (LT)

Hình thức: Trả lời câu hỏi dựa theo đề cương được trình bày (theo cá nhân)

c) Công thức tính điểm tổng kết học phần:

TKHP=TH*0.5+LT*0.5

Bảng Rubric lượng giá thực hành

CĐR	Điểm (140)	Nội dung	Mức đánh giá (Điểm)		
			Kém (0-30%)	Trung Bình (31-70%)	Tốt (71%-100%)
Thể thức (10 điểm)					
CLO7, CLO9	2	Trang bìa; phụ bìa	Thiếu thông tin; layout không cân đối; sai chính tả; tên đề tài sai	Tất cả các thông tin được đưa ra và trình bày	Tất cả các thông tin được đưa ra đầy đủ và trình bày cân đối
	1	Danh mục từ viết tắt	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Mục lục	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	1	Danh mục hình/bảng	Không có	Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng	Có; đầy đủ và rõ ràng
	5	Font chữ; cỡ chữ; căn lề	Không theo yêu cầu	Không đồng nhất	Tuân thủ yêu cầu trình bày
Đặt vấn đề (1-1,5 trang) 20 điểm					
CLO1, CLO7, CLO8, CLO9	2	Khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Không đưa ra khái niệm về vấn đề nghiên cứu	Đã trình bày một số khái niệm quan trọng trong nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ/rõ ràng	Tất cả các khái niệm cơ bản quan trọng liên quan đến vấn đề nghiên cứu được định nghĩa và trình bày rõ ràng
	8	Lý do chọn lựa vấn đề nghiên cứu	Không có phần giới thiệu về vấn đề nghiên cứu (các số liệu thể hiện tính cấp bách)	Thiếu các yêu cầu của giới thiệu vấn đề nghiên cứu: các số liệu thể hiện tính cấp bách; tính mới; tính ứng dụng...	Có đầy đủ nội dung yêu cầu giới thiệu vấn đề nghiên cứu; trình bày được tầm quan trọng; cơ sở lý luận và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu

					cứ
	3	Câu hỏi nghiên cứu	Không có câu hỏi nghiên cứu	Có; nhưng không rõ ràng cụ thể; không theo tiêu chí FINER.	Câu hỏi nghiên cứu được trình bày rõ ràng theo tiêu chí FINER.
	7	Mục tiêu nghiên cứu	Không có mục tiêu nghiên cứu; hoặc mục tiêu nghiên cứu không bắt đầu bằng động từ nghiên cứu	Có mục tiêu nghiên cứu; mục tiêu được viết bằng động từ nhưng chưa rõ ràng; không trả lời được câu hỏi nghiên cứu; chưa thể hiện rõ tiêu chí SMART	Mục đích của nghiên cứu được trình bày rõ ràng; phù hợp câu hỏi nghiên cứu; sử dụng các động từ hợp lý theo tiêu chí SMART
Tổng quan tài liệu (30 điểm) (5-10 trang)					
CLO1, CLO3, CLO7, CLO8, CLO9	10	Các khái niệm về vấn đề được nghiên cứu	Không đề cập các khái niệm liên quan vấn đề được nghiên cứu	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập	Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập chi tiết; rõ ràng và có sắp xếp hợp lý
	15	Tham khảo bằng chứng nghiên cứu trước đây có liên quan	Mỗi đoạn văn tóm tắt kết quả của một nghiên cứu mà không có đánh giá, tích hợp hoặc tổng hợp.	Tài liệu liên quan bao gồm các bằng chứng thực nghiệm và lý thuyết cần thiết để hỗ trợ giả thuyết được mô tả.	Các kết quả của nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết trước đó được tích hợp, đánh giá và tổng hợp để làm rõ luận điểm về giả thuyết nghiên cứu
	5	Trích dẫn tài liệu tham khảo	Không có trích dẫn	Trích dẫn chưa đầy đủ/chính xác nguồn thông tin tham khảo; trích dẫn nguồn thông tin không có giá trị	Trích dẫn đầy đủ chính xác và có giá trị nguồn thông tin tham khảo

Phương pháp nghiên cứu 50 điểm (5-10 trang)					
CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	3	Đối tượng NC	Không xác định được đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC nhưng chưa trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC	Xác định được đối tượng NC; trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC
	2	Địa điểm NC	Không có/Không chính xác	Có địa điểm NC	Xác định chính xác cụ thể và giới thiệu về địa điểm NC
	2	Thời gian NC	Không có	Có nhưng không chính xác	Cỡ; rõ ràng; chính xác
	3	Thiết kế nghiên cứu	Không có	Không phù hợp với mục tiêu nghiên cứu	Xác định thiết kế phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	10	Cỡ mẫu-chọn mẫu	Không có	Có; nhưng chưa phù hợp với nghiên cứu	Có; phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	10	Biến số-Chỉ số nghiên cứu	Không có	Có; không đầy đủ; rõ ràng; không giải thích được khái niệm của biến số; chưa phù hợp với mục tiêu	Có; đầy đủ; rõ ràng; giải thích được khái niệm của biến số, phù hợp với mục tiêu
	10	Phương pháp thu thập thông tin	Không có bộ công cụ; Không xây dựng các bước thu thập thông tin	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin; nhưng chưa đầy đủ/hợp lý	Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin phù hợp với mục tiêu nghiên cứu
	2	Sai số NC	Không có/Xác định sai	Trình bày được các sai số có thể có của nghiên cứu	Trình bày được đủ/rõ ràng các sai số có thể có của

					nghiên cứu và cách khống chế sai số
	5	Xử lý- Phân tích số liệu	Không trình bày cách quản lý số liệu; Không có/Sai test thống kê	Trình bày được các bước quản lý; làm sạch số liệu; xác định được test thống kê sử dụng cho nghiên cứu	Trình bày được đầy đủ/rõ ràng các bước nhập liệu; làm sạch số liệu; quản lý số liệu và xác định chính xác test thống kê phù hợp với nghiên cứu
	3	Đạo đức nghiên cứu	Không trình bày	Liệt kê được các vấn đề đạo đức liên quan cần chú ý	Trình bày được đầy đủ các nội dung liên quan đến đạo đức nghiên cứu cần thiết
Dự kiến kết quả; bàn luận; khuyến nghị (20 điểm)					
CLO7; CLO8; CLO10	15	Kết quả nghiên cứu	Không trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả nghiên cứu theo mục tiêu	Trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả nghiên cứu theo mục tiêu; nhưng sơ sài và chưa phù hợp	Thiết kế được các bảng/hình dự kiến kết quả nghiên cứu phù hợp với mục tiêu
CLO8; CLO10	5	Bàn luận; khuyến nghị	Không có	Có; không thể hiện được bàn luận và dự kiến khuyến nghị theo mục tiêu và kết quả nghiên cứu	Trình bày dự kiến bàn luận và dự kiến khuyến nghị đầy đủ rõ ràng theo mục tiêu và kết quả nghiên cứu
Lập kế hoạch nghiên cứu (5 điểm)					
CLO8; CLO10	5	Kế hoạch nghiên cứu	Không xác định được kế hoạch tiến hành nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu	Lập được kế hoạch thể hiện được rõ ràng nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu; Thiết kế được

					biểu đồ GANTT thể hiện kế hoạch nghiên cứu
Tài liệu tham khảo (5 điểm)					
CLO9	5	Tài liệu tham khảo	Không có danh mục tài liệu tham khảo	Có danh mục tài liệu tham khảo nhưng chưa đầy đủ	Có danh mục đầy đủ tài liệu tham khảo và trích dẫn đúng yêu cầu

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
1	<p>Chủ đề, mục tiêu nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng các tiêu chí cơ bản của một vấn đề sức khỏe ưu tiên để lựa chọn được chủ đề nghiên cứu cụ thể. - Áp dụng được tiêu chí SMART để viết được mục tiêu cho một nghiên cứu cụ thể 	2	8		CLO1, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm
2	<p>Tổng quan tài liệu trong nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tiêu chí FINER để đánh giá được những vấn đề cơ bản của một công trình nghiên cứu. - Lựa chọn được vấn đề trích dẫn phù hợp cho 	2	8		CLO1, CLO3, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm

	<p> nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được cơ bản phần mềm quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo 					
3	<p>Thiết kế nghiên cứu trong nghiên cứu y sinh</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được kiến thức cơ bản về các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học để lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp 	4	8		CLO1, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm
4	<p>Mẫu và cỡ mẫu nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các kiến thức cơ bản về cỡ mẫu để tính toán được cỡ mẫu cần thiết cho một NC cụ thể - Xác định được phương pháp chọn mẫu thích hợp cho NC cụ thể 	2	4		CLO2, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm
5	<p>Thiết kế công cụ thu thập thông tin</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại được các biến số nghiên cứu theo bản chất của biến số - Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp 	2	6		CLO2, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm

6	<p>Sai số và nhiễu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các khái niệm sai số và nguồn của sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu để đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp - Xác định được nhiều và đề xuất được phương pháp khống chế nhiễu trong NC 	4	4		CLO4, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm
7	<p>Nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một test kiểm định thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể. 	4	8		CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm
8	<p>Đạo đức trong nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được những vấn đề đạo đức cơ bản trong các nghiên cứu y sinh học - Ý thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức khi tiến hành các nghiên cứu y sinh học 	4	0		CLO10	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm
9	<p>Trình bày kết quả nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả NC. 	2	4		CLO7, CLO8, CLO9, CLO10	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm
10	<p>Lập kế hoạch nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p>	2	2		CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm

	- Lập được kế hoạch nghiên cứu cho một nghiên cứu cụ thể					
11	<p>Cách viết đề cương nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các nội dung cần thiết trong một đề cương nghiên cứu - Viết được đề cương nghiên cứu cụ thể 	2	8		CLO7, CLO8, CLO9	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Lưu Ngọc Hoạt (2017). Nghiên cứu khoa học, Tập 1, Phương pháp viết đề cương nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- Lưu Ngọc Hoạt (2017). Nghiên cứu khoa học, Tập 2, Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

5.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thy Khuê (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản dành cho bác sĩ lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học, TP Hồ Chí Minh
- Peter Manson, Pamela Wright, Lưu Ngọc Hoạt (2017). *Viết và xuất bản bài báo khoa học quốc tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Phạm Minh Khuê	Khoa Y tế công cộng	pmkhue@hpmu.edu.vn
2	Phạm Thanh Hải	Trung tâm GDYH-NCKH	pthai@hpmu.edu.vn
3	Đỗ Thị Lan Anh	Trung tâm GDYH-NCKH	dtlanh@hpmu.edu.vn
4	Nguyễn Thị Thu Thảo	Trung tâm GDYH-NCKH	nttthao@hpmu.edu.vn
5	Nguyễn Thanh Hải	Trung tâm GDYH-NCKH	nthanhhai@hpmu.edu.vn
6	Hoàng Đức Hạ	Trung tâm GDYH-NCKH	hdha@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM LÝ Y HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Tâm lý Y học	
Mã học phần: CSĐDDTHS.02	
Đối tượng áp dụng: Thạc sỹ Điều dưỡng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Tâm lý – Đạo đức Y học	
Email liên hệ: bmtamlydd@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: PGS.TS.Nguyễn Văn Khải 0912607957	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1	1		
Số tiết	45	15	30		
Số buổi		

Điều kiện tham dự học phần:

- Điều kiện khác: Đáp ứng đúng nội quy của bộ môn và cơ sở thực hành

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Tâm lý y học là học phần cơ sở bắt buộc, trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng và thái độ giúp họ hiểu rõ hơn những gì người bệnh nói, cảm thấy, trải qua... đồng thời giúp học viên hiểu hơn về nhiệm vụ, trải nghiệm và cảm nhận của chính mình, từ đó cải thiện mối quan hệ nhân viên y tế - người bệnh. Mặt khác giúp học viên nâng cao kỹ năng giao tiếp hiệu quả với người bệnh, đồng nghiệp trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Vận dụng được kiến thức về tâm sinh lý của người bệnh để nhận định những vấn đề cần chăm sóc của người bệnh và đưa ra các chẩn đoán chăm sóc ưu tiên phù hợp với người bệnh.	PLO1
CLO2	Vận dụng được kiến thức giao tiếp hiệu quả với người bệnh, thân nhân người bệnh và đồng nghiệp trong quá trình chăm sóc người bệnh.	PLO1
CLO3	Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, thân nhân người bệnh và đồng nghiệp.	PLO8
CLO4	Chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử với người bệnh, thân nhân người bệnh và đồng nghiệp.	PLO11
CLO5	Thể hiện được sự đồng cảm và thấu cảm với người bệnh	PLO11

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần:

Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: thi OSCE

- Thời gian: 8 phút/trạm/học viên

+ Kỹ năng: bảng kiểm

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO3			X	

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm: quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm,...

3.2. Đánh giá học phần

Điểm TKHP = THCK

THCK: là điểm thi OSCE

Sinh viên phải tham dự tất cả các bài thực hành và tham dự ít nhất 85% số tiết lý thuyết.

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) thì mới được dự thi kết thúc học phần.

Sinh viên phải hoàn thành học phí theo đúng thời gian quy định của trường.

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung			Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-h
				Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học		
1.	Bài 1: Tính chuyên nghiệp của người điều dưỡng trong thực hành lâm sàng.			3	0	6	CLO1; CLO2	Thuyết trình Thảo luận
2. 1	Bài 2: Tâm lý người bệnh			4	0	8	CLO1; CLO2	Thuyết trình Thảo luận
3. 2	Bài 3: Giao tiếp hiệu quả với các nhóm người bệnh trong thực hành điều dưỡng			4	18	8	CLO1; CLO2	Thuyết trình Thảo luận
4. 3	Bài 4: Sự đồng cảm và thấu cảm trong giao tiếp với người bệnh			4	12	8	CLO1; CLO2	Thuyết trình Thảo luận
5.	Tổng	15	30	30				

* đồng giảng: chỉ áp dụng cho buổi dạy-học theo ca lâm sàng

** trợ giảng: chỉ áp dụng cho các buổi học lý thuyết có thảo luận nhóm.

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu “Tâm lý Y học” lưu hành nội bộ của học phần biên soạn được Nhà trường phê duyệt.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1] GS.TS. Phạm Văn Thức, PGS.TS. Phạm Văn Hùng (2014). *Bài giảng đạo đức y học*. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng : Nhà xuất bản Y Học.

[2] GS.TS. Phạm Văn Thức, PGS.TS. Phạm Văn Hùng (2010). *Bài giảng đạo đức y học*. Trường Đại học Y Hải Phòng : Nhà xuất bản Y Học.

[3] PGS.TS. Nguyễn Sinh Phúc (2006). *Tâm lý y học*. Trường Đại học Y Hà Nội : Nhà xuất bản Y Học.

[4] GS.TS. Phạm Thị Minh Đức (2012). *Tâm lý và đạo đức y học*. Trường Đại học Thăng Long; Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[5] Tâm lý học y học/ Nguyễn Văn Nhận (2006). Nguyễn Sinh Phúc. Nhà xuất bản Y học.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Nguyễn Văn Khải	Bộ môn Tâm lý- Đạo đức Y học; Khoa Dược	nvkhai@hpmu.edu.vn
2	Phạm Văn Thức		pvthuc@hpmu.edu.vn
3	Nguyễn Văn Hùng		nvhung@hpmu.edu.vn
4	Phùng Chí Thiện		pcthien@hpmu.edu.vn
5	Vũ Thị Mai Anh		vtmanh@hpmu.edu.vn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng – bảng trắng, giấy A0, phấn, bút dạ
- Phòng thực hành, bệnh nhân chuẩn.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TRONG ĐIỀU DƯỠNG**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Phương pháp dạy học trong Điều dưỡng	
Mã học phần: CSDDTHS.03	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Điều dưỡng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> x Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input type="checkbox"/> Chuyên ngành <input type="checkbox"/> x Cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Tự chọn <input type="checkbox"/> Ngành
Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học - Phòng 512, tầng 5 nhà A - Trường ĐHYD Hải Phòng Email liên hệ: giaoducyhoc@hpmu.edu.vn Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ/ĐVHT	4	2	2		
Số tiết	90	30	60		90
Số buổi	23	8	15		

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Giảng dạy là một nhiệm vụ tất yếu của các Thạc sĩ tại các cơ sở đào tạo Y tế như các Trường Đại học, Cao đẳng Y và các bệnh viện thực hành. Học phần “Phương pháp dạy học” đào tạo cho học viên khả năng thiết kế bài dạy học và thực hiện dạy học dựa trên năng lực Y khoa một cách hiệu quả, đáp ứng với nhu cầu xã hội.

- Các khái niệm then chốt (nếu có):
 - Nguyên lý constructive alignment
 - 4 điểm đổi mới của GDYK dựa trên năng lực
 - 4 thành phần ABCD và tiêu chí SMART của mục tiêu học tập tốt
 - Thang Bloom, Dave, Krathwohl
 - Chiến lược lượng giá
 - Tính tin cậy, giá trị của phương pháp lượng giá
 - MCQ hiệu quả
 - 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả
 - Tương tác hệ thống
 - 5 phương pháp dạy học tích cực
 - Nội dung, hướng dẫn dạy học hợp lý

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Giải thích được tính ưu việt của Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực	PLO 7
CLO2	Vận dụng được kiến thức về các thành phần và tiêu chí của mục tiêu học tập để nhận diện được mục tiêu học tập tốt	PLO 7
CLO3	Vận dụng được kiến thức về vai trò, ý nghĩa của phương pháp lượng giá, chiến lược lượng giá và tiêu chí của câu hỏi MCQ tốt để nhận diện được chiến lược lượng giá phù hợp và bộ công cụ lượng giá tốt	PLO 7
CLO4	Vận dụng kiến thức về 7 nguyên tắc dạy học người lớn, 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả, 7 nguyên tắc của 10 hoạt động dạy học tích cực, kế hoạch bài giảng để nhận diện được hoạt động dạy học phù hợp với mục tiêu, lượng giá	PLO 7
CLO5	Viết được mục tiêu học tập tốt	PLO 7
CLO6	Xây dựng được chiến lược lượng giá và bộ công cụ lượng giá phù hợp với MTHT	PLO 7
CLO7	Lựa chọn được phương pháp dạy học và thực hiện được hoạt động dạy học tích cực	PLO 7
CLO8	Xây dựng được kế hoạch dạy học phù hợp	PLO 7
CLO9	Tuân thủ nội qui lớp học	PLO12
CLO10	Tôn trọng bạn đồng môn, thầy cô	PLO12
CLO11	Hoàn thành các bài tập đúng thời hạn	PLO12

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1 Lượng giá chuyên cần: điểm trình bày bài tập của học viên trên lớp

3.2 Lượng giá lý thuyết - lượng giá kiến thức (PLO7)

- Điều kiện dự thi lý thuyết : tham dự >85% số tiết học trên lớp
- Phương pháp : thi trắc nghiệm
- Công cụ: 60 câu MCQ/ 50'
- Điều kiện : > 2/10 điểm
- Chiến lược lượng giá

CDR	Trọng số	Mức độ			Tổng số câu
		Nhớ (20%)	Hiểu (30%)	Áp dụng (50%)	
CLO1. Giải thích được tính ưu việt của Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực	13%	2	2	0	4

CLO2. Vận dụng được kiến thức về các thành phần và tiêu chí của mục tiêu học tập để nhận diện được mục tiêu học tập tốt	13%	1	1	2	4
CLO3 Vận dụng được kiến thức về vai trò, ý nghĩa của phương pháp lượng giá, chiến lược lượng giá và tiêu chí của câu hỏi MCQ tốt để nhận diện được chiến lược lượng giá phù hợp và bộ công cụ lượng giá tốt.	34%	1	3	6	10
CLO4 Vận dụng kiến thức về 7 nguyên tắc dạy học người lớn, 5 nguyên tắc thuyết trình hiệu quả, 7 nguyên tắc của 10 hoạt động dạy học tích cực, kế hoạch bài giảng để nhận diện được hoạt động dạy học phù hợp với mục tiêu, lượng giá	40%	2	3	7	12
Tổng số		6	9	15	30

3.3 Lượng giá thực hành – lượng giá kỹ năng (PLO7)

- Phương pháp : đóng vai
- Công cụ : Rubric cho 1 bài giảng trong 20'
- Điều kiện đạt : 5/10 điểm
- Chiến lược lượng giá

Mục tiêu	%	Bắt buộc	Thành thạo có giám sát	Thành thạo không giám sát	Dạy được người khác
LO5 Viết được mục tiêu học tập tốt	10%			x	
LO6 Xây dựng được chiến lược lượng giá và bộ công cụ lượng giá phù hợp với MTHT	6%			x	
LO7 Lựa chọn được phương pháp dạy học và thực hiện được hoạt động dạy học tích cực	81%			x	
LO8 Xây dựng được kế hoạch dạy học phù hợp	3%			x	

3.4 Lượng giá thái độ (PLO12)

- Phương pháp lượng giá 360⁰
- Công cụ : điểm danh, trình bày bài tập, thảo luận nhóm
- Điều kiện :
 - o Đi học đúng giờ, tham gia số buổi học lý thuyết > 85%, thực hành 100%
 - o Làm đủ bài tập
 - o Tham gia thảo luận nhóm

Điểm tổng kết học phần (TKHP) = CCx0.1 + TH x0.4 + LTCKx0.5

Điều kiện đạt ; điểm TKHP \geq 4/10 điểm

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

STT	Nội dung	Số tiết	Số tiết LT	Số tiết TH	CLO	PPDH
1.	<p>Chương 1: Giới thiệu môn học</p> <p>Bài 1. Giáo dục Y khoa dựa trên năng lực.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hiểu lý do chuyển đổi sang GDYK dựa trên năng lực. 2. Giải thích 4 đặc điểm của GDYK dựa trên năng lực. 3. Phân tích sự khác biệt giữa GDYK dựa trên năng lực với dựa trên cấu trúc-qui trình. 4. Giải thích 3 yếu tố quyết định để đạt được GDYK dựa trên năng lực 5. Giải thích trình tự 6 bước xây dựng chương trình đào tạo dựa trên năng lực theo nguyên lý “constructive alignment”. 	4	4	0	CLO1	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
2.	<p>Chương 2: Mục tiêu học tập</p> <p>Bài 2: Mục tiêu học tập</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân tích được vai trò của viết mục tiêu học tập tốt trong giáo dục Y khoa 2. Phân tích các mức độ của thang nhận thức, kỹ năng, thái độ. 3. Phân tích được 4 thành phần A.B.C.D và 5 tiêu chí S.M.A.R.T trong viết mục tiêu học tập 	12	4	8	CLO2 CLO2 CLO2	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Động não/ Thảo luận)

	4. Viết được 3 mục tiêu cụ thể trong một bài giảng chuyên ngành				CLO5 9,10, 11	
3	Chương 3. Lượng giá dựa trên năng lực	34	10	24		
	Bài 3 Chiến lược lượng giá. 1. Định nghĩa được chiến lược lượng giá 2. Xác định các thành phần, các bước xây dựng chiến lược lượng giá 3. Thiết kế được chiến lược lượng giá module, môn học.		2	8	CLO3 CLO3 CLO6, 9,10, 11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
	Bài 4 : Phương pháp và công cụ lượng giá. 1. Phân biệt lượng giá với đánh giá (khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa & mục đích). 2. Giải thích 2 tiêu chí của lượng giá dựa trên năng lực. 3. Xây dựng nội dung lượng giá theo test blue print. 4. Giải thích ưu-nhược điểm của các phương pháp lượng giá & biện pháp khắc phục. 5. Giải thích nguyên tắc chọn lựa phương pháp & công cụ lượng giá.		4	8	CLO3 CLO3 CLO6 CLO3 CLO3	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
	Bài 5 : MCQ hiệu quả 1. Phân tích câu hỏi trước khi thi nhằm phát hiện các lỗi thường gặp 2. Phân tích 10 nguyên tắc viết câu hỏi tốt 3. Phân tích câu hỏi sau thi: chỉ số khó, chỉ số phân cách, môi như 4. Viết được 03 câu MCQ tốt phù hợp thang Bloom		4	8	CLO3 CLO3 CLO6, 9,10, 11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
4.	Chương 4: Một số phương pháp/ hoạt động dạy học tích cực	30	10	20		
	Bài 6: Nguyên tắc dạy học người lớn 1. Giải thích được cách học của người lớn		2	0	CLO4	DH Trực tiếp, học dựa trên

	<p>2. Phân tích được 7 nguyên tắc học tập của người lớn</p> <p>3. Áp dụng được 7 nguyên tắc này để nâng cao hiệu quả của việc giảng dạy cho người lớn</p>				CLO4 CLO7, 9,10, 11	câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
	<p>Bài 6: Thuyết trình hiệu quả</p> <p>4. Phân tích 5 yếu tố thiết yếu giúp thuyết trình hiệu quả</p> <p>5. Tránh 5 sai lầm thường gặp khi thuyết trình</p> <p>6. Áp dụng 5 nguyên tắc thiết kế slide tốt và cải thiện kỹ năng thuyết trình</p>		2		CLO4 CLO4 CLO7, 9,10, 11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
	<p>Bài 7: Hệ thống tương tác</p> <p>1. Phân tích được ưu điểm của AIRS</p> <p>2. Áp dụng AIRS để tạo bài giảng</p>		0	4	CLO4 CLO7, 9,10, 11	Day 1 kỹ năng
	<p>Bài 8: Các phương pháp dạy học tích cực</p> <p>1. Định nghĩa khái niệm “dạy-học” tích cực</p> <p>2. Hiểu lý do tại sao phải dạy-học tích cực</p> <p>3. Giải thích 7 nguyên tắc dạy-học tích cực</p> <p>4. Giải thích ý nghĩa của 5 phương pháp dạy-học tích cực</p> <p>5. Lập kế hoạch dạy-học tích cực</p>		6	16	CLO4 CLO4 CLO4 CLO4 CLO7, 9,10, 11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
5.	<p>Chương 5: Hướng dẫn học tập, kế hoạch bài dạy học</p> <p>1. Phân tích được một kế hoạch bài giảng, hướng dẫn học tập tốt</p> <p>2. Xây dựng được một kế hoạch bài giảng, hướng dẫn học tập tốt</p>	10	2	8	CLO4 CLO8, 9,10, 11	DH Trực tiếp, học dựa trên câu hỏi (Thuyết trình + Thảo luận)
Tổng số		90	30	60		

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- 1) Phạm Văn Thức, Nguyễn Ngọc Sáng: “Phương pháp dạy - học lâm sàng” Nhà Xuất bản Y học, 2012

2) Trần Diệp Tuấn (2020). Giảng dạy lâm sàng dựa trên năng lực. NXB Y học

5.2. Tài liệu tham khảo

1) Phạm Thị Minh Đức (2019). Sư phạm Y học Thực hành. NXB Giáo dục Việt Nam

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

- 1) PGS.TS Nguyễn Ngọc Sáng - Cố vấn chuyên môn Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 2) TS.BS Nguyễn Thị Phương Mai - Giảng viên Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học - Phụ trách học phần.
- 3) TS.BS Đào Thu Hồng - Giảng viên Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 4) TS.BS Vũ Mạnh Tân - Giảng viên Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.
- 5) TS.BS Kê Thị Lan Anh - Giảng viên Trung tâm Giáo dục Y học và Nghiên cứu khoa học.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động, mic không dây, wifi, phần mềm tương tác Kahoot, Poll Everywhere, Menti

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách Đơn vị
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Nguyễn Thị Phương Mai	Bộ môn Hoá sinh, TT GDYH&NCKH	ntpmai@hpmu.edu.vn
2	Đào Thu Hồng	Bộ môn Sinh lý, TT GDYH&NCKH	dthong@hpmu.edu.vn
3	Vũ Mạnh Tân	Bộ môn Nội, TT GDYH&NCKH	vmtan@hpmu.edu.vn
4	Kê Lan Anh	Bộ môn Nội, TT GDYH&NCKH	kelananh1980@gmail.com
5	Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi, TT GDYH&NCKH	nnsang@hpmu.edu.vn

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Lê Thi Yên	BM Giải Phẫu, TT GDYH&NCKH	Giáo vụ
2	Nguyễn Thị Chinh	TT GDYH&NCKH	Cán bộ hành chính
3	Đặng Văn Minh	TT GDYH&NCKH	Trợ giảng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỐNG KÊ Y SINH

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Toán - Tin ứng dụng	
Mã học phần: YHTT.511	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Điều dưỡng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Toán học phụ trách phần lý thuyết, Bộ môn Tin học phụ trách phần thực hành Email liên hệ: bmtolan@hpmu.edu.vn; bmtin@hpmu.edu.vn. Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1	1		
Số tiết	45	15	30		45
Số buổi	...	4	...		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Mô tả vị trí của học phần đối với chương trình đào tạo, những nội dung chính yếu của học phần; Định hướng, kế hoạch, nguồn lực để đạt được học phần).

Học phần Thống kê y sinh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng.

Học phần có thời lượng 2 tín chỉ (1 lý thuyết và 1 thực hành).

- Phần lý thuyết cung cấp các kiến thức cơ bản của Toán thống kê ứng dụng trong phân tích dữ liệu nghiên cứu khoa học.

- Phần thực hành trang bị cho học viên các kiến thức về tin học trong lĩnh vực sức khỏe; giúp người học có các kỹ năng thực hiện thành thạo, hiệu quả nhất trong việc xử lý số liệu thống kê, trích dẫn tài liệu tham khảo, trình bày và báo cáo luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học đúng qui cách, lưu trữ, quản lý, bảo mật dữ liệu.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Áp dụng được kiến thức Toán thống kê để giải quyết các bài toán cơ bản trong phân tích dữ liệu nghiên cứu khoa học: mô tả dữ liệu định tính, mô tả dữ liệu định lượng; ước lượng trung bình, tỷ lệ, OR; so sánh trung bình, so sánh tỷ lệ, kiểm định tính độc lập, kiểm định phân phối chuẩn, kiểm định hạng; tương quan và hồi quy tuyến tính.	PLO2. Áp dụng được các kiến thức về thống kê, nghiên cứu khoa học và y học để thực hiện được một hoạt động nghiên cứu Điều dưỡng
CLO2	Thực hiện được thành thạo phần mềm phân tích số liệu trong nghiên cứu khoa học: thiết kế, nhập số liệu, trình bày kết quả dưới dạng bảng, biểu đồ và phiên giải được các kết quả phân tích.	PLO2. Áp dụng được các kiến thức về thống kê, nghiên cứu khoa học và y học để thực hiện được một hoạt động nghiên cứu Điều dưỡng
CLO3	Thực hiện được việc quản lý và trình bày tài liệu tham khảo; kỹ thuật trình bày báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học, lưu trữ, quản lý và bảo mật an toàn dữ liệu.	PLO9. Sử dụng thành thạo các kỹ năng tin học cơ bản trong thực hành nghề nghiệp.
CLO4	Tự học hiệu quả	PLO12. Tinh thần tự học suốt đời và dẫn dắt đồng nghiệp ở lĩnh vực chăm sóc người bệnh

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần gồm:

a. Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn

b. Lượng giá cuối kỳ

- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:

+ Kiến thức: Thi tự luận, đề thi gồm 3 câu theo cấu trúc

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1 (100%)	0	0	100%	0	0	0	100%

Tổng	0	0	100%	0	0	0	100%
-------------	----------	----------	-------------	----------	----------	----------	-------------

+ Kỹ năng: làm bài thi trên máy tính gồm có 2 phần: Xử lý số liệu trên phần mềm thống kê và Phần trình bày báo cáo.

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (60%)	-	-	60%	-
CLO3 (40%)	-	-	40%	-
Tổng	0	0	100%	0

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm:

- Thái độ học tập nghiêm túc.
- Tham dự ít nhất 85% số tiết học lý thuyết.
- Tham dự 100% số tiết học thực hành.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = (\text{LT} + \text{TH})/2$$

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

4.1 Lý Thuyết:

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	TH /LS				
1	Bài 1. Thống kê mô tả 1. Tổng thể và mẫu 2. Mô tả biến định tính 3. Mô tả biến định lượng 4. Mô tả tương quan giữa các biến	2	0	CLO1, CLO4	Thuyết trình; Tự học.	1	
2	Bài 2. Ước lượng tham số 1. Khái niệm về ước lượng điểm và ước lượng khoảng 2. Ước lượng trung bình 3. Ước lượng tỷ lệ 4. Ước lượng OR	3	0	CLO1, CLO4	Thuyết trình; Tự học.	1	
3	Bài 3. So sánh trung bình của biến có phân phối chuẩn 1. Khái niệm về kiểm định giả thuyết thống kê 2. So sánh trung bình tổng thể với một số 3. So sánh các trung bình	3	0	CLO1, CLO4	Thuyết trình; Tự học.	1	
4	Bài 4. Kiểm định phân phối chuẩn và kiểm định hạng 1. Kiểm định phân phối chuẩn 2. Kiểm định Mann – Whitney 3. Kiểm định tổng hạng theo dấu của Wilcoxon	3	0	CLO1, CLO4	Thuyết trình; Tự học.	1	

5	Bài 5. So sánh tỷ lệ và kiểm định tính độc lập 1. So sánh tỷ lệ với một số 2. So sánh các tỷ lệ và kiểm định tính độc lập của hai biến định tính	2	0	CLO1, CLO4	Thuyết trình; Tự học.	1	
6	Bài 6. Tương quan và hồi quy tuyến tính	2	0	CLO1, CLO4	Thuyết trình; Tự học.	1	
	Tổng Lý thuyết	15					

4.2. Thực hành

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	TH				
1	Bài 1: TẠO DỮ LIỆU VÀ THAO TÁC VỚI CÁC BIẾN 1. Tạo tệp dữ liệu 2. Các thao tác trên biến		5	CLO1, CLO4	GV làm mẫu, hướng dẫn HV thực hành. - Học ở nhà: HV tự đọc trước các yêu cầu trong bài thực hành 1, đọc lại kiến thức liên quan trong giáo trình, chuẩn bị nội dung cho bài thực hành.	1	1
2	Bài 2: TRÌNH BÀY DỮ LIỆU 1. Lập bảng tần số 2. Tính các đại lượng trong thống kê mô tả		5	CLO1, CLO4	- GV làm mẫu, hướng dẫn HV thực hành. - Học ở nhà: HV tự đọc trước các yêu cầu trong bài thực hành 2, đọc lại kiến	1	1

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	TH				
	3. Vẽ biểu đồ				thức liên quan trong giáo trình, chuẩn bị nội dung cho bài thực hành.		
3	Bài 3: KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT THỐNG KÊ 1. Kiểm định phân phối chuẩn. 2. Kiểm định có tham số		5	CLO1, CLO4	- GV làm mẫu, hướng dẫn HV thực hành. - Học ở nhà: HV tự đọc trước các yêu cầu trong bài thực hành 3, đọc lại kiến thức liên quan trong giáo trình, chuẩn bị nội dung cho bài thực hành.	1	1
4	Bài 3: KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT THỐNG KÊ (Tiếp theo) 3. Kiểm định phi tham số Bài 4: TƯƠNG QUAN VÀ HỒI QUY TUYẾN TÍNH 1. Tương quan tuyến tính 2. Hồi quy tuyến tính đơn biến 3. Hồi quy tuyến tính đa biến		2 3	CLO1, CLO4	- GV làm mẫu, hướng dẫn HV thực hành. - Học ở nhà: HV tự đọc trước các yêu cầu trong bài thực hành 4, đọc lại kiến thức liên quan trong giáo trình, chuẩn bị nội dung cho bài thực hành.	1	1
5	Bài 5: TRÍCH XUẤT TÀI LIỆU THAM KHẢO		5	CLO2, CLO4	- GV làm mẫu, hướng dẫn HV thực hành. - Học ở nhà: HV tự đọc trước các yêu	1	1

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	TH				
					câu trong bài thực hành 5, đọc lại kiến thức liên quan trong giáo trình, chuẩn bị nội dung cho bài thực hành.		
6	Bài 6: TRÌNH BÀY VÀ BÁO CÁO LUẬN VĂN		5	CLO2, CLO4	- GV làm mẫu, hướng dẫn HV thực hành. - Học ở nhà: HV tự đọc trước các yêu cầu trong bài thực hành 6, đọc lại kiến thức liên quan trong giáo trình, chuẩn bị nội dung cho bài thực hành.	1	1
	Tổng thực hành		30				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Toán học – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2020). *Bài giảng lý thuyết Toán Tin ứng dụng*.

[2] Bộ môn Tin học - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2021). *Bài giảng thực hành Toán Tin ứng dụng*.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1] Đặng Hùng Thắng (2020). *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[2] IIG Việt Nam, Microsoft Office Word 2013: Nội dung đào tạo tương thích kỳ thi MOS, NXB tổng hợp, 2019.

[3] Nguyễn Văn Sơn, Khai thác thông tin và tạo lập bài giảng điện tử: Dự án Việt Nam Hà Lan, NXB Y học, 2013.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng, phấn
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Đào Thu Hằng	Bộ môn Toán học	dthang@hpmu.edu.vn
2	Nguyễn Ngọc Tú	Bộ môn Toán học	nntu@hpmu.edu.vn
3	Nguyễn Thị Huệ	Bộ môn Toán học	nthue@hpmu.edu.vn
4	Nguyễn Thị Hương Thảo	Bộ môn Toán học	nththao@hpmu.edu.vn
..			

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỌC THUYẾT ĐIỀU DƯỠNG

2. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Điều dưỡng bệnh Ngoại khoa nâng cao	
Mã học phần: CNĐDDTHS.04	
Đối tượng áp dụng: Thạc sỹ Điều dưỡng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Điều dưỡng người lớn – Khoa Điều dưỡng	
Email liên hệ:	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1		
Số tiết	60	30	30		
Số buổi					

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần kiến thức chung và kiến thức cơ sở
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác: Đáp ứng đúng nội quy của bộ môn

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

3.1. Mô tả chung

Học thuyết Điều dưỡng là học phần bắt buộc thuộc kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên các triết lý, lý thuyết và lịch sử của khoa học điều dưỡng. Học thuyết điều dưỡng đóng vai trò quan trọng trong giáo dục, quản lý, nghiên cứu và thực hành Điều dưỡng dựa vào bằng chứng.

3.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Mô tả được đặc điểm chính của mỗi loại học thuyết Điều dưỡng	PLO1
CLO2	Áp dụng được các học thuyết Điều dưỡng phù hợp vào trong nghiên cứu và thực hành Điều dưỡng	PLO1
CLO3	Thảo luận được việc sử dụng học thuyết	PLO6, PLO8

	Điều dưỡng trong thực hành chăm sóc người bệnh	
CLO4	Có tinh thần trung thực và trách nhiệm, tuân thủ nội quy môn học, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng	PLO11

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần:

Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: MCQ/Tự luận
- Thời gian: 60 phút
- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:
+ Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1 (60%)	(30%)	(30%)	(0%)	(...%)	(...%)	(...%)	(60%)
CLO2 (40%)	(10%)	(10%)	(20%)	(...%)	(...%)	(...%)	(40%)
Tổng	(40%)	(40%)	(20%)	(...%)	(...%)	(...%)	100%

+ Kỹ năng: bảng kiểm của case study

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO3(100%)			x	
Tổng			1	

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm: quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm,...

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} \cdot 0.1 + \text{TH} \cdot 0.3 + \text{LTCK} \cdot 0.6$$

TH = thực hành (bài kiểm tra case study)

LTCK: Điểm thi lý thuyết cuối kỳ

Sinh viên phải tham dự tất cả các bài thực hành và tham dự ít nhất 85% số tiết lý thuyết.

Sinh viên tham gia trực đầy đủ. Sinh viên thực hiện chỉ tiêu tay nghề phải đạt $\geq 70\%$ và hoàn thành đủ 01 kế hoạch chăm sóc/tuần thì mới được tham dự thi thực hành.

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) thì mới được dự thi kết thúc học phần.

Sinh viên phải hoàn thành học phí theo đúng thời gian quy định của trường.

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học				
1.	Bài 1: Học thuyết điều dưỡng: Ý nghĩa, lịch sử hình thành, phát triển	6	0	8	CLO1	Bài giảng Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
2.	Bài 2: Học thuyết về thiếu hụt sự tự chăm sóc theo Orem	4	5	8	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	Bài giảng Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
3.	Bài 3: Học thuyết hệ thống Neuman	4	5	8	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	Bài giảng Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
4.	Bài 4: Mô hình thích ứng Roy	4	5	8	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	Bài giảng Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
5.	Bài 5: Học thuyết chăm sóc con người theo Watson	4	5	8	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	Bài giảng Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	

6.	Bài 6: Lý thuyết về mối quan hệ giữa các cá nhân của Peplau	4	5	8	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	Bài giảng Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
7.	Bài 7: Học thuyết chuyển đổi Meleis	4	5	8	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	Bài giảng Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
8	Tổng	30	30					

* đồng giảng: chỉ áp dụng cho buổi dạy-học theo ca lâm sàng

** trợ giảng: chỉ áp dụng cho các buổi học lý thuyết có thảo luận nhóm.

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu “Học thuyết Điều dưỡng” lưu hành nội bộ của học phần biên soạn được Nhà trường phê duyệt.

5.2. Tài liệu tham khảo

- 1.Nursing theory: utilization & application / [edited by] Martha Raile Alligood. – Fifth edition. Elsevier, 2014. – 476p;
- 2.Nursing theories and nursing practice / [edited by] Marilyn E. Parker, Marlaine Cappelli Smith. — 3rd ed. F. A. Davis Company, 2010. – 539p;
- 3.Nursing theories and models / Hugh McKenna published 1997 by Routledge, 1997. -289p;

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng – bảng trắng, giấy A0, phấn, bút dạ
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (phụ lục)
- Phòng bệnh, hồ sơ, bệnh án
- Trang thiết bị y tế: máy monitoring, máy đo huyết áp,...

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Thị Thu Hương

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Điều dưỡng Người lớn	ntthuong@hpmu.edu.vn
2	Phạm Thị Thu Hương	Bộ môn Điều dưỡng Người lớn	ptthuong@hpmu.edu.vn
3	Đỗ Thị Lan Anh	Bộ môn Điều dưỡng Sân	dtlanh@hpmu.edu.vn

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Đỗ Thị Thu Huyền	Bộ môn Điều dưỡng Nhi	Hỗ trợ thực hành
2	Vũ Thị Cẩm Doanh	Bộ môn Điều dưỡng Người lớn	Hỗ trợ thực hành
3	Lương Thị Thu Giang	Bộ môn Điều dưỡng Người lớn	Hỗ trợ thực hành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ ĐIỀU DƯỠNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Lãnh đạo và Quản lý Điều dưỡng	
Mã học phần: CNĐDDTHS.05	
Đối tượng áp dụng: Cao học Điều dưỡng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng - Khoa Điều dưỡng	
Email liên hệ: ptthu@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0988591309	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	4	2	2	0	
Số tiết	90	30	60	0	90
Số buổi	21	7	14	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Học thuyết Điều dưỡng, tâm lý Y học, phương pháp dạy học trong ĐD
- Học phần học trước: Thực hành Điều dưỡng dựa vào bằng chứng, Thực hành Điều dưỡng nâng cao
- Điều kiện khác: Đáp ứng đúng nội quy của bộ môn và cơ sở thực hành

1. MÔ TẢ HỌC PHẦN

1.1. Mô tả chung

Module Quản lý điều dưỡng là học phần bắt buộc đối với học viên cao học Điều dưỡng năm thứ nhất. Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức về phong cách lãnh đạo, quy trình quản lý điều dưỡng, các kỹ năng thiết yếu điều hành trong công tác điều dưỡng nhằm hướng tới cải thiện và củng cố chất lượng chăm sóc người bệnh ngày càng tốt hơn tại các cơ sở khám bệnh chữa bệnh. Đồng thời giúp học viên áp dụng được các kỹ năng quản lý để thực hiện vai trò, chức năng của một người làm quản lý điều dưỡng, phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả.

1.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Phân tích được các chức năng của quản lý, vai trò và nhiệm vụ	PLO8

	của người quản lý ở các cấp	
CLO2	Phân tích được các kiến thức về kỹ năng quản lý	PLO8
CLO3	Trình bày được tổng quan về an toàn người bệnh, bộ chuẩn đánh giá chất lượng chăm sóc và các phương pháp đánh giá chất lượng chăm sóc người bệnh và	PLO6
CLO4	Áp dụng được phong cách lãnh đạo, quản lý trong điều hành công tác điều dưỡng	PLO8
CLO5	Vận dụng được các kỹ năng quản lý trong công tác quản lý điều dưỡng	PLO3, PLO6, PLO8
CLO6	Áp dụng được phương pháp đánh giá chất lượng chăm sóc người bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	PLO6
CLO7	Thực hiện được các giải pháp đảm bảo an toàn cho người bệnh điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	PLO6

2. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

2.1. Lượng giá học phần:

Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: MCQ/Tự luận
- Thời gian: 60 phút
- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:
 - + Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1 (30%)	(5%)	(5%)	(10%)	(10%)	(0%)	(0%)	(30%)
CLO2 (30%)	(5%)	(5%)	(10%)	(10%)	(0%)	(0%)	(30%)
CLO3 (40%)	(10%)	(10%)	(15%)	(5%)	(0%)	(0%)	(40%)
Tổng	(20%)	(20%)	(35%)	(25%)	(0%)	(0%)	100%

+ Kỹ năng: Làm bài tập tình huống

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm: quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm.

2.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CCx} 0.1 + \text{THx}0.4 + \text{LGCKx}0.5$$

$$\text{TH} = \text{Bài tập tình huống (TH: là điểm lượng giá thực hành)}$$

LTCK: Điểm thi lý thuyết cuối kỳ lý thuyết.

Sinh viên phải tham dự tất cả các bài thực hành và tham dự ít nhất 85% số tiết lý thuyết.

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) thì mới được dự thi kết thúc học phần.

Sinh viên phải hoàn thành học phí theo đúng thời gian quy định của trường.

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	TH/LS				
1	Bài 1 Đại cương về quản lý, quản lý điều dưỡng	2	0	CLO1	Thuyết trình	1	0
2	Bài 2 Áp dụng quản lý chất lượng tổng thể trong quản lý điều dưỡng	1	4	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	1	1
3	Bài 3 Phong cách lãnh đạo và quản lý.	2	4	CLO1; CLO4	Thuyết trình, Thảo luận nhóm	1	1
4	Bài 4 Quản lý đào tạo liên tục vai trò của điều dưỡng trưởng	1	0	CLO2	Thuyết trình	1	0
5	Bài 5 Chức trách, vai trò, phẩm chất của điều dưỡng trưởng trong bối cảnh đổi mới	2	4	CLO1, CLO2, CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	1
6	Bài 6 Nội dung thông tư 31/2021/TT-BYT quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện	2	4	CLO2, CLO6	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	1
7	Bài 7 Chuẩn chất lượng chăm sóc người bệnh và phương pháp đánh giá chất lượng chăm sóc	2	12	CLO3, CLO6	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	1
8	Bài 8 Các kỹ năng áp dụng trong quản lý - lãnh đạo	16	28	CLO2, CLO5	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	1
9	Bài 9 Tổng quan về an toàn người bệnh. Các giải pháp đảm bảo an toàn người bệnh	2	4	CLO3, CLO7	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	0
Tổng		30	60				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Khoa Điều dưỡng, Bài giảng quản lý điều dưỡng.

- Bộ Y tế (2004). *Quản lý điều dưỡng*.

- Hội Điều dưỡng Việt Nam (2012). *Các kỹ năng quản lý*.

5.2. Tài liệu tham khảo

- Hội Điều dưỡng Việt Nam (2012). *Quản lý và lãnh đạo hiệu quả*

- Lê Văn An. *Tài liệu Quản lý điều dưỡng*.

- K. Patricia (2008). *Nursing leadership and management*. Clifton Park NY.

- Diane L, H (2010). *Leadership and Nursing care management*.

- J. Allen, I. McDonnell (2002). *Festival and special event management*. John Wiley & Sons Australia publisher.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

- Ths. GVC. Phạm Thị Thu – Phó trưởng khoa Điều dưỡng – Trường ĐH Y Dược Hải Phòng.

- TS. Đỗ Thị Lan Anh – Khoa Điều dưỡng – Trường ĐH Y Dược Hải Phòng.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng di động

- Phòng thực hành nhóm nhỏ

- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,... để sinh viên thực hành/ thực tập (phụ lục).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Ths. GVC. Phạm Thị Thu	Khoa Điều dưỡng	ptthu@hpmu.edu.vn
2	TS. Đỗ Thị Lan Anh	Khoa Điều dưỡng	dtlanh@hpmu.edu.vn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG NÂNG CAO**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG NÂNG CAO
Mã học phần: CNDDTHS.06
Đối tượng áp dụng: Thạc sỹ Điều dưỡng
Loại học phần:
<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn
Thuộc khối kiến thức:
<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Khoa điều dưỡng

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	$A = a + b + c$	a	b	c	
	4	4	0	0	
Số tiết	$B = x + y + z$	$x = a \times 15$	$y = b \times 30$	$z = c \times 45$	$C = a \times 30 + b \times 15$
	60	60	0	0	120
Số buổi	36	12	0	0	24

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần học trước: Quản lý điều dưỡng và chính sách y tế
- Học phần song hành

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mục tiêu (Course objective: CO)

- Học viên có kiến thức liên quan đến khái niệm thực hành điều dưỡng nâng cao, học viên hiểu và tiếp cận được với chuẩn đầu ra, đồng thời có thể tham mưu được đến các chính sách về điều dưỡng và thực hành chăm sóc.

- Học phần giúp học viên hiểu được sâu sắc về vị trí của người điều dưỡng trong hệ thống y tế đồng thời áp dụng được thực hành điều dưỡng nâng cao trong các công tác điều dưỡng.

2.2. Chuẩn đầu ra (Course learning outcomes: CLO)

CLO1: Phân tích được những khái niệm, đặc điểm, năng lực và vấn đề đạo đức của người điều dưỡng trong thực hành nâng cao

CLO2: Phân tích được các vấn đề hiện tại ảnh hưởng đến việc thể hiện vai trò của thực hành điều dưỡng nâng cao tại Việt nam

CLO3: Đánh giá được việc áp dụng các năng lực của thực hành điều dưỡng nâng cao vào thực hành nghề nghiệp

CLO4: Nhận định và đưa ra cách áp dụng của thực hành điều dưỡng nâng cao trong thực hành nghề nghiệp tại đơn vị công tác của mình

CLO5: Đề xuất các giải pháp cho thực hành điều dưỡng nâng cao ở Việt nam

c. Ma trận CDR của học phần (CLO) và CDR của CTĐT (PLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Phân tích được những khái niệm, đặc điểm, năng lực và vấn đề đạo đức của người điều dưỡng trong thực hành nâng cao	
CLO2	Phân tích được các vấn đề hiện tại ảnh hưởng đến việc thể hiện vai trò của thực hành điều dưỡng nâng cao tại Việt nam	
CLO3	Đánh giá được việc áp dụng các năng lực của thực hành điều dưỡng nâng cao vào thực hành nghề nghiệp	
CLO4	Nhận định và đưa ra cách áp dụng của thực hành điều dưỡng nâng cao trong thực hành nghề nghiệp tại đơn vị công tác của mình	
CLO5	Đề xuất các giải pháp cho thực hành điều dưỡng nâng cao ở Việt nam	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc lý thuyết và thực hành

a. Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/làm pre-test,...

- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module....

b. Lượng giá cuối kỳ

Báo cáo chuyên đề/ thi MCQ

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} \times 0.1 + \text{LTGK} \times 0.2 + \text{LGCK} \times 0.7$$

CC: Chuyên cần

LTGK: Lý thuyết giữa kỳ

LGCK: lượng giá kiến thức cuối kỳ

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

5. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	TH /LS				
1	Đại cương về thực hành điều dưỡng nâng cao	5		CLO1	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	1	
2	Xu hướng toàn cầu về thực hành điều dưỡng nâng cao	5		CLO2	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	1	
3	Vấn đề đạo đức trong thực hành điều dưỡng nâng cao	5		CLO1		1	
4	Năng lực của điều dưỡng thực hành lâm sàng, điều dưỡng thực hành chăm sóc tuyến cơ sở, điều dưỡng thực hành cấp cứu	10		CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	1	
5	Năng lực của điều dưỡng sản khoa, điều dưỡng nhi khoa, điều dưỡng thực hành gây mê	10		CLO3		1	

6	Nâng cao năng lực lãnh đạo trong phát triển thực hành điều dưỡng nâng cao	10		CLO4	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	1	
7	Phát triển vai trò thực hành điều dưỡng nâng cao tại Việt nam	5		CLO2	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	1	
8	Áp dụng nghiên cứu trong thực hành điều dưỡng nâng cao	10		CLO4	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	1	
	Tổng	60					

6. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

6.1. Tài liệu học tập

Giáo trình: Thực hành điều dưỡng nâng cao (dành cho đối tượng sau đại học) - Tài liệu lưu hành nội bộ

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Susan M, Anne M (2016) Advance nursing practice (3rd), Ones & Bartlett Learning, Wall.
2. Susan M, Anne M (2021) Advance nursing practice (4th), Ones & Bartlett Learning, Wall.

7. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

TS. Phạm Thị Thu Hương

TS. Nguyễn Thị Thu Hương

TS. Đỗ Thị Lan Anh

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Cơ sở thực hành: Phòng học, thư viện tự học và tra cứu tài liệu

9. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Ts. Phạm Thị Thu Hương	Khoa điều dưỡng	ptthuong@hpmu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa điều dưỡng	ntthuong@hpmu.edu.vn
3	TS. Đỗ Thị Lan Anh	Khoa điều dưỡng	dtlanh@hpmu.edu.vn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG DỰA VÀO BẰNG CHỨNG**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Thực hành Điều dưỡng dựa vào bằng chứng	
Mã học phần: CNĐDTHS.07	
Đối tượng áp dụng: học viên cao học Điều dưỡng	
Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Khoa Điều dưỡng	
Email liên hệ: dtlanh@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0984.819.773	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	4	2	2		
Số tiết	90	30	60		$C = 2 \times 30 + 2 \times 15 = 90$
Số buổi	18	6	12		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Nghiên cứu khoa học trong Điều dưỡng
- Học phần học trước: Khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Thực hành Điều dưỡng dựa vào bằng chứng gồm 4 tín chỉ:

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Đánh giá được các bằng chứng hiện tại liên quan đến các vấn đề lâm sàng nhằm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng. Áp dụng quy trình thực hành dựa trên chứng cứ vào thực hành lâm sàng	<p>PLO2. Áp dụng được các kiến thức về thống kê, nghiên cứu khoa học và y học để thực hiện được một hoạt động nghiên cứu Điều dưỡng</p> <p>PLO8. Thực hiện được các kỹ năng lãnh đạo, tổ chức và ra quyết định quan trọng, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng xây dựng mối quan hệ làm việc hiệu quả để thúc đẩy chăm sóc bệnh nhân chất lượng cao và an toàn</p> <p>PLO9. Sử dụng thành thạo các kỹ năng tin học cơ bản trong thực hành nghề</p>

		nghiệp. PLO10. Áp dụng trình độ ngoại ngữ cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 khung Châu Âu chung trong chăm sóc sức khỏe đa quốc gia, hướng tới hội nhập quốc tế. PLO11. Hành nghề chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp
CLO2	Phát triển kỹ năng truy cập, phân tích và tổng hợp các cơ sở dữ liệu và các bằng chứng để đưa ra các quyết định lâm sàng trong chăm sóc người bệnh	PLO1. Áp dụng được các nguyên lý chăm sóc và quy trình điều dưỡng trong nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc, can thiệp điều dưỡng và sử dụng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả PLO6. Tổ chức và thực hiện quản lý chăm sóc người bệnh an toàn khi điều trị nội trú, ngoại trú.

Phần lý thuyết gồm 2 tín chỉ (30 tiết) và phần thực hành gồm 2 tín chỉ (60 tiết). Học phần được xây dựng nhằm cung cấp một phương pháp tiếp cận phân tích và có hệ thống để đánh giá các nghiên cứu dựa trên bằng chứng được sử dụng trong thực hành lâm sàng, thông qua đó giải quyết các câu hỏi lâm sàng.

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần gồm:

Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: viết tự luận/ xây dựng đề cương thực hành dựa trên bằng chứng

- Thời gian: 90 phút (viết tự luận)

- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:

+ Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1 (%)	(80 %)	(20%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)
Tổng	(80 %)	(20%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	100%

+ Kỹ năng: xây dựng một đề cương thực hành dựa trên bằng chứng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (100%)		-	x	-
Tổng			1	...

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{KN} * 0.5 + \text{Lý thuyết} * 0.5.$$

KN: Điểm xây dựng đề cương thực hành dựa vào bằng chứng

LT: Điểm thi lý thuyết

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	TH /LS				
1	Đại cương về thực hành điều dưỡng dựa trên bằng chứng (EBP): Khái niệm, lịch sử, và mục đích của EBP	2	0	CLO1	Thuyết trình, Thảo luận		
2	Vai trò của bằng chứng trong các quyết định lâm sàng. Phương pháp nghiên cứu và các mức độ của bằng chứng Nghiên cứu định tính (Qualitative Research) Nghiên cứu mô tả (Descriptive Research) Nghiên cứu tương quan (Correlational Research) Nghiên cứu thực nghiệm (Experimental Research) Nghiên cứu đoàn hệ (Cohort Research) Tổng quan y văn có hệ thống (Systematic Reviews)	7	20	CLO1, CLO2	Thuyết trình, Thảo luận, Tình huống		
3	Đánh giá tổng quan bài y văn: lựa chọn, phân tích và lượng giá bài báo	5	10	CLO1, CLO2	Thuyết trình, Thảo luận,		
4	Thực hành dựa vào bằng chứng: xác định câu hỏi lâm sàng PICO, tìm bằng chứng (tìm bằng chứng trong Pubmed bằng PICO)	5	10	CLO1, CLO2	Thuyết trình, Thảo luận, Tình huống		

	Cách tìm nguồn tài liệu y văn : CINAHL, Cochrane, Medline, Pubmed, index Medicus, Hinari...)						
5	Phân tích một bài báo khoa học	6	10	CLO1, CLO2	Thuyết trình, Thảo luận, Tình huống		
6	Chia sẻ thông tin với người khác Có 3 cách Poster Giấy (tạp chí) Miệng	5	10	CLO1, CLO2	Thuyết trình, Thảo luận,		

* đồng giảng: chỉ áp dụng cho buổi dạy-học theo ca lâm sàng

** trợ giảng: chỉ áp dụng cho các buổi học lý thuyết có thảo luận nhóm.

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

Thực hành Điều dưỡng dựa vào bằng chứng, tài liệu biên soạn Khoa Điều dưỡng, trường Đại học Y Dược Hải Phòng (tài liệu lưu hành nội bộ)

5.2. Tài liệu tham khảo

Phạm Đức Mục (2016). *Nghiên cứu điều dưỡng* (tái bản lần 3), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

10. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Ts. Đỗ Thị Lan Anh	Khoa Điều dưỡng, Đại học Y Dược Hải Phòng	dtlanh@hpmu.edu.vn
2	Ts. Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Điều dưỡng, Đại học Y Dược Hải Phòng	ntthuhuong@hpmu.edu.vn
3	Ts. Phạm Thị Thu Hương	Khoa Điều dưỡng, Đại học Y Dược Hải Phòng	ptthuhuong@hpmu.edu.vn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐIỀU DƯỠNG BỆNH NỘI KHOA NÂNG CAO

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: ĐIỀU DƯỠNG BỆNH NỘI KHOA NÂNG CAO	
Mã học phần: TCĐDDTHS.08	
Đối tượng áp dụng: Thạc sỹ Điều dưỡng	
Loại học phần:	
<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ	
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Khoa điều dưỡng	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	$A = a + b + c$	a	b	c	
	3	2	0	1	
Số tiết	$B = x + y + z$	$x = a \times 15$	$y = b \times 30$	$z = c \times 45$	$C = a \times 30 + b \times 15$
	105	30	0	45	30
Số buổi	21	6	0	9	6

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần học trước: Kỹ năng giao tiếp, Giáo dục sức khỏe, Dinh dưỡng tiết chế, thực hành dựa vào bằng chứng, học thuyết điều dưỡng
- Học phần song hành

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mục tiêu (Course objective: CO)

- Có kiến thức về đặc điểm, nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, điều trị các bệnh Nội khoa
- Xây dựng được quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh nội khoa trên lâm sàng và trong cộng đồng nhằm nâng cao khả năng tự chăm sóc, quản lý bệnh, và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người mắc bệnh nội khoa, đồng thời cũng nắm được những vấn đề trong nghiên cứu điều dưỡng người lớn mắc bệnh nội khoa.

2.2. Chuẩn đầu ra (Course learning outcomes: CLO)

a. Về kiến thức

CLO1: Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của các bệnh nội khoa

b. Về kỹ năng

CLO2: Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc dựa vào suy luận tư duy và bằng chứng khoa học

CLO3: Phát triển mô hình chăm sóc bệnh nội khoa dựa vào bằng chứng khoa học

2.3. Ma trận CDR của học phần (CLO) và CDR của CTĐT (PLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng của các bệnh nội khoa	PLO1, PLO5, PLO6
CLO2	Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc dựa vào suy luận tư duy và bằng chứng khoa học	PLO5, PLO6, PLO7
CLO3	Phát triển mô hình chăm sóc bệnh nội khoa dựa vào bằng chứng khoa học	PLO1

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

a) Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc lý thuyết và thực hành

b) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/làm pre-test...

- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module....

c) Lượng giá thực hành

+ Lượng giá thực hành lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập trên VLHT (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (60%)			x	
CLO3 (40%)			x	
Tổng			2	

d) Lượng giá cuối kỳ

+ Kiến thức: Thi tự luận 60 phút /2 câu

e) Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} \times 0.1 + \text{TH} \times 0.4 + \text{LGCK} \times 0.5$$

CC: Chuyên cần

TH: Lượng giá thực hành cuối kỳ

LGCK: lượng giá kiến thức cuối kỳ

Sinh viên có điểm:

+ LGCK < 2 thì điểm TKHP=0

+ TKHP \geq 4,0: ĐẠT; nếu điểm TKHP < 4,0: học lại theo quy chế

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	TH /LS				
1	Điều dưỡng nội hô hấp - tiêu hóa						
2	Chăm sóc người bệnh xuất huyết tiêu hóa nâng cao	2	3	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
3	Chăm sóc người bệnh có bệnh xơ gan nâng cao	1	2	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
4	Chăm sóc người bệnh mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính nâng cao	2	3	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
5	Chăm sóc người bệnh mắc các bệnh hen phế quản nâng cao	2	2	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
6	Chăm sóc người bệnh viêm phế quản nâng cao	1	2	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	

7	Chăm sóc người bệnh ho ra máu nâng cao	1	2	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
8	Chăm sóc bệnh nhân ung thư phổi nâng cao	1	2	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
9	Điều dưỡng nội tim mạch – Thận – Tiết niệu						
10	Chăm sóc người bệnh có rối loạn huyết áp động mạch nâng cao	1	2	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
11	Chăm sóc người bệnh nhồi máu cơ tim nâng cao	2	3	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
12	Chăm sóc người bệnh mắc bệnh rối loạn nhịp tim nâng cao	2	2	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
13	Chăm sóc người bệnh suy tim nâng cao	2	3	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
14	Chăm sóc người bệnh suy thận nâng cao	2	3	CLO2, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
15	Chăm sóc người bệnh mắc các nhiễm khuẩn tiết niệu nâng cao	1	2	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	

16	Điều dưỡng bệnh thần kinh – cơ-xương- khớp						
17	Chăm sóc người bệnh mắc bệnh khớp nâng cao	2	2	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
18	Chăm sóc người bệnh tai biến mạch máu não nâng cao	2	3	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
19	Điều dưỡng nội tiết – huyết học – miễn dịch dị ứng						
20	Chăm sóc người bệnh ung thư máu nâng cao	2	3	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
21	Chăm sóc người bệnh suy tủy xương nâng cao	1	2	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
22	Chăm sóc người bệnh đái tháo đường nâng cao	2	3	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
23	Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp dị ứng nâng cao	1	1	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
	Tổng	30	45				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1 Tài liệu học tập

Giáo trình: Điều dưỡng nội khoa nâng cao (dành cho đối tượng sau đại học) - Tài liệu lưu hành nội bộ

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2012). Nội khoa cơ sở tập 1, Nhà xuất bản Y Học, Hà Nội.
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2012). Nội khoa cơ sở tập 2, Nhà xuất bản Y Học, Hà Nội.
3. Ann B.Hamric (2014). Advanced Practice Nursing (5th edition). Missouri: Elsevier.
4. Anne G. Perry (2014). Clinical nursing skills & techniques (8th ed), Missouri Elsevier.
5. Fukuhara S., et.al (2007), "Measuring health-related quality of life in patients with end-stage renal disease: why and how", Nature Clinical Practice Nephrology, 3(7), pp. 352-353.
6. Gohlke, H. et al. (2012). European Guidelines on cardiovascular disease prevention in clinical practice (version 2012). European Heart Journal,33, 1665–1667.
7. Haper, C. (2011). Vietnam noncommunicable disease prevention and control programme 2002-2010 implementation review. Retrieved from http://www.wpro.who.int/vietnam/topics/chronic_diseases/vietnam_noncommunicable_disease_prevention_and_control_program_2002_2010_imple_review.pdf
8. Linda H. Pellico (2013). Focus on Adult Health Medical-Surgical Nursing, Lippincott Williams & Wilkins.
9. Pakpour AH et al. (2010). "Health-related quality of life in a sample of Iranian patients on hemodialysis". Iran J Kidney Dis. 4(1):50-9.
10. Shannon R. Dirksen (2014). Clinical companion to medical surgical nursing: Assessment and management of clinical problems (9th ed). Missouri : Elsevier

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

TS. Phạm Thị Thu Hương

TS. Vũ Thị Thu Trang

TS. Vũ Mạnh Tân

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Cơ sở thực hành: Phòng thực hành, bệnh viện thực hành, thư viện tự học và tra cứu tài liệu

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Ts. Phạm Thị Thu Hương	Khoa điều dưỡng	ptthuong@hpmu.edu.vn
2	TS. Vũ Thị Thu Trang	Bộ môn Nội	vttrang@hpmu.edu.vn
3	TS. Vũ Mạnh Tân	Bộ môn Nội	vmtan@hpmu.edu.vn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐIỀU DƯỠNG BỆNH NGOẠI KHOA NÂNG CAO**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Điều dưỡng bệnh Ngoại khoa nâng cao	
Mã học phần: TCĐDTHS.09	
Đối tượng áp dụng: Thạc sỹ Điều dưỡng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Điều dưỡng người lớn – Khoa Điều dưỡng	
Email liên hệ:	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1		1	
Số tiết	60	15		45	
Số buổi		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần thuộc khối cơ sở và chuyên ngành bắt buộc
- Học phần học trước: Thực hành Điều dưỡng nâng cao
- Điều kiện khác: Đáp ứng đúng nội quy của bộ môn và bệnh viện thực hành

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Điều dưỡng bệnh ngoại khoa nâng cao là học phần tự chọn, trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng trong chăm sóc các bệnh lý Ngoại khoa nâng cao. Trên cơ sở đó sinh viên nhận định được các vấn đề chăm sóc của người bệnh, đưa ra được các chẩn đoán chăm sóc, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc các bệnh ngoại khoa nâng cao và thực hiện được những kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa ngoại để phối hợp với bác sỹ trong quá trình hồi phục sức khỏe cho người bệnh.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Mô tả được những kiến thức bệnh học, chăm sóc về các bệnh ngoại khoa nâng cao	PLO1
CLO2	Vận dụng được các kiến thức Điều dưỡng ngoại khoa nâng cao để nhận định những	PLO1

	vấn đề cần chăm sóc của người bệnh và đưa ra các chẩn đoán chăm sóc ưu tiên phù hợp với người bệnh	
CLO3	Vận dụng được các nguyên lý chăm sóc điều dưỡng trong việc lập kế hoạch chăm sóc và phòng bệnh cho người bệnh ngoại khoa nâng cao	PLO1
CLO4	Lập được kế hoạch chăm sóc phù hợp với người bệnh cụ thể mắc bệnh ngoại khoa nâng cao	PLO4, PLO5, PLO6
CLO5	Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng ngoại khoa nâng cao đúng quy trình	PLO4, PLO5
CLO6	Có tinh thần trung thực và trách nhiệm, tuân thủ nội qui môn học, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng	PLO11, PLO12
CLO7	Sẵn sàng áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng và kế hoạch chăm sóc trong chăm sóc người bệnh mắc bệnh ngoại khoa	PLO11, PLO12

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần:

Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: MCQ/Tự luận
- Thời gian: 60 phút
- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:
+ Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1 (30%)	(10%)	(20%)	(0%)	(...%)	(...%)	(...%)	(30%)
CLO2 (30%)	(5%)	(10%)	(10%)	(5%)	(...%)	(...%)	(30%)
CLO3 (40%)	(10%)	(10%)	(15%)	(5%)	(...%)	(...%)	(40%)
Tổng	(25%)	(40%)	(25%)	(10%)	(...%)	(...%)	100%

+ Kỹ năng: bảng kiểm

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO4 (80%)			x	
CLO5 (20%)			x	
Tổng			2	

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm: quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm,...

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TH} \times 0.5 + \text{LTCK} \times 0.5$$

TH = Thi tay nghề x 0.2 + Thi KHCS x 0.8 (TH: là điểm thi thực hành; KHCS: kế hoạch chăm sóc)

LTCK: Điểm thi lý thuyết cuối kỳ lý thuyết.

Sinh viên phải tham dự tất cả các bài thực hành và tham dự ít nhất 85% số tiết lý thuyết.

Sinh viên tham gia trực đầy đủ. Sinh viên thực hiện chỉ tiêu tay nghề phải đạt $\geq 70\%$ và hoàn thành đủ 01 kế hoạch chăm sóc/tuần thì mới được tham dự thi thực hành.

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) thì mới được dự thi kết thúc học phần.

Sinh viên phải hoàn thành học phí theo đúng thời gian quy định của trường.

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học				
1.	Bài 1: Can thiệp Điều dưỡng trong quản lý đau sau phẫu thuật	2	5	8	CLO1; CLO2	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
2.	Bài 2: Can thiệp Điều dưỡng trong Sơ – Cấp cứu Bỏng	2	6	8	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
3.	Bài 3: Chăm sóc người bệnh u nang thận	2	6	8	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
4.	Bài 4: Chăm sóc người bệnh phẫu thuật đường ruột	2	6	8	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5;	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	

					CLO6			
5.	Bài 5: Chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật kết hợp xương	3	8	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
6.	Bài 6: Chăm sóc người bệnh tăng áp lực nội sọ	2	8	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
7.	Bài 7: Chăm sóc người bệnh vết thương thấu ngực	2	6	10	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
8.	Tổng	15	45					

* đồng giảng: chỉ áp dụng cho buổi dạy-học theo ca lâm sàng

** trợ giảng: chỉ áp dụng cho các buổi học lý thuyết có thảo luận nhóm.

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu “Điều dưỡng Ngoại khoa nâng cao” lưu hành nội bộ của học phần biên soạn được Nhà trường phê duyệt.

5.2. Tài liệu tham khảo

4. Điều dưỡng ngoại 1 : sách đào tạo cử nhân điều dưỡng / Nguyễn Tấn Cường. - Tái bản lần thứ 3. - H. : Nxb Giáo dục Việt Nam, 2015. - 251tr.; 27cm.
5. Điều dưỡng ngoại 2 : Sách đào tạo cử nhân điều dưỡng / Nguyễn Tấn Cường. - Tái bản lần thứ tư. - H. : Nxb Giáo dục Việt Nam, 2016. - 283tr; 27cm. (15)
6. Medical - Surgical nursing: Assessment and management of clinical problems / Susan A.Sandstrom. - 9th ed. - Missouri: Elsevier, 2014. - 469p;
7. Medical surgical nursing: Patient centered collaborative care / Donna D.Ignatavicius. - 8th ed. - Missouri: Elsevier, 2016. - 1621p;
5. Trauma nursing the art and science/ Neff,Janet A.- London: Mosby, 1993-808p.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng – bảng trắng, giấy A0, phấn, bút dạ
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (phụ lục)
- Phòng bệnh, hồ sơ, bệnh án
- Trang thiết bị y tế: máy monitoring, máy đo huyết áp,...

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
4	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Điều dưỡng Người lớn	ntthuhuong@hpmu.edu.vn
5	TS. Phạm Văn Thương	Bộ môn Ngoại	pvthuong@hpmu.edu.vn
6	PGS. Cao Thị Bích Hạnh	Bệnh viện Việt Tiệp	Caohanh.viettiiep@gmail.com
7	TS. Nguyễn Thế May	Bệnh viện Việt Tiệp	nguyenthemay@gmail.com

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Ths. Phạm Thị Tuyết	Bộ môn Điều dưỡng Người lớn	Hỗ trợ giảng dạy thực hành
2			
..			

3. Vật tư tiêu hao

Bài	Tên dụng cụ/vật tư	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng/nhóm	Định mức SV/nhóm
1	Kim tiêm					
2	Kim tiêm					
3	Găng tay					
...

4. Danh mục các trang thiết bị / mô hình sử dụng

STT	Bài	Tên thiết bị/mô hình	Minh hoạ LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Bài 3	Mô hình sonde tiêu		x	Cái	1	
2	Bài 4, 6	Thiết bị hút áp lực âm	...	x	...	1	...
3	Bài 7	Hệ thống hút áp lực âm liên tục 1/2/3 bình	...	x	...	1	...

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐIỀU DƯỠNG SẢN PHỤ KHOA NÂNG CAO**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Điều dưỡng sản phụ khoa nâng cao	
Mã học phần: TCĐDDTHS.10	
Đối tượng áp dụng: học viên cao học Điều dưỡng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Khoa Điều dưỡng/ Bộ môn Điều dưỡng Sản	
Email liên hệ: dtlanh@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0984.819.773	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2		1	
Số tiết	75	30		45	$C = 2 \times 30 + 1 \times 15 = 75$
Số buổi	15	6		9	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Điều dưỡng sản phụ khoa nâng cao gồm 3 tín chỉ:

Phần lý thuyết gồm 2 tín chỉ (30 tiết) và phần thực hành tại bệnh viện gồm 1 tín chỉ (45 tiết). Học phần này nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản qua các giai đoạn. Từ đó học viên có khả năng lập và thực hiện hiệu quả qui trình điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người phụ nữ qua các giai đoạn.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Nhắc lại được kiến thức về sinh lý, một số bệnh lý ở các giai đoạn của người phụ nữ, từ đó có thể đưa ra các kế hoạch chăm sóc.	PLO1. Áp dụng được các nguyên lý chăm sóc và quy trình điều dưỡng trong nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc, can thiệp điều dưỡng và sử dụng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả

CLO2	Lập và thực hiện hiệu quả quy trình điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người phụ nữ qua các giai đoạn	<p>PLO1. Áp dụng được các nguyên lý chăm sóc và quy trình điều dưỡng trong nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc, can thiệp điều dưỡng và sử dụng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả</p> <p>PLO5. Phát hiện sớm được các biến cố bất thường và ra các quyết định xử trí người bệnh theo các chuyên khoa thuộc lĩnh vực Điều dưỡng.</p> <p>PLO6. Tổ chức và thực hiện quản lý chăm sóc người bệnh an toàn khi điều trị nội trú, ngoại trú.</p>

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần gồm:

Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: viết tự luận/ Lập KHCS
- Thời gian: 90 phút (viết tự luận)
- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:
+ Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1 (100 %)	(100 %)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)
	(100 %)	(%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)
Tổng	(80 %)	(..%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	100%

+ Kỹ năng: bảng kiểm chấm KHCS

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (100%)		-	x	-
Tổng			1	...

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \cdot 0.5 + \text{LT} \cdot 0.5.$$

LS: Điểm thi lâm sàng tại BV

LT: Điểm thi lý thuyết

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	TH /LS				
1	LT-01: Chăm sóc sức khỏe phụ nữ Chăm sóc SKSS vị thành niên Chăm sóc SKSS tuổi TMK-MK	5	0	CLO1	Thuyết trình; Thảo luận		
2	TH-01: Chăm sóc một số bệnh lý thường gặp ở tuổi TMK-MK	0	10	CLO2	Ca lâm sàng, Thảo luận		
3	LT-02: Chăm sóc phụ nữ trong thời kỳ mang thai Khám và chăm sóc phụ nữ khi mang thai Chăm sóc thai phụ có bệnh lý đi kèm	10	0	CLO1; CLO2	Thuyết trình; Thảo luận		
4	TH-02: Khám thai và chăm sóc phụ nữ khi mang thai	0	10	CLO2	Thảo luận, Ca lâm sàng		
5	TH-03: Chăm sóc thai phụ có bệnh lý kèm theo	0	10	CLO2	Thảo luận, Ca lâm sàng		
6	LT-03: Chăm sóc bà mẹ thời kỳ chuyển dạ	5	0	CLO1; CLO2	Thuyết trình; Thảo luận		
7	TH-04: Chăm sóc và theo dõi cuộc đẻ thường	0	5	CLO1; CLO2	Thảo luận, Ca lâm sàng		

8	LT-04: Chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ sau đẻ Chăm sóc bà mẹ sau đẻ Chăm sóc trẻ ngay sau đẻ	10	0	CLO1; CLO2	Thuyết trình; Thảo luận		
9	TH-05: Chăm sóc sản phụ sau đẻ	0	10	CLO2	Thảo luận, Ca lâm sàng		

* đồng giảng: chỉ áp dụng cho buổi dạy-học theo ca lâm sàng

** trợ giảng: chỉ áp dụng cho các buổi học lý thuyết có thảo luận nhóm.

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

Tài liệu giảng dạy Điều dưỡng Sản phụ khoa cho đối tượng sau đại học, Khoa Điều dưỡng, trường Đại học Y Dược Hải Phòng (tài liệu lưu hành nội bộ)

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ y tế (1996). Điều dưỡng sản phụ khoa, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
 2. Bộ y tế (2007). Điều dưỡng sản phụ khoa: sách đào tạo cử nhân điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
 3. Bộ Y tế (2018). Hướng dẫn quy trình khám chữa bệnh chuyên ngành Sản phụ khoa, Bộ Y tế, Hà Nội.
 4. Lê Thanh Tùng, Trần Quang Tuấn, Nguyễn Thị Mai Hương (2019). Chăm sóc bà mẹ chuyển dạ đẻ, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội
 5. Lê Thanh Tùng, Trần Quang Tuấn, Nguyễn Thị Liên (2019). Chăm sóc bà mẹ thời kỳ mang thai, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội
6. **GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY** (*phụ lục*).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	TS. Đỗ Thị Lan Anh	Khoa Điều dưỡng– Đại học Y Dược Hải Phòng	dtlanh@hpmu.edu.vn
2	BSCCKII. Trần Thị Việt Phương	Trung tâm quốc tế Sản Nhi, Hải Phòng	
..	BSCCKII. Bùi Thị Minh Thu	Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng	
	Ths. Hoàng Thị Oanh	Khoa Điều dưỡng– Đại học Y Dược Hải Phòng	htoanh@hpmu.edu.vn
	Ts. Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Điều dưỡng– Đại học Y Dược Hải Phòng	ntthuhuong@hpmu.edu.vn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐIỀU DƯỠNG TRẺ EM NÂNG CAO

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Điều dưỡng Trẻ em nâng cao	
Mã học phần: TCDDTHS.11	
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Điều dưỡng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc x Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Điều dưỡng Trẻ em- Khoa Điều dưỡng	
Email liên hệ: dvchuc@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	$A = a + b + c$	2	b	1	
Số tiết	$B = x + y + z$	$30 = 2 \times 15$	$y = b \times 30$	$45 = 1 \times 45$	$C = 2 \times 30$
Số buổi	...28	6	0	10	12

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các môn kiến thức sơ sở, các môn kiến thức chuyên ngành bắt buộc

- Học phần học trước: Các môn kiến thức sơ sở, các môn kiến thức chuyên ngành bắt buộc

- Điều kiện khác: Đáp ứng đúng nội quy của bộ môn và bệnh viện thực hành

(Học phần tiên quyết: là những học phần sinh viên bắt buộc phải học và đạt mới được học các học phần khác;

Học phần học trước: là những học phần sinh viên phải học trước khi đăng ký học học phần hiện tại)

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Mô tả vị trí của học phần đối với chương trình đào tạo, những nội dung chính yếu của học phần; Định hướng, kế hoạch, nguồn lực để đạt được học phần).

Học phần Chăm sóc sức khỏe Trẻ em nâng cao là một trong các học phần tự chọn, cung cấp cho học viên ThS Điều dưỡng các kiến thức cơ bản và nâng cao về chăm sóc bệnh Nhi có các bệnh hệ tiêu hóa, hô hấp, huyết học, nội tiết, truyền nhiễm, hồi sức, sơ sinh, thận – tiết niệu. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức này để phân tích các vấn đề chăm sóc hay nhu cầu sức khỏe của trẻ đồng thời cũng giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ bệnh, cùng

có các kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý , hoạt động nhóm hiệu quả và an toàn, lấy trẻ và gia đình làm trung tâm trong quá trình chăm sóc trẻ bệnh.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Trình bày được những khái niệm và kiến thức bệnh học trong công tác chăm sóc trẻ bệnh.	<p>PLO1. Áp dụng được các nguyên lý chăm sóc và quy trình điều dưỡng trong nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán điều dưỡng, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc, can thiệp điều dưỡng và sử dụng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả</p> <p>PLO4. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật Điều dưỡng theo quy trình, quy tắc an toàn và kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc sức khỏe.</p> <p>PLO5. Phát hiện sớm được các biến cố bất thường và ra các quyết định xử trí người bệnh theo các chuyên khoa thuộc lĩnh vực Điều dưỡng.</p> <p>PLO6. Tổ chức và thực hiện quản lý chăm sóc người bệnh an toàn khi điều trị nội trú, ngoại trú.</p> <p>PLO7. Tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục sức khỏe và tổ chức thực hiện tư vấn truyền thông giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh phù hợp và hiệu quả</p> <p>PLO8. Thực hiện được các kỹ năng lãnh đạo, tổ chức và ra quyết định quan trọng, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng xây dựng mối quan hệ làm việc hiệu quả để thúc đẩy chăm sóc bệnh nhân chất lượng cao và an toàn</p>
CLO2	Mô tả được nội dung từng bước trong kế hoạch chăm sóc trẻ	
CLO3	Vận dụng được kiến thức để nhận định các vấn đề chăm sóc .	
CLO4	Phân tích được các vấn đề của người bệnh để đưa ra các chuẩn đoán chăm sóc và thứ tự ưu tiên.	
CLO5	Lập được kế hoạch cần chăm sóc cụ thể cho bệnh Nhi	
CLO6	Thực hiện được các can thiệp điều dưỡng trẻ bệnh Nhi	
CLO7	Đánh giá được trẻ sau khi thực hiện các can thiệp điều dưỡng	
CLO8	Có thái độ cảm thông, chia sẻ, tôn trọng bệnh Nhi và thân nhân, đảm bảo an toàn trong quá trình chăm sóc trẻ	
CLO9	Có trách nhiệm trong các hoạt động nhóm, hợp tác với đồng nghiệp để nâng cao vai trò chăm sóc người bệnh	

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần gồm:

a. Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/làm pre-test.

- Thời gian: Trong suốt quá trình học tại bộ môn

b. Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: MCQ; Tự luận có cấu trúc; Báo cáo...

- Thời gian:

- Chiến lược lượng giá giữa kỳ:

+ Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1 (50%)	(...%)	(...%)	(...%)	(75%)	(25%)	(...%)	(100%)
CLO2 (50%)	(...%)	(...%)	(...%)	(75%)	(25%)	(...%)	(100%)
CLO3 (...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)
..... (...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)
..... (...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)
Tổng	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	100%

+ Kỹ năng: bảng kiểm/MinCEX/OSCE...

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO3 (20%)			X	
CLO4 (20%)			X	
CLO5 (10%)			X	
CLO6 (40%)*	-	-	X	-
CLO7 (10%)	X	...
Tổng	0	0	5	...

c. Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: MCQ; Tự luận có cấu trúc; Báo cáo...

- Thời gian:

- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:

+ Kiến thức

Ví dụ:

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1 (50%)	(...%)	(...%)	(...%)	(50%)	(50%)	(...%)	(100%)
CLO2 (50%)	(...%)	(...%)	(...%)	(50%)	(50%)	(...%)	(100%)

CLO3 (...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)
..... (...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)
..... (...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)
Tổng	(...%)	(...%)	(...%)	(100%)	(100%)	(...%)	100%

+ Kỹ năng: bảng kiểm/MinCEX/OSCE...

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO4 (20%)	-	-		x
CLO5 (20%)	-	-		x
CLO6 (10%)	-	-	X	
CLO7 (40%)*	-	-	X	
CLO8 (10%)	-	...	X	...
Tổng	0	0	3	2

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm: được lồng ghép trong bảng kiểm đánh giá kỹ năng

* Đánh giá KN4 bao gồm can thiệp điều dưỡng về thủ thuật điều dưỡng (10%) và các can thiệp khác 30%.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} * t_1 + \text{GK} * t_2 + \text{KT} * t_3.$$

CC: lượng giá chuyên cần

GK: lượng giá giữa kì (lý thuyết và/hoặc thực hành/lâm sàng)

KT: lượng giá kết thúc (lý thuyết và/hoặc thực hành/lâm sàng)

t₁ ; t₂ ; t₃: là trọng số (theo quy chế đào tạo tín chỉ).

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	TH /LS				
1.	Chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp	2	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng.		
2.	Chăm sóc trẻ mắc bệnh phế quản, thanh quản	1	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng.		
3.	Chăm sóc trẻ mắc các bệnh về tim	2	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
4.	Chăm sóc trẻ mắc Viêm đa khớp dạng thấp, lupút ban đỏ	1	1	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
5.	Chăm sóc trẻ mắc viêm cầu thận.	1	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		

6.	Chăm sóc trẻ mắc suy thận	1	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
7.	Chăm sóc trẻ mắc dị dạng đường tiết niệu, nhiễm khuẩn đường tiết niệu	1	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
8.	Chăm sóc trẻ ngộ độc cấp	1	1	KT1; KT2; KN 1-5	Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
9.	Chăm sóc trẻ hôn mê, đuối nước	1	1	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
10	Chăm sóc trẻ sốc - suy hô hấp	2	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
11	Chăm sóc trẻ mắc nhiễm khuẩn sơ sinh	1	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
12	Chăm sóc trẻ mắc vàng da sơ sinh	1	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint.		

					- Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
13	Chăm sóc trẻ đẻ non	1	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
14	Chăm sóc trẻ mắc tụ ki	1	1	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
15	Chăm sóc trẻ co giật	1	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
16	Chăm sóc trẻ mắc hội chứng xuất huyết	1	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
17	Chăm sóc trẻ mắc hội chứng thiếu máu	1	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
18	Chăm sóc trẻ mắc bạch cầu cấp, mạn	1	1	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		

19	Chăm sóc trẻ mắc tiêu chảy cấp, tiêu chảy mạn	2	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
20	Chăm sóc trẻ mắc bệnh dạ dày –thực quản	1	2	CLO1; CLO2 CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
21	Chăm sóc trẻ mắc bệnh gan mật	1	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
22	Chăm sóc trẻ mắc thủy đậu	1	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
23	Chăm sóc trẻ mắc quai bị	1	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
24	Chăm sóc trẻ mắc chân tay miệng	2	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint. - Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
25	Chăm sóc trẻ mắc viêm màng não mủ	1	2	CLO1; CLO2; CLO4-CLO8	- Thuyết trình, Powerpoint.		

					- Thảo luận nhóm, thực hành lâm sàng		
...	Tổng cộng	30	45		...		

* đồng giảng: chỉ áp dụng cho buổi dạy-học theo ca lâm sàng

** trợ giảng: chỉ áp dụng cho các buổi học lý thuyết có thảo luận nhóm.

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

-Điều dưỡng Nhi khoa Sau đại học – tài liệu lưu hành nội bộ Dành cho học viên Điều dưỡng Sau đại học – Đại học Y Dược Hải Phòng

5.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ môn nhi đại học Y dược Hải Phòng - Bài giảng nhi khoa sau đại học - Tài liệu lưu hành nội bộ.
 - Bệnh viện Nhi Trung ương (2017). Điều dưỡng Nhi khoa cơ bản, Nhà xuất bản Y học
 - Bộ Y Tế (2014). Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em, nhà xuất bản Y học
 - Đại học Y Dược Hải Phòng (2013) Bài giảng nhi khoa - Tập 1,2 : Sách dùng cho sinh viên đa khoa, Nhà xuất bản Y học.
 - Bộ môn Nhi trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2015). Nhi khoa sau đại học, Nhà xuất bản Y học.
 - Bộ môn nhi trường Đại học Y Hà Nội (2000)– Nhi khoa sau đại học tập I,II, Nhà xuất bản Y học
 - Nguyễn Công Khanh (2011): Huyết học Lâm sàng Nhi khoa, nhà xuất bản Y học.
 - Martha Velasco-Whetsell (2000.)Pediatric nursing /. - NewYork : McGraw-Hill
 - Jean Weiler Ashwill (1992) Pediatric Nursing an introductory text :.-. - Edition. - London : W.B.Saunders Company.
 - Missouri (2016) Winingham's critical thinking cases in nursing : Medical-Surgical, Pediatric, Paternity and Psychiatric. - 6th ed. Elsevier, 2016.
 - Wong Donna L Pediatric nursing (1997)- 5th ed. - USA : Nancy
- 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).**

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Bệnh viện, phòng bệnh
- Giảng đường, mô hình, máy chiếu, bảng, phấn

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Đặng Văn Chức	Bộ môn Nhi	dvchuc@hpmu.edu.vn
2	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng	Bộ môn Nhi	nnsang@hpmu.edu.vn
3	PGS.TS. Đinh Văn Thức	Bộ môn Nhi	dvthuc@hpmu.edu.vn
4	PGS.TS. Vũ Văn Quang	Bộ môn Nhi	vvquang@hpmu.edu.vn
5	TS. Đinh Dương Tùng Anh	Bộ môn Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐIỀU DƯỠNG CỘNG ĐỒNG VÀ GIA ĐÌNH**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Điều dưỡng Cộng đồng và gia đình	
Mã học phần: TCĐDDTHS.12	
Đối tượng áp dụng: Cao học Điều dưỡng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng - Khoa Điều dưỡng	
Email liên hệ:	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1		1	
Số tiết	60	15		45	60
Số buổi	11	4		7	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần thuộc khối cơ sở và chuyên ngành bắt buộc
- Học phần học trước: Điều dưỡng Nội, Ngoại, Sản, Nhi
- Điều kiện khác: Đáp ứng đúng nội quy của bộ môn và cơ sở thực hành

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Điều dưỡng Cộng đồng và Gia đình là học phần tự chọn, trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng trong chăm sóc người bệnh tại cộng đồng và tại gia đình. Trên cơ sở đó sinh viên lượng giá được nhu cầu của cộng đồng, người bệnh, đưa ra được các chẩn đoán chăm sóc, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc cho cộng đồng và gia đình và thực hiện được những kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng và các kỹ thuật chăm sóc người bệnh tại gia đình.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Mô tả được những kiến thức quản lý sức khỏe tại trạm y tế	PL06
CLO2	Vận dụng được các kiến thức Điều dưỡng	PL01

	cộng đồng để xác định vấn đề sức khỏe cộng đồng, lượng giá nhu cầu chăm sóc của cá nhân, từ đó đưa ra các kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng và gia đình	
CLO3	Vận dụng được các nguyên lý chăm sóc điều dưỡng trong việc cấp cứu, sơ cứu tại cộng đồng	PL04
CLO4	Lập được kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng, gia đình	PL01, PL07
CLO5	Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng trong cấp cứu, sơ cứu tại cộng đồng và các kỹ thuật chăm sóc người bệnh tại gia đình.	PL01, PL07
CLO6	Có tinh thần trung thực và trách nhiệm, tuân thủ nội qui môn học, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng	PL011
CLO7	Sẵn sàng áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng và kế hoạch chăm sóc trong chăm sóc nạn nhân tại cộng đồng và người bệnh tại gia đình	PL011

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần:

Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: MCQ/Tự luận
- Thời gian: 60 phút
- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:

+ Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1 (20%)	(10%)	(10%)	(0%)	(...%)	(...%)	(...%)	(20%)
CLO2 (40%)	(10%)	(10%)	(15%)	(5%)	(...%)	(...%)	(40%)
CLO3 (40%)	(10%)	(10%)	(15%)	(5%)	(...%)	(...%)	(40%)
Tổng	(30%)	(30%)	(30%)	(10%)	(...%)	(...%)	100%

+ Kỹ năng: Viết báo cáo

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm: quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} \times 0.1 + \text{TH} \times 0.4 + \text{LGCK} \times 0.5$$

TH = Lập kế hoạch chăm sóc x 0,5 + Viết báo cáo x 0,5 (TH: là điểm lượng giá thực hành)

LTCK: Điểm thi lý thuyết cuối kỳ lý thuyết.

Sinh viên phải tham dự tất cả các bài thực hành và tham dự ít nhất 85% số tiết lý thuyết.

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) thì mới được dự thi kết thúc học phần.

Sinh viên phải hoàn thành học phí theo đúng thời gian quy định của trường.

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học				
1.	Bài 1: Chăm sóc sức khỏe ban đầu	1	0	4	CLO1; CLO2	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
2.	Bài 2: Dịch tễ học cộng đồng	1	1	8	CLO2, CLO4	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
3.	Bài 3: Dân số và sức khỏe	1	0	4	CLO1; CLO2; CLO4	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
4.	Bài 4: Chuyên đề về sơ cứu, cấp cứu ban đầu tại cộng đồng	1	4	8	CLO3, CLO5, CLO6, CLO7	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
5.	Bài 5: Quản lý sức khỏe cộng đồng	1	4	4	CLO1	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
6.	Bài 6: Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cộng đồng	1	12	8	CLO2, CLO4, CLO6	Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	

7.	Bài 7: Lượng giá nhu cầu và lập kế hoạch chăm sóc người bệnh tại gia đình	1	12	8	CLO2, CLO6, CLO7,	Thuyết trình Thảo luận nhóm		
8.	Bài 8: Điều dưỡng gia đình trong chăm sóc nhi khoa, sản phụ khoa, ngoại khoa, các bệnh mạn tính không lây, trong chăm sóc giảm nhẹ và chăm sóc cuối đời.	8	12	16	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	Thuyết trình Thảo luận nhóm		
Tổng		15	45	60				

* đồng giảng: chỉ áp dụng cho buổi dạy-học theo ca lâm sàng

** trợ giảng: chỉ áp dụng cho các buổi học lý thuyết có thảo luận nhóm.

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu “Điều dưỡng Cộng đồng và Gia đình” lưu hành nội bộ của học phần biên soạn được Nhà trường phê duyệt.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế, Tài liệu đào tạo điều dưỡng Cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, 2006.
2. Y học gia đình, NXB Y học, 1999
3. Janet Quillian, Sổ tay Điều dưỡng Cộng đồng (bản dịch), Nhà xuất bản Y học, 2000.
4. Roanna Rowe Kaakinen, Vivian Gedaly-Duff and et al. Family health care nursing, Theory, Practice and Rerearch, 4th Edition, F. A. Davis Company.
5. Robyn Rice, Home care nursing practice, 4th Edition.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng – bảng trắng, giấy A0, phấn, bút dạ
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (phụ lục)
- Cơ sở thực địa

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Phạm Thị Thu	Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng	ptthu@hpmu.edu.vn

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Ths. Bùi Thị Thanh Mai	Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng	Trợ giảng
2	Ths. Nguyễn Thị Phương	Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng	Trợ giảng

3. Vật tư tiêu hao

Bài	Tên dụng cụ/vật tư	Minh họa LT	Thực hành	Đơn vị	Số lượng/nhóm	Định mức SV/nhóm
1	Cân					
2	Thước đo chiều cao					
3	Bơm, kim tiêm					
4	Găng tay					
5	Khâu trang					

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐIỀU DƯỠNG LÃO KHOA**

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: ĐIỀU DƯỠNG LÃO KHOA	
Mã học phần: TCĐDDTHS.13	
Đối tượng áp dụng: Thạc sỹ Điều dưỡng	
Loại học phần:	
<input type="checkbox"/> Bất buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	
<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ	
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Khoa điều dưỡng	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	$A = a + b + c$	a	b	c	
	3	2	0	1	
Số tiết	$B = x + y + z$	$x = a \times 15$	$y = b \times 30$	$z = c \times 45$	$C = a \times 30 + b \times 15$
	105	30	0	45	30
Số buổi	21	6	0	9	6

- Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần học trước: Kỹ năng giao tiếp, Giáo dục sức khỏe, Dinh dưỡng tiết chế, thực hành dựa vào bằng chứng, học thuyết điều dưỡng

- Học phần song hành

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mục tiêu (Course objective: CO)

Học phần này cung cấp cho học viên các

- Có Kiến thức liên quan đến sự thay đổi về giải phẫu, sinh lý, tâm lý, tâm linh, những thiếu hụt chức năng, dùng thuốc và các vấn đề thường gặp ở người cao tuổi.

- Xây dựng được quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người cao tuổi trên lâm sàng và trong cộng đồng để nâng cao chất lượng cuộc sống cho người cao tuổi đồng thời cũng nắm được những vấn đề trong nghiên cứu điều dưỡng lão khoa.

2.2. Chuẩn đầu ra (Course learning outcomes: CLO)

a. Về kiến thức

CLO1: Hiểu được một số thay đổi giải phẫu, những thiếu hụt chức năng, thay đổi về tâm sinh lý, tâm linh và xác định được những vấn đề thường gặp ở người cao tuổi

b. Về kỹ năng

CLO2: Vận dụng được quy trình điều dưỡng và bằng chứng khoa học trong lập kế hoạch chăm sóc cho người cao tuổi

CLO3: Thực hiện được thành thạo kỹ năng chăm sóc cho người cao tuổi

CLO4: Có thái độ cảm thông, chia sẻ, tôn trọng người bệnh, đảm bảo an toàn trong quá trình chăm sóc người cao tuổi.

2.3. Ma trận CDR của học phần (CLO) và CDR của CTĐT (PLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Hiểu được một số thay đổi giải phẫu, những thiếu hụt chức năng, thay đổi về tâm sinh lý, tâm linh và xác định được những vấn đề thường gặp ở người cao tuổi	PLO1, PLO5, PLO6
CLO2	Vận dụng được quy trình điều dưỡng và bằng chứng khoa học trong lập kế hoạch chăm sóc cho người cao tuổi	PLO1, PLO5, PLO6
CLO3	Thực hiện được thành thạo kỹ năng chăm sóc cho người cao tuổi	PLO4
CLO4	Có thái độ cảm thông, chia sẻ, tôn trọng người bệnh, đảm bảo an toàn trong quá trình chăm sóc người cao tuổi.	PLO11

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

a) Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc lý thuyết và thực hành

b) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/làm pre-test,...
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module....

c) Lượng giá thực hành

- + Lượng giá thực hành lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập trên VLHT (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (60%)			x	
CLO3 (20%)			x	
CLO4(20%)			x	
Tổng			2	

d) Lượng giá cuối kỳ

+ Kiến thức: Thi tự luận 60 phút /2 câu

e)Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} \times 0.1 + \text{TH} \times 0.4 + \text{LGCK} \times 0.5$$

CC: Chuyên cần

TH: Lượng giá thực hành cuối kỳ

LGCK: lượng giá kiến thức cuối kỳ

Sinh viên có điểm:

+ LGCK < 2 thì điểm TKHP=0

+ TKHP ≥ 4,0: ĐẠT; nếu điểm TKHP < 4,0: học lại theo quy chế

4.NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	TH				
1	Đại cương về người cao tuổi và điều dưỡng lão khoa	4	4	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
2	Tiếp cận của điều dưỡng lão khoa trong nhận định chăm sóc người cao tuổi	3	5	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
3	Chăm sóc người cao tuổi có rối loạn về vận động và phòng ngừa té ngã	3	4	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
4	Những vấn đề sức khỏe tâm thần ở người cao tuổi và chăm sóc.	4	4	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
5	Chăm sóc người cao tuổi mắc các bệnh mạn tính: hành vi tư quản lý	5	10	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
6	Chăm sóc người cao tuổi mắc bệnh sa sút trí tuệ	5	10	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	

7	Chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc cuối đời và chất lượng cuộc sống ở người cao tuổi	3	4	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
8	Những vấn đề sức khỏe về khả năng nghe và nhìn ở người cao tuổi và chăm sóc	3	4	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
	Tổng	30	45				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

Giáo trình: Điều dưỡng lão khoa (dành cho đối tượng sau đại học) - Tài liệu lưu hành nội bộ

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Khuê (2013). Bệnh học lão khoa từ đại cương tới thực hành lâm sàng, Nhà xuất bản Khoa Học Kỹ Thuật
2. Carol A. Miller (2012), Nursing for Wellness in Older Adults (sixth edition), Lippincott Williams & Wilkins
3. Galiana J. & Haseltine W.A (2019). Aging Well Solutions to the Most Pressing Global Challenges of Aging, Aging Well, https://doi.org/10.1007/978-981-13-2164-1_1
4. Lucinda L.B, et.al (2006). Evaluation of Health Promotion Programs for Older Adults: An Introduction, The Journal of Applied Gerontology, 25(3), 197-213 DOI: 10.1177/0733464806288562
5. Theris A. Touhy & Kathleen F. Jett (2014). Ebersole & Hess' Toward Healthy Aging: Human needs & Nursing response. (4th ed.). St. Louis, Missouri: Elsevier.
6. World Health Organization (2007): Global Age-friendly Cities: A Guide.
6. World Health Organization (WHO). (2007). WHO global report on falls prevention in older age. Geneva, Switzerland: Author. Retrieved from <http://www.who.int/ageing/publications/Falls-prevention7March.pdf>
7. Yamashita, T., Jeon, H., Bailer, A. J., Nelson, I. M., & Mehdizadeh, S. (2011). Fall risk factors in community dwelling elderly who receive medicaid supported home and community cased care services. Journal of Aging and Health, 23(4), 682-703. doi: 10.1177/0898264310390941

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

TS. Nguyễn Thị Thuý Hiếu

TS. Phạm Thị Thu Hương

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Cơ sở thực hành: Phòng thực hành, bệnh viện thực hành, thư viện tự học và tra cứu tài liệu

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Ts. Phạm Thị Thu Hương	Khoa điều dưỡng	ptthuong@hpmu.edu.vn
2	TS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu	Bộ môn Nội	ttly@hpmu.edu.vn

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Ths. Lương Thị Thu Giang	Khoa điều dưỡng	Hướng dẫn kỹ năng và tham gia quản lý, giám sát sinh viên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐIỀU DƯỠNG HỒI SỨC CẤP CỨU

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: ĐIỀU DƯỠNG HỒI SỨC CẤP CỨU					
Mã học phần: TCĐDDTHS.14					
Đối tượng áp dụng: Thạc sỹ Điều dưỡng					
Loại học phần:					
<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn					
Thuộc khối kiến thức:					
<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ					
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Khoa điều dưỡng					

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	$A = a + b + c$	a	b	c	
	4	1	0	3	
Số tiết	$B = x + y + z$	$x = a \times 15$	$y = b \times 30$	$z = c \times 45$	$C = a \times 30 + b \times 15$
	165	15	0	135	15
Số buổi	33	3	0	27	3

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần học trước: Kỹ năng giao tiếp, Giáo dục sức khỏe, Dinh dưỡng tiết chế, thực hành dựa vào bằng chứng, học thuyết điều dưỡng
- Học phần song hành

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1 Mục tiêu (Course objective: CO)

- Có kiến thức về đặc điểm, nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, những dấu hiệu lâm sàng cần theo dõi của những trường hợp / bệnh cấp cứu – hồi sức tích cực
- Xây dựng được quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh cấp cứu-hồi sức tích cực trên lâm sàng nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc cho người bệnh cấp cứu- hồi sức tích cực đồng thời đồng thời cũng nắm được những vấn đề trong nghiên cứu điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh trên

2.2. Chuẩn đầu ra (Course learning outcomes: CLO)

a. Kiến thức

CLO1: Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, những dấu hiệu lâm sàng cần theo dõi của những trường hợp / bệnh cấp cứu – hồi sức tích cực

b. Kỹ năng

CLO2: Vận dụng những quy trình điều dưỡng và bằng chứng khoa học để theo dõi và chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu

CLO3: Phát triển mô hình trong chăm sóc và theo dõi người bệnh hồi sức tích cực

2.3. Ma trận CDR của học phần (CLO) và CDR của CTĐT (PLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Phân tích được nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, những dấu hiệu lâm sàng cần theo dõi của những trường hợp / bệnh cấp cứu – hồi sức tích cực	PLO1, PLO4, PLO5
CLO2	Vận dụng những quy trình điều dưỡng và bằng chứng khoa học để theo dõi và chăm sóc người bệnh hồi sức cấp cứu	PLO4, PLO6
CLO3	Phát triển mô hình trong chăm sóc và theo dõi người bệnh hồi sức tích cực	PLO4, PLO6

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

a) Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc lý thuyết và thực hành

b) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/làm pre-test,...
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module....

c) Lượng giá thực hành

+ Lượng giá thực hành lâm sàng

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập trên VLHT (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (60%)			x	
CLO3 (40%)			x	
Tổng			2	

d) Lượng giá cuối kỳ

+ Kiến thức: Thi tự luận 60 phút /2 câu

e) Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} \times 0.1 + \text{TH} \times 0.4 + \text{LGCK} \times 0.5$$

CC: Chuyên cần

TH: Lượng giá thực hành cuối kỳ

LGCK: lượng giá kiến thức cuối kỳ

Sinh viên có điểm:

+ $\text{LGCK} < 2$ thì điểm TKHP=0

+ $\text{TKHP} \geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP < 4,0: học lại theo quy chế

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	TH /LS				
1	Nhận định và kế hoạch người bệnh hồi sức-tích cực	2	3	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
2	Cấp cứu người bệnh ngừng tuần hoàn	2	3	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
3	Chăm sóc bệnh nhân sốc	3	4	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
4	Chăm sóc bệnh nhân suy hô hấp cấp	3	5	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
5	Chăm sóc bệnh nhân tai biến mạch não	3	4	CLO1,CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
6	Chăm sóc bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp	2	3	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	

7	Chăm sóc bệnh nhân hôn mê	2	3	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
8	Chăm sóc bệnh nhân xuất huyết tiêu hóa cao	3	5	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
9	Chăm sóc bệnh nhân suy thận	3	4	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
10	Chăm sóc bệnh nhân thở máy	3	5	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
11	Chăm sóc người bệnh chấn thương	2	3	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
12	Chăm sóc người bệnh ngộ độc cấp	2	3	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình, dạy học lâm sàng nhóm nhỏ	4	
Tổng		30	45				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

a. Tài liệu học tập

Giáo trình: Thực hành điều dưỡng nâng cao (dành cho đối tượng sau đại học)

- Tài liệu lưu hành nội bộ

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Hà Hoàng Kiệt (2006). Thực hành cấp cứu và điều trị nội khoa, Nhà xuất bản Y Học, Hà Nội.
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2012). Nội khoa cơ sở tập 1, Nhà xuất bản Y Học, Hà Nội
3. Vũ Văn Đỉnh & Nguyễn Quốc Anh (2019). Hồi sức cấp cứu toàn tập, Nhà xuất bản y học, Hà Nội
4. Suzanne M. Burns & Sarah A. Delgado (2019). AACN Essentials of critical care nursing (4th edition), McGraw- Hill Education.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

TS. Phạm Thị Thu Hương

TS. Vũ Mạnh Tân

TS. Lê Thị Diệu Hiền

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Cơ sở thực hành: Phòng thực hành, bệnh viện thực hành, thư viện tự học và tra cứu tài liệu

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Ts. Phạm Thị Thu Hương	Khoa điều dưỡng	ptthuong@hpmu.edu.vn
2	TS. Vũ Thị Thu Trang	Khoa điều dưỡng	ntthuong@hpmu.edu.vn
3	TS. Vũ Mạnh Tân	Khoa điều dưỡng	dtlanh@hpmu.edu.vn
4	TS. Lê Thị Diệu Hiền	BM Nhi	ddtanh@hpmu.edu.vn

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Ths. Trần Đức Trung	Khoa điều dưỡng	Hướng dẫn kỹ năng và tham gia quản lý, giám sát sinh viên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN MÔN TRUYỀN NHIỄM

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Truyền Nhiễm	
Mã học phần: TCĐDTHS.15	
Đối tượng áp dụng: Học viên cao học chuyên ngành điều dưỡng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bất buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Truyền Nhiễm	
Email liên hệ:	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Lâm sàng
Tín chỉ	03	02	01
Số tiết học	75	30	45
Số buổi học	15	6	9

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Kiến thức cơ sở và học phần kiến thức chuyên ngành
- Học phần học trước: Học phần kiến thức chuyên ngành
- Điều kiện khác:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Truyền nhiễm là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho học viên cao học điều dưỡng năm thứ hai các kiến thức cơ bản về: dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm, nguyên tắc điều trị và phòng bệnh các bệnh truyền nhiễm; từ đó đưa ra nhận định tình trạng bệnh nhân, chẩn đoán điều dưỡng và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm, thực hiện các quy trình an toàn trong chăm sóc người bệnh và phòng chống lây nhiễm, có kiến thức để phát hiện sớm và tham gia kiểm soát các dịch bệnh truyền nhiễm tại địa phương, áp dụng các kiến thức học được để thực hiện các nghiên cứu điều dưỡng trong lĩnh vực bệnh truyền nhiễm.

Học viên được thực hành trực tiếp đánh giá, nhận định, chẩn đoán và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm tại các cơ sở thực hành.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức		
CLO1	Có kiến thức cơ bản về dịch tễ, lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa một số bệnh truyền nhiễm và nhiệt đới thường gặp, cũng như bệnh có khả năng gây thành dịch lớn tại Việt Nam và một số vùng dịch tễ khác trên thế giới.	PLO1 PLO4 PLO6
CLO2	Có kiến thức về an toàn và phòng chống lây nhiễm trong thực hành chăm sóc bệnh nhân tại bệnh viện.	PLO4 PLO6
CLO3	Có kiến thức để phát hiện sớm và tham gia kiểm soát các dịch bệnh truyền nhiễm tại địa phương.	PLO5 PLO7
CLO4	Hiểu biết về phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong điều dưỡng áp dụng trong lĩnh vực bệnh truyền nhiễm.	PLO2
Kỹ năng		
CLO5	Nhận định tình trạng bệnh nhân, chẩn đoán điều dưỡng và lập kế hoạch chăm sóc bệnh nhân trong một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.	PLO1 PLO4 PLO6
CLO6	Tư vấn, giáo dục về điều trị và các biện pháp phòng ngừa lây truyền cho bệnh nhân và cộng đồng	PLO4 PLO6
CLO7	Phát hiện sớm các bệnh truyền nhiễm gây dịch và tham gia công tác phòng chống dịch.	PLO4 PLO5
CLO8	Tham gia giảng dạy, tập huấn về các vấn đề có liên quan đến dịch bệnh tại y tế cơ sở và địa phương.	PLO7
CLO9	Tham gia vào các nghiên cứu khoa học điều dưỡng có liên quan đến lĩnh vực bệnh truyền nhiễm ở các cấp.	PLO2
Thái độ		
CLO10	Thái độ với đồng nghiệp: luôn hợp tác, chia sẻ công việc, giúp đỡ đồng nghiệp khác phát triển khả năng chuyên môn.	PLO11 PLO12
CLO11	Thái độ với bệnh nhân: chăm sóc bệnh nhân tận tình, chu đáo, giải thích rõ về tình trạng bệnh tật cho bệnh nhân và hướng dẫn cách theo dõi chăm sóc và hiểu biết về bệnh tật.	PLO11 PLO12
CLO12	Thái độ với nghề nghiệp: luôn yêu nghề; luôn cố gắng phấn đấu nâng cao tay nghề, nâng cao trình độ chuyên môn, học tập liên tục; sẵn sàng tham khảo ý kiến và phối hợp cùng đồng nghiệp trong việc thực hiện chuyên môn.	PLO11 PLO12

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần gồm:

11. Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh, trình bày ca bệnh, thực hành chăm sóc bệnh nhân điều trị tại khoa.

- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn.

12. Lượng giá kết thúc học phần

- Hình thức:

+ Lý thuyết: Làm bài thi tự luận có cấu trúc

+ Lâm sàng: lập kế hoạch chăm sóc trường hợp bệnh nhân thực tế.

- Thời gian: Ngày cuối cùng của thời gian đi học tại bộ môn

- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:

+ Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1	...%	10%	20%	5%	5%	...%	40%
CLO2	...%	10%	10%	5%	5%	...%	30%
CLO3	...%	10%	5%	5%	...%	...%	20%
CLO4	...%	5%	5%	...%	...%	...%	10%
Tổng	...%	35%	40%	15%	10%	...%	100%

+ Kỹ năng: Đánh giá theo bảng kiểm: Lập kế hoạch chăm sóc cho 1 bệnh nhân cụ thể và biện luận kế hoạch chăm sóc

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO5	-	-	-	x
CLO6	-	-	-	x
CLO7	-	-	x	-
CLO8	-	-	x	-
CLO9	-	x	-	-
Tổng		1	2	2

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm: quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm.

12.1. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \times 0.3 + \text{LTCK} \times 0.7$$

TKHP: Tổng kết học phần

LS: Lâm sàng

LTCK: Lý thuyết cuối kỳ

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên	Số lượng trợ giảng
		LT	LS				
1	Bài 1: Chăm sóc bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS	5	9	CLO1-4, CLO5-9 CLO10-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh	1	1
2	Bài 2: Chăm sóc bệnh nhân nhiễm virus viêm gan	5	6	CLO1-4, CLO5-9 CLO10-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh	1	1
3	Bài 3: Chăm sóc bệnh nhân viêm màng não	3	9	CLO1-4, CLO5-9 CLO10-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh	1	1
4	Bài 4: Chăm sóc bệnh nhân nhiễm virus Quai bị	2	6	CLO1-4, CLO5-9 CLO10-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh	1	1
5	Bài 5: Chăm sóc bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết	4	3	CLO1-4, CLO5-9 CLO10-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh	1	1
6	Bài 6: Chăm sóc bệnh nhân nhiễm virus cúm/ SARS	3	6	CLO1-4, CLO5-9 CLO10-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh	1	1
7	Bài 7: Chăm sóc bệnh nhân nhiễm Thủy đậu	2	3	CLO1-4, CLO5-9 CLO10-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh	1	1
8	Bài 8: Chăm sóc bệnh nhân nhiễm sốt xuất huyết	2	3	CLO1-4, CLO5-9 CLO10-12	Thuyết trình Thảo luận ca bệnh	1	1

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm. Tài liệu học tập dành cho học viên điều dưỡng sau đại học, lưu hành nội bộ. Bộ môn Truyền Nhiễm, trường đại học Y Dược Hải Phòng.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Điều dưỡng truyền nhiễm thần kinh tâm thần / Bộ y tế - Vụ khoa học và đào tạo.-. - H. : Y học, 1996.-. - 323 tr. : 24 cm.
2. Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS : Dành cho đào tạo cử nhân điều dưỡng / Ngô Huy Hoàng. - H. : Y học, 2015. - 195tr. ; 27 cm.
3. Guide to nursing diagnosis / Betty J.Ackley. - 4th ed. - Missouri : Elsevier, 2014. - 887p. ; 18cm
4. Nursing diagnosis handbook : An evidence-based guide to planning care / Betty J.Ackley. - 10th ed. - Missouri : Elsevier, 2014. - 887p. ; 28cm
5. Understanding nursing research : Building an evidence-based practice / Susan K. Grove. - 6th ed. - Missouri : Elsevier, 2015. - 530p. ; 25cm

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường trường Đại
- Khoa điều trị: Bệnh nhiệt đới, bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng; Khoa Bệnh nhiệt đới, bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng cơ sở An Đông.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Ths. Phạm Thị Vân Anh	Bộ môn Truyền Nhiễm	ptvanh@hpmu.edu.vn
2	Ths. Trần Thị Liên	Bộ môn Truyền Nhiễm	ttlien@hpmu.edu.vn
3	Ths. Hoàng Thị Thía	Bộ môn Truyền Nhiễm	htthia@hpmu.edu.vn
4	Ths. Nguyễn Thị Phương	Bộ môn Truyền Nhiễm	ntphuong@hpmu.edu.vn
5	Ths. Nguyễn Văn Hoàn	Bộ môn Truyền Nhiễm	nvhoan@hpmu.edu.vn

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Bs. Nguyễn Thị Kim Duyên	Bộ môn Truyền nhiễm	Trợ giảng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐIỀU DƯỠNG THẨM HỌA

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Điều dưỡng thẩm họa
Mã học phần: TCDDTHS.16
Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ điều dưỡng
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn
Thuộc khối kiến thức: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Khoa điều dưỡng

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	2	1	1	0	
Số tiết	45	15	30	0	45
Số buổi	10	3	7	0	

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Hồi sức cấp cứu – Hồi sức tích cực, chăm sóc giảm nhẹ và cuối đời trong THDD, Quản lý điều dưỡng.

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mục tiêu (Course objective: CO)

Học phần Điều dưỡng thẩm họa là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ điều dưỡng. Đây là học phần giúp học viên có kiến thức về thẩm họa, cách xử lý, ứng cứu trong thẩm họa, cách thức phân loại người bệnh và cấp cứu ban đầu.

Học phần rèn luyện cho học viên kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phối hợp, ra quyết định và tư duy sáng tạo khi cấp cứu người bị nạn trong thẩm họa với thái độ nhanh chóng, khẩn trương, phản xạ kịp thời trước tình huống cấp cứu.

2.2. Chuẩn đầu ra (Course learning outcomes: CLO)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

a. Về kiến thức:

CLO1: Vận dụng linh hoạt lý luận cơ bản về điều dưỡng, mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành trong công tác điều dưỡng để hiểu được vai trò của điều dưỡng trong thẩm họa và các định hướng phát triển của điều dưỡng thẩm họa.

CLO2: Kiểm soát yếu tố nguy cơ và phòng chống dịch trong thảm họa, tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, theo hiến pháp và pháp luật.

CLO3: Vai trò của điều dưỡng trong thảm họa đối với đối tượng đặc biệt: trẻ nhỏ, phụ nữ có thai, người cao tuổi, người khuyết tật, người mắc bệnh mạn tính.

b. Về kỹ năng:

CLO4: Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc người bệnh trong cấp cứu thảm họa

CLO4.1. Chuẩn bị được tâm lý, trang phục và điều kiện phù hợp cho trước khi làm thủ thuật.

CLO4.2. Lựa chọn và sắp xếp hợp lý được các dụng cụ cần thiết trước khi làm thủ thuật cấp cứu nạn nhân

CLO4.3. Phân loại nạn nhân theo Triage

CLO4.4. Thực hiện được các biện pháp sơ cứu, cấp cứu, hồi sinh tim phổi cho nạn nhân trong cộng đồng và bệnh viện.

CLO4.5. Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phối hợp, ra quyết định và tư duy sáng tạo khi cấp cứu người bị nạn trong thảm họa.

c. Về thái độ:

CLO5: Có thái độ nhanh chóng, khuôn trương, phản xạ kịp thời trước tình huống cấp cứu, thể hiện tính chuyên nghiệp.

2.3. Ma trận CDR của học phần (CLO) và CDR của CTĐT (PLO)

CDR học phần	Mô tả CDR học phần	CDR của CTĐT
CLO1	Vận dụng linh hoạt lý luận cơ bản về điều dưỡng, mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành trong công tác điều dưỡng để hiểu được vai trò của điều dưỡng trong thảm họa và các định hướng phát triển của điều dưỡng thảm họa.	PLO1, PLO3
CLO2	Kiểm soát yếu tố nguy cơ và phòng chống dịch trong thảm họa, tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, theo hiến pháp và pháp luật	PLO1, PLO3, PLO11
CLO3	Vai trò của điều dưỡng trong thảm họa đối với đối tượng đặc biệt: trẻ nhỏ, phụ nữ có thai, người cao tuổi, người khuyết tật, người mắc bệnh mạn tính.	PLO1, PLO3

CLO4	Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng trong cấp cứu thảm họa	PLO4, PLO5, PLO8
CLO5	Có thái độ nhanh chóng, khuôn trương, phản xạ kịp thời trước tình huống cấp cứu, thể hiện tính chuyên nghiệp.	PLO8

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Lượng giá học phần gồm: lượng giá quá trình (chuyên cần), lượng giá kết thúc lý thuyết và thực hành.

a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/làm pre-test,...
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module....

b) Lượng giá thực hành

Đây là bài thi OSCEs gồm 3 trạm kỹ năng. Mỗi trạm diễn ra trong vòng 05 phút. Thời gian đổi trạm và đọc đề là 01 phút.

Điểm thực hành được tính như sau: (Điểm thi trạm 1 + Điểm thi trạm 2 + Điểm thi trạm 3)/3.

Nếu có một trạm bất kỳ điểm < 4 thì điểm OSCE = 0.

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập trên VLHT (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO4.1 (10%)	x			
CLO4.2 (20%)			x	
CLO4.3 (30%)			x	
CLO4.4 (30%)			x	
CLO4.5 (10%)		x		
Tổng	1	1	3	

c) Lượng giá lý thuyết

Bài báo cáo chuyên đề/ báo cáo nhóm...

Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} \times 0.1 + \text{TH} \times 0.4 + \text{LTCK} \times 0.5$$

CC: Chuyên cần

TH: Lượng giá thực hành cuối kỳ: OSCE

LTCK: lượng giá kiến thức cuối kỳ

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP < 4,0: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	TH /LS				
1	Bài 1: Đại cương về thảm họa và quản lý thảm họa.	01	0	CLO1	Thuyết trình , Thảo luận	1	0
2	Bài 2: Tình hình thảm họa ở Việt Nam	01	0	CLO1	Thuyết trình , Thảo luận	1	0
3	Bài 3: Vai trò của điều dưỡng trong thảm họa	01	0	CLO1, CLO3	Thuyết trình , Thảo luận	1	0
4	Bài 4: Kiểm soát yếu tố nguy cơ và phòng chống dịch trong thảm họa	02	0	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình , Thảo luận	1	0
5	Bài 5: Điều dưỡng thảm họa đối với đối tượng đặc biệt	02	0	CLO2, CLO3	Thuyết trình , Thảo luận	1	0

6	Bài 6: Triển khai hoạt động điều dưỡng theo chu trình thăm hộ	04	0	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình , Thảo luận	1	0
7	Bài 7: Chăm sóc tinh thần trong thăm hộ	02	0	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình , Thảo luận	1	0
8	Bài 8: Phòng ngừa thảm họa cho hộ gia đình	02	0	CLO1, CLO2, CLO3	Thuyết trình , Thảo luận	1	0
9	Kỹ thuật nhận định và phân loại người bị nạn Kỹ thuật tiếp nhận và vận chuyển người bị nạn	0	05	CLO4, CLO5	Thực hành nhóm nhỏ	1	1
10	Kỹ thuật hồi sinh tim phổi	0	05	CLO4, CLO5	Thực hành nhóm nhỏ	1	1
11	Kỹ thuật sơ cứu chảy máu	0	05	CLO4, CLO5	Thực hành nhóm nhỏ	1	1
12	Kỹ thuật sơ cứu gãy xương	0	05	CLO4, CLO5	Thực hành nhóm nhỏ	1	1

13	Kỹ thuật sơ cứu vết thương phần mềm	0	05	CLO4, CLO5	Thực hành nhóm nhỏ	1	1
14	Kỹ thuật băng vết thương	0	05	CLO4, CLO5	Thực hành nhóm nhỏ	1	1
Tổng		15	30				

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2020), *Bài giảng Điều dưỡng thảm họa* – Sách dành cho đối tượng Thạc sĩ điều dưỡng (Lưu hành nội bộ)

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ y tế (2011), Quản lý y tế công cộng trong thảm họa
2. Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2014), Nghị định Số: 66/2014/NĐ-CP, ngày 04 tháng 07 năm 2014 “Qui định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai”
3. International Cooperation Initiative Program Ministry of Education, Culture, Sports, Science and Technology, Japan (2012). *Disaster Nursing*.
4. Deborah S.Adelman, Timothy J.Legg (2009), *Disaster nursing*, by Jones and Bartlett Publishers,LLC.
5. Robert Powers, Elaine Daily (2010), *International Disaster Nursing*, by Cambridge University

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- TS. Nguyễn Thị Thu Hương - Giảng viên Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- TS. Phạm Thị Thu Hương - Giảng viên Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Ths. Phạm Thị Thu - Giảng viên chính, khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Ths. Nguyễn Thị Anh Thư - Giảng viên chính, khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Ths. Đỗ Thị Tuyết Mai - Giảng viên, khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Cơ sở thực hành: Phòng thực tập, mô hình, vật liệu học tập, Bảng kiểm dạy học, bảng kiểm hướng dẫn, bảng kiểm lượng giá.
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất...để sinh viên thực hành/thực tập.

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐIỀU DƯỠNG TRONG CHĂM SÓC GIẢM NHẸ VÀ CUỐI ĐỜI
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ và cuối đời	
Mã học phần: TCDDTHS.17	
Đối tượng áp dụng: Thạc sỹ Điều dưỡng	
Loại học phần: Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Điều dưỡng người lớn – Khoa Điều dưỡng	
Email liên hệ:	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1		
Số tiết	60	30	30		
Số buổi		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần kiến thức chung và kiến thức cơ sở
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác: Đáp ứng đúng nội quy của bộ môn

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần Điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ và cuối đời là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành. CSGN là một nhiệm vụ đạo đức của hệ thống y tế, và là nghĩa vụ đạo đức của các chuyên gia y tế trong việc làm giảm bớt, xoa dịu nỗi đau và sự chịu đựng về thể chất, tâm lý xã hội hoặc tinh thần, bất chấp tình trạng bệnh lý có thể chữa khỏi hay không. Chăm sóc cuối đời cho từng cá nhân là một trong những thành phần quan trọng của CSGN.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Trình bày được các nguyên tắc trong chăm sóc giảm nhẹ và chăm sóc cuối đời	PLO1
CLO2	Áp dụng các nguyên tắc chăm sóc giảm nhẹ trong thực hành Điều dưỡng	PLO1

CLO3	Thực hiện được chăm sóc giảm nhẹ đối với một số bệnh thường gặp	PLO5, PLO6
CLO4	Thực hiện được các nội dung chính trong chăm sóc người bệnh giai đoạn cuối	PLO5; PLO6
CLO5	Có tinh thần trung thực và trách nhiệm, tuân thủ nội quy môn học, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng	PLO11

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần:

Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: MCQ/Tự luận
- Thời gian: 60 phút
- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:
+ Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1 (60%)	(30%)	(30%)	(0%)	(...%)	(...%)	(...%)	(60%)
CLO2 (40%)	(10%)	(10%)	(20%)	(...%)	(...%)	(...%)	(40%)
Tổng	(40%)	(40%)	(20%)	(...%)	(...%)	(...%)	100%

+ Kỹ năng: bảng kiểm

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO3 (50%)			x	
CLO4 (50%)			x	
Tổng			2	

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm: quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm,...

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} * 0.1 + \text{TH} * 0.3 + \text{LTCK} * 0.6$$

TH = thực hành (bài kiểm tra tình huống)

LTCK: Điểm thi lý thuyết cuối kỳ

Sinh viên phải tham dự tất cả các bài thực hành và tham dự ít nhất 85% số tiết lý thuyết.

Sinh viên tham gia trực đầy đủ. Sinh viên thực hiện chỉ tiêu tay nghề phải đạt $\geq 70\%$ và hoàn thành đủ 01 kế hoạch chăm sóc/tuần thì mới được tham dự thi thực hành.

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) thì mới được dự thi kết thúc học phần.

Sinh viên phải hoàn thành học phí theo đúng thời gian quy định của trường.

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học				
1.	Bài 1: Đại cương về chăm sóc giảm nhẹ	4	0	8	CLO1	Bài giảng Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
2.	Bài 2: Chăm sóc giảm nhẹ đối với người bệnh ung thư	4	5	8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Bài giảng Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
3.	Bài 3: Chăm sóc giảm nhẹ đối với người bệnh HIV/AIDS	4	5	8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Bài giảng Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
4.	Bài 4: Chăm sóc giảm nhẹ đối với người bệnh suy tim, suy thận	4	5	8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Bài giảng Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
5.	Bài 5: Chăm sóc giảm nhẹ đối với bệnh nhi	4	5	8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Bài giảng Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	

6.	Bài 6: Chăm sóc người bệnh giai đoạn cuối	6	5	8	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5	Bài giảng Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
7.	Bài 7: Chăm sóc giảm nhẹ đối với người bệnh mắc bệnh hô hấp, tiêu hóa	4	5	8	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Bài giảng Thuyết trình Thảo luận nhóm	1	
8.	Tổng	30	30					

* đồng giảng: chỉ áp dụng cho buổi dạy-học theo ca lâm sàng

** trợ giảng: chỉ áp dụng cho các buổi học lý thuyết có thảo luận nhóm.

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu “Điều dưỡng trong chăm sóc giảm nhẹ và cuối đời” lưu hành nội bộ của học phần biên soạn được Nhà trường phê duyệt.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế, 2006. Hướng dẫn chăm sóc giảm nhẹ đối với người bệnh ung thư và AIDS. Hà Nội: Nhà xuất bản y học.
2. Chăm sóc sức khỏe ban đầu: Mô hình hoạt động và một số loại hình dịch vụ mới / PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng. Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 2020 – 187tr.
3. http://www.who.int/cancer/publications/cancer_control_prevention/en

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng – bảng trắng, giấy A0, phấn, bút dạ
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (phụ lục)
- Phòng bệnh, hồ sơ, bệnh án
- Trang thiết bị y tế: máy monitoring, máy đo huyết áp,...

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Thị Thu Hương

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
8	Nguyễn Thị Thu Hương	Bộ môn Điều dưỡng Người lớn	ntthuong@hpmu.edu.vn
9	Phạm Thị Thu Hương	Bộ môn Điều dưỡng Người lớn	ptthuong@hpmu.edu.vn
10	Đỗ Thị Lan Anh	Bộ môn Điều dưỡng Sân	dtlanh@hpmu.edu.vn

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1			
2			
..			

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DINH DƯỠNG TIẾT CHẾ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Dinh dưỡng Tiết chế	
Mã học phần: TCĐDDTHS.18	
Đối tượng áp dụng: Thạc sỹ Điều dưỡng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng - Khoa Điều dưỡng	
Email liên hệ:	
Điện thoại liên hệ:	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1		
Số tiết	60	30	30		60
Số buổi	14	7	7		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Các học phần thuộc khối cơ sở và chuyên ngành bắt buộc
- Học phần học trước: Điều dưỡng Nội, Ngoại, Sản, Nhi
- Điều kiện khác: Đáp ứng đúng nội quy của bộ môn và cơ sở thực hành

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Dinh dưỡng Tiết chế là học phần tự chọn, trang bị cho sinh viên những kiến thức về dinh dưỡng, dinh dưỡng tiết chế và kỹ năng trong chăm sóc về chế độ dinh dưỡng cho người bệnh. Trên cơ sở đó sinh viên xây dựng được thực đơn, tư vấn chế độ ăn bệnh lý cho người bệnh.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Mô tả được những kiến thức dinh dưỡng, dinh dưỡng tiết chế	PL06
CLO2	Vận dụng được các kiến thức về dinh dưỡng, dinh dưỡng tiết chế đưa ra kế hoạch chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh	PL06
CLO3	Lập được kế hoạch chăm sóc dinh dưỡng	

	cho người bệnh	
CLO4	Tư vấn được chế độ dinh dưỡng bệnh lý cho người bệnh	PL06, PL08
CLO5	Có tinh thần trung thực và trách nhiệm, tuân thủ nội qui môn học, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng	PL011
CLO6	Sẵn sàng áp dụng các kỹ năng xây dựng thực đơn trong việc cung cấp thực đơn bệnh lý cho người có bệnh	PL011

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần:

Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: MCQ/Tự luận
- Thời gian: 60 phút
- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:
+ Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1 (80%)	(20%)	(20%)	(20%)	(20%)	(...%)	(...%)	(80%)
CLO2 (20%)	(5%)	(5%)	(5%)	(5%)	(...%)	(...%)	(20%)
Tổng	(25%)	(25%)	(25%)	(25%)	(...%)	(...%)	100%

+ Kỹ năng: Làm bài tập tình huống

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm: quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm.

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{CC} \times 0.1 + \text{TH} \times 0.4 + \text{LGCK} \times 0.5$$

TH: Xây dựng thực đơn bệnh lý

LTCK: Điểm thi lý thuyết cuối kỳ lý thuyết.

Sinh viên phải tham dự tất cả các bài thực hành và tham dự ít nhất 85% số tiết lý thuyết.

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) thì mới được dự thi kết thúc học phần.

Sinh viên phải hoàn thành học phí theo đúng thời gian quy định của trường.

Sinh viên có điểm TKHP $\geq 4,0$: ĐẠT; nếu điểm TKHP $< 4,0$: học lại theo quy chế.

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết			Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		Lý thuyết	Thực hành /Lâm sàng	Tự học				
1.	Bài 1: Vai trò và nhu cầu chất dinh dưỡng	3	0	4	CLO1		1	
2.	Bài 2: Đánh giá tình trạng dinh dưỡng, xây dựng thực đơn	1	4	8	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6		1	
3.	Bài 3: Dinh dưỡng trong bệnh đường tiêu hóa	4	4	8	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6		1	
4.	Bài 4: Dinh dưỡng bệnh tiết niệu, hô hấp	4	4	4	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6		1	
5.	Bài 5: Dinh dưỡng trong bệnh rối loạn chuyển hóa	4	4	8	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6		1	

6.	Bài 6: Dinh dưỡng trong bệnh ngoại khoa, ung thư	4	4	8	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6			
7.	Bài 7: Dinh dưỡng trong bệnh tim mạch	4	4	16	CLO2, CLO3, CLO5, CLO6			
8.	Bài 8: Dinh dưỡng trong nhi khoa	4	4		CLO2, CLO3, CLO5, CLO6			
9.	Bài 9: Giám sát và tư vấn dinh dưỡng	2	2		CLO1, CLO4, CLO5, CLO6			
Tổng		30	30	60				

* đồng giảng: chỉ áp dụng cho buổi dạy-học theo ca lâm sàng

** trợ giảng: chỉ áp dụng cho các buổi học lý thuyết có thảo luận nhóm.

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu “Dinh dưỡng Tiết chế” lưu hành nội bộ của học phần biên soạn được Nhà trường phê duyệt.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Minh Đạo, Dzoãn Thị Tường Vi (2011). Dinh dưỡng bệnh lý. NXB Y học, Hà Nội.
2. Bộ Y tế, Viện dinh dưỡng (2016). Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam. NXB Y học, Hà Nội.
3. Trần Đình Toán (2014). Ăn uống phòng và chữa bệnh ở người có tuổi. NXB Y học, Hà Nội.
4. Bộ Y tế, Bệnh viện Bạch Mai (2012). Tư vấn Dinh dưỡng cho người trưởng thành. NXB Y học, Hà Nội.
5. Bộ Y tế, (2007). Hướng dẫn chế độ ăn bệnh viện. NXB Y học, Hà Nội.
6. Học viên Quân Y, Bộ môn dinh dưỡng, (2008). Dinh dưỡng lâm sàng. NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng – bảng trắng, giấy A0, phấn, bút dạ
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (phụ lục)
- Cơ sở thực địa

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	Phạm Thị Thu Hương	Bộ môn điều dưỡng Cơ bản	ptthuong@hpmu.edu.vn
2	Phạm Thị Thu	Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng	ptthu@hpmu.edu.vn

2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	Ths. Bùi Thị Thanh Mai	Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng	Trợ giảng
2	Ths. Nguyễn Thị Phương	Bộ môn Điều dưỡng Cộng đồng	Trợ giảng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC SỨC KHỎE

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng	
Mã học phần: TCDDTHS.19	
Đối tượng áp dụng: học viên cao học Điều dưỡng	
Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức:	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung, đại cương <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành. <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành
Khoa/Bộ môn/Module phụ trách: Khoa Điều dưỡng	
Email liên hệ: dtlanh@hpmu.edu.vn	
Điện thoại liên hệ: 0984.819.773	

	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Lâm sàng	Tự học
Tín chỉ	3	2	1		
Số tiết	60	30	30		$C = 2 \times 30 + 1 \times 15 = 75$
Số buổi	12	6	6		

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

2.1. Mô tả chung

Học phần này gồm những kiến thức và kỹ năng về phương pháp, nội dung, phương tiện, các kỹ năng giáo dục sức khỏe, vai trò của người điều dưỡng trong việc chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội – ngoại khoa; lựa chọn những phương pháp, phương tiện và kỹ năng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng.

2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	CĐR của CTĐT
CLO1	Nêu được các nguyên tắc chính để lựa chọn các nội dung truyền thông - giáo dục sức khỏe. Nêu các bước và các đối tác chính cần thu hút tham gia truyền thông giáo dục sức khỏe. Nắm vững các kỹ năng truyền thông giao tiếp cơ bản.	PLO7. Tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục sức khỏe và tổ chức thực hiện tư vấn truyền thông giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình người bệnh phù hợp và hiệu quả.

CLO2	Xây dựng được kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa, xã hội và tín ngưỡng của bệnh nhân và thân nhân bệnh nhân. Thực hiện được tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp, hiệu quả cho các đối tượng cụ thể	PLO8. Thực hiện được các kỹ năng lãnh đạo, tổ chức và ra quyết định quan trọng, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng xây dựng mối quan hệ làm việc hiệu quả để thúc đẩy chăm sóc bệnh nhân chất lượng cao và an toàn

3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.1. Lượng giá học phần gồm:

Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: viết tự luận/ Thi vấn đáp
- Thời gian: 90 phút (viết tự luận)
- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:
 - + Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Nhớ	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	Tổng
CLO1 (100 %)	(80 %)	(20%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)
Tổng	(80 %)	(20%)	(...%)	(...%)	(...%)	(...%)	100%

+ Kỹ năng: vấn đáp tình huống (bảng kiểm)

Chuẩn đầu ra	Hiểu và biết cách làm	Làm được có giám sát	Làm được độc lập (không giám sát)	Dạy được người khác làm
CLO2 (100%)		-	x	-
Tổng			1	...

3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LS} \cdot 0.5 + \text{LT} \cdot 0.5.$$

LS: Điểm thi lâm sàng tại BV

LT: Điểm thi lý thuyết

4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

TT	Nội dung	Số tiết		Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy-học	Số lượng giảng viên (phụ trách/đồng giảng*)	Số lượng trợ giảng**
		LT	TH /LS				
1	Khái niệm về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe.	2	0	CLO1	Thuyết trình; Thảo luận		
2	Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	2	2	CLO1, CLO2	Thuyết trình; Thảo luận		
3	Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi	2	0	CLO1	Thuyết trình; Thảo luận		
4	Phương tiện, phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe	2	4	CLO1, CLO2	Thuyết trình; Thảo luận,		
5	Lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe và quản lý hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe	2	4	CLO1, CLO2	Thuyết trình; Thảo luận,		
6	Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	2	2	CLO1, CLO2	Thuyết trình; Thảo luận		
7	Giáo dục sức khỏe cho trẻ em	4	4	CLO1, CLO2	Thuyết trình; Thảo luận Tình huống		
8	Giáo dục sức khỏe cho phụ nữ mang thai và cho con bú	4	4	CLO1, CLO2	Thuyết trình; Thảo luận Tình huống		

9	Giáo dục sức khỏe cho người trưởng thành	6	6	CLO1, CLO2	Thuyết trình; Thảo luận Tình huống		
10	Giáo dục sức khỏe cho người cao tuổi	4	4	CLO1, CLO2	Thuyết trình; Thảo luận Tình huống		

* đồng giảng: chỉ áp dụng cho buổi dạy-học theo ca lâm sàng

** trợ giảng: chỉ áp dụng cho các buổi học lý thuyết có thảo luận nhóm.

5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

5.1. Tài liệu học tập

- Bài giảng giáo dục và nâng cao sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng, khoa Điều dưỡng- trường Đại học Y Dược Hải Phòng (Tài liệu lưu hành nội bộ)

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Thanh Tùng (2018). *Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng*, NXB Giáo dục VN, Hà Nội.

6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

Phụ trách Học phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Đơn vị	Email
1	ThS.GVC.Phạm Thị Thu	Khoa Điều dưỡng, trường Đại học Y Dược Hải Phòng.	ptthu@hpmu.edu.vn
2	Ts. Đỗ Thị Lan Anh	Khoa Điều dưỡng, trường Đại học Y Dược Hải Phòng	dtlanh@hpmu.edu.vn
3	Ts. Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Điều dưỡng, trường Đại học Y Dược Hải Phòng	ntthuhuong@hpmu.edu.vn
4	Ts. Phạm Thị Thu Hương	Khoa Điều dưỡng, trường Đại học Y Dược Hải Phòng	ptthuhuong@hpmu.edu.vn

KHUNG THAM KHẢO CÁC TRƯỜNG

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU
DƯỠNG
NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI **HỌC TÊN CHƯƠNG TRÌNH: THẠC SỸ ĐIỀU** **DƯỠNG**

Trình độ: THẠC SỸ

Ngành đào tạo: Thạc sỹ

Mã ngành: 8720301

Hình thức đào tạo: Chính

quy

I. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2 năm

II. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC: 60 tín chỉ

III. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sỹ

IV. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ TRÌNH ĐỘ TỐT NGHIỆP: Theo các điều khoản được quy định trong Quyết định 1801/QĐ-ĐDN, ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc ban hành Quy định đào tạo Điều dưỡng trình độ Thạc sỹ;

V. THANG ĐIỂM: Thang điểm 10 và quy đổi theo quy chế đào tạo Thạc sỹ theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định 1801/QĐ-ĐDN, ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc ban hành Quy định đào tạo Điều dưỡng trình độ Thạc sỹ.

VI. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức chung	3	17/5 5
Kiến thức cơ sở/bổ trợ	6	
Kiến thức ngành và chuyên ngành	22	
Tốt nghiệp	12	
Tổng	60	

1. Kiến thức chung

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ		Ghi chú
				LT	TH	
Bắt buộc						
1	PHIL801	Triết học sau đại học	3	3	0	
Tự chọn						
2	INF802	Tin học nâng cao	2	2	0	
3	ENG803	Tiếng anh giao tiếp nâng cao 1	3	3	0	
4	ENG804	Tiếng anh giao tiếp nâng cao 2	3	3	0	

2. Kiến thức cơ sở/bổ trợ

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ		Ghi chú
				LT	TH	
Bắt buộc						
1	PSY805	Tâm lý y học	2	2	0	
2	PHA806	Dược lâm sàng	2	2	0	
3	PHI807	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	2	0	
Tự chọn						
4	ANA808	Mô học – Phôi thai học	2	2	0	
5	BIO809	Vi sinh vật – ký sinh trùng	2	2	0	
6	ETN810	Đạo đức điều dưỡng	2	2	0	
7	ECH811	Kinh tế y tế	2	2	0	
8	AHS812	Thống kê y học nâng cao	2	1	1	

* Học viên chọn 2 trong số 10 tín chỉ tự chọn

3. Kiến thức ngành và chuyên ngành

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ			Ghi chú
				LT	TH	LS	
Bắt buộc							
1	NR81 3	Nhận định thể chất và sức khỏe	4	2	1	1	
2	NR81 4	Học thuyết điều dưỡng	2	2	0	0	
3	NR81	Phương pháp giảng dạy điều	3	3	0	0	

	5	dưỡng					
4	NR81 6	Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	4	4	0	0	
5	NR81 7	Quản lý và lãnh đạo điều dưỡng	2	2	0	0	
6	PHS81 8	Chính sách y tế và hệ thống CSSK	2	2	0	0	

		VN					
7	NR819	Điều dưỡng thực hành nâng cao	2	2	0	0	
8	NR820	Thực hành điều dưỡng dựa vào bằng chứng	3	2	1	0	
Tự chọn							
9	NR821	Điều dưỡng nhi khoa	4	2	0	2	
10	NR822	Điều dưỡng nội người lớn	4	2	0	2	
11	NR823	Điều dưỡng ngoại người lớn	4	2	0	2	
12	NR824	Điều dưỡng tâm thần	4	2	0	2	
13	NR825	Điều dưỡng cộng đồng	4	2	0	2	
14	NR826	Điều dưỡng sản phụ khoa	4	2	0	2	
15	NR827	Điều dưỡng lão khoa	2	1	0	1	
16	NR828	Điều dưỡng thân kinh	2	1	0	1	
17	NR829	Điều dưỡng thảm họa	3	2	0	1	
18	NR830	Dinh dưỡng tiết chế	3	2	0	1	
19	NR831	Chăm sóc người bệnh bằng y học cổ truyền	3	2	0	1	

** Học viên chọn 15 trong số 37 tín chỉ tự chọn*

4. Học phần tốt nghiệp

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ		Ghi chú
				LT	TH	
1	THE832	Luận văn	12			

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)

Ngành: **ĐIỀU DƯỠNG**

Mã số: **8720301**

I. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 5 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Triết học	3	3	0
2.	Ngoại ngữ	2	2	0

II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 8 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh học phân tử	2	1	1
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
4.	Thống kê y học	2	1	1

III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 35 TC.

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	PHÂN BỐ	
			Lý thuyết	Thực hành
Phần bắt buộc: 17 TC				
1.	Học thuyết điều dưỡng	3	2	1
2.	Vai trò và các khái niệm trong thực hành điều dưỡng nâng cao	2	1	1
3.	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	3	2	1
4.	Nghiên cứu điều dưỡng	3	2	1
5.	Quản lý – lãnh đạo trong điều dưỡng	3	2	1
6.	Đánh giá thể chất và sức khỏe	3	2	1
Phần tự chọn: 18 TC				
Chăm sóc sức khỏe người lớn	Dược lâm sàng	2	2	0
	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội - ngoại khoa nâng cao	4	2	2
	Thực hành giảng dạy trong chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội – ngoại khoa nâng cao	4	2	2
	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm nâng cao	4	2	2
	Chăm sóc sức khỏe người bệnh hồi sức cấp cứu nâng cao	4	2	2
Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Dược lâm sàng	2	2	0
	Hộ sinh và chăm sóc sức khỏe sinh sản nâng cao	4	2	2
	Chăm sóc thai kỳ nguy cơ	4	2	2
	Chăm sóc sản phụ chuyển dạ và sau sinh nâng cao	4	2	2
	Chăm sóc sơ sinh bệnh lý	4	2	2
Chăm sóc người bệnh trong GMHS	Dược lâm sàng	2	2	0
	Chăm sóc sức khỏe người bệnh hồi sức cấp cứu nâng cao	4	2	2
	Dược lý và sinh lý bệnh trong gây mê hồi sức	3	3	0
	Chăm sóc người bệnh trong gây tê vùng nâng cao	3	2	1
	Chăm sóc người bệnh trong gây mê nâng cao	3	2	1
	Chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật	3	2	1

IV. LUẬN VĂN: 12 TC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 1 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG
 B.C. Y DƯỢC
 TP. HỒ CHÍ MINH
 PGS.TS. Trần Diệp Tuấn

Master of Nursing Science (International Program)

Full Name of Degree Master of Nursing Science

Abbreviation of Degree: M.N.S.

Educational System: Two semesters per year

(Summer classes are offered as only as needed and as agreed upon by the program committee.)

Day and Time for Study 1st semester: August to December

2nd semester: January to April

Summer: May to July

Program Overview

The Faculty of Nursing, Burapha University is the predominant in Thailand. It recognizes the importance of developing the competency of nurses to provide advanced nursing care and to develop health services.

Our Master of Nursing Science program enables students to develop their ability to analyze and efficiently deal with complex health issues across a wide range of specialties including

- Adult Nursing
- Community Nursing
- Gerontological Nursing
- Maternity Nursing and Midwifery
- Nursing Administration
- Pediatric Nursing
- Psychiatric and Mental Health Nursing

Operating specialized clinics, nursing administration, academic services, and research they develop their ability to resolve complex problems. Graduates from our Masters program are able to strengthen the health service overall and resolve or alleviate health problems, thereby improving their patients' quality of life.

The international Masters program is taught and assessed in English.

Program Structure

The Master of Nursing Science is a 2-year international program. A total of 36 credits are required for the degree under Plan A2.

Coursework based program (Plan A2) –36 credits

- 24 credits of coursework. Of these, 21 credits are from a core course and 3 credits are from elective courses.
- 12 credits of Thesis.

Content of Core Courses

107501 Nursing Theory and Concepts

107502 Applied Statistics for Nursing Research

107503 Policy and Health System

107504 Nursing Research and Research Utilization

111501 Integrated Health Sciences and Nursing

111502 Seminar in Advanced Nursing

1115xx Specialty courses are partitioned into seven pathways: Adult Nursing, Community Nursing, Gerontological Nursing, Maternity Nursing and Midwifery, Nursing Administration, Pediatric Nursing, and Psychiatric and Mental Health Nursing. Each specialty pathway is composed of required specialty courses and elective specialty courses.

**California State University San Bernardino, College of Natural Sciences, Department of Nursing
MS in Nursing Semester Roadmaps, Beginning Fall 2020**

Full-Time (2.5-Year, 5 Terms) MS in Nursing Semester Roadmap

	Fa II	Spring
Year 1	<p>NURS 6011 Preparation for Success in Graduate Education 1 unit</p> <p>NURS 6308 Advanced Nursing Roles 1 unit (may be offered in CF)</p> <p>NURS 6558 Advanced Nursing Theory 2 units (may be offered in CF)</p> <p>NURS 5411 Advanced Health Assessment 3 units (2:1)</p> <p align="center"><i>AND</i></p> <p>NURS 5422 Advanced Pathophysiology 3 units</p> <p align="center"><i>OR</i></p> <p>NURS 6425 Epidemiology & Biostatistics 4 units</p> <p>Term Total = 4 core units; 4 or 6 concentration units</p>	<p>NURS 6455 Advanced Nursing Research 3 units</p> <p>NURS 6200 Health Policy Leadership 2 units</p> <p>NURS 5433 Advanced Pharmacology 3 units</p> <p align="center"><i>OR</i></p> <p>NURS 6435 Health Informatics 3 units</p> <p>Term Total = 5 core units; 3 concentration units</p>
Year 2	<p>NURS 6000 Population Health Assessment 4 (2:2)</p> <p>NURS 6588 Curriculum & Instruction 3 (may be offered in CF)</p> <p align="center"><i>OR</i></p> <p>NURS 6575 Quality, Safety, Outcomes, & Case Management 3</p> <p align="center"><i>OR</i></p> <p>NURS 6548 Transcultural Healthcare 3 (may be offered in CF)</p> <p>Term Total = 4 core units; 3 concentration units</p>	<p>NURS 6100 Program Planning & Evaluation 4 (2:2)</p> <p>NURS 6598 Assessment & Evaluation 3 units (may be offered in CF)</p> <p align="center"><i>AND</i></p> <p>NURS 6608 Technology for Instruction & Evaluation 3 u (may be offered in CF)</p> <p align="center"><i>OR</i></p> <p>NURS 6585 Organizational Leadership for Population Health 3 units (2:1)</p> <p align="center"><i>OR</i></p> <p>NURS 6752 Adv Community/Public Health Internship I 2 units (0:2)</p> <p>Term Total = 4 core units; 2 or 3 or 6 concentration units</p>

Year 3	NURS 6880 Advanced Role Practicum	2 units (0:2)
	NURS 6901 Preparation for Comprehensive Examination	1 unit
	NURS 6980 Comprehensive Examination	0 units
	Total = 3 units	

Note: CF stands for “compressed format” which means the course may be offered over half a semester (8 weeks)

Index to Color Codes: **Black** Font – core courses required for **all MS in Nursing students**;
Blue font – courses required for students in the **Nurse Educator** concentration
Green font – courses required for students in the **Advanced Community/Public Health** and **Population Health for Clinical Leaders** concentrations
Purple font – courses required for students in the **Population Health for Clinical Leaders** concentration
Red font - courses required for students in the **Advanced Community/Public Health** concentration

Part-Time (3.5-Year, 7 Terms) MS in Nursing Semester Roadmap

Fall

Year 1 NURS 6011 Preparation for Success in Graduate Education 1 unit
 NURS 6308 Advanced Nursing Roles 1 unit (may be offered in CF)
 NURS 6558 Advanced Nursing Theory 2 units (may be offered in CF)

Term Total = 4 core units

NURS 6455 Advanced Nursing Research 3 units
 NURS 6200 Health Policy Leadership 2 units

Term Total = 5 core units

Year 2 NURS 5411 Advanced Health Assessment 3 units (2:1)
AND
 NURS 5422 Advanced Pathophysiology 3 units
OR
NURS 6425 Epidemiology & Biostatistics 4 units

Term Total = 3 or 4 concentration units

NURS 5433 Advanced Pharmacology 3 units
OR
NURS 6435 Health Informatics 3 units

Term Total = 3 concentration units

Year 3 NURS 6000 Population Health Assessment 4 (2:2)
 NURS 6588 Curriculum & Instruction 3 (may be offered in CF)
OR
 NURS 6575 Quality, Safety, Outcomes, & Case Management 3
OR
 NURS 6548 Transcultural Healthcare 3 (may be offered in CF)

NURS 6100 Program Planning & Evaluation 4 (2:2)
 NURS 6598 Assessment & Evaluation 3 units (may be offered in CF)
AND
 NURS 6608 Technology for Instruction & Evaluation 3 u (may be offered in CF)
OR
 NURS 6585 Organizational Leadership for Population Health 3 units (2:1)
OR
 NURS 6752 Adv Community/Public Health Internship I 2 units (0:2)

	Term Total = 4 core units; 3 concentration units	Term Total = 4 core units; 2 or 3 or 6 concentration units
--	--	--

Year	NURS 6880 Advanced Role Practicum	2 units (0:2)
4	NURS 6901 Preparation for Comprehensive Examination	1 unit
	NURS 6980 Comprehensive Examination	0 units

Total = 3 units

Note: CF stands for “compressed format” which means the course may be offered over half a semester (8 weeks)

Index to Color Codes: **Black Font** – core courses required for **all MS in Nursing students**;
 Blue font – courses required for students in the **Nurse Educator** concentration
 Green font – courses required for students in the **Advanced Community/Public Health and Population Health for Clinical Leaders** concentrations
 Purple font – courses required for students in the **Population Health for Clinical Leaders** concentration
 Red font - courses required for students in the **Advanced Community/Public Health** concentration

Part-Time (4.5-Year, 9 Terms) MS in Nursing Semester Roadmap

	Fall	Spring
Year 1	NURS 6011 Preparation for Success in Graduate Education I 1 unit NURS 6308 Advanced Nursing Roles 1 unit (may be offered in CF) NURS 6558 Advanced Nursing Theory 2 units (may be offered in CF) Term Total = 4 core units	NURS 6455 Advanced Nursing Research 3 units NURS 6200 Health Policy Leadership 2 units Term Total = 5 core units
Year 2	NURS 5411 Advanced Health Assessment 3 units (2:1) <i>AND</i> NURS 5422 Advanced Pathophysiology 3 units <i>OR</i> NURS 6425 Epidemiology & Biostatistics 4 units Term Total = 3 or 4 concentration units	NURS 5433 Advanced Pharmacology 3 units <i>OR</i> NURS 6435 Health Informatics 3 units Term Total = 3 concentration units

Year 3	NURS 6000 Population Health Assessment 4 (2:2)	NURS 6100 Program Planning & Evaluation 4 (2:2)
	Term Total = 4 core units	Term Total = 4 core units
Year 4	NURS 6588 Curriculum & Instruction 3 (may be offered in CF) <i>OR</i> NURS 6575 Quality, Safety, Outcomes, & Case Management 3 <i>OR</i> NURS 6548 Transcultural Healthcare 3 (may be offered in CF)	NURS 6598 Assessment & Evaluation 3 units (may be offered in CF) <i>AND</i> NURS 6608 Technology for Instruction & Evaluation 3 u (may be offered in CF) <i>OR</i> NURS 6585 Organizational Leadership for Population Health 3 units (2:1) <i>OR</i> NURS 6752 Adv Community/Public Health Internship I 2 units (0:2)
	Term Total = 3 concentration units	Term Total = 2, 3, or 6 concentration units
Year 5	NURS 6880 Advanced Role Practicum 2 units (0:2) NURS 6901 Preparation for Comprehensive Examination 1 unit NURS 6980 Comprehensive Examination 0 units Total = 3 units	

Note: CF stands for “compressed format” which means the course may be offered over half a semester (8 weeks)

Index to Color Codes: **Black** Font – core courses required for **all MS in Nursing students**;
Blue font – courses required for students in the **Nurse Educator** concentration
Green font – courses required for students in the **Advanced Community/Public Health and Population Health for Clinical Leaders** concentrations
Purple font – courses required for students in the **Population Health for Clinical Leaders** concentration
Red font - courses required for students in the **Advanced Community/Public Health** concentration

Phụ lục 2

BẢNG 1. SỐ LƯỢNG VÀ CHUYÊN MÔN ĐƯỢC ĐÀO TẠO CỦA GIẢNG VIÊN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ ĐỐI VỚI TỪNG NGÀNH ĐÀO TẠO THUỘC LĨNH VỰC SỨC KHỎE

STT	Tên ngành/ chuyên ngành của giảng viên trình độ tiến sĩ	Ngành đào tạo dự kiến mở					
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng hàm mặt	Y học dự phòng	Dược học	Điều dưỡng
		Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ	Số lượng tiến sĩ
1	Khoa học y sinh	1	-	-	-	-	-
2	Ngoại khoa	3	-	-	-	-	-
3	Nội khoa	4	-	-	-	-	-
4	Nhi khoa	5	-	-	-	-	-
5	Y học dự phòng/ Y tế công cộng	3	1	-	6	-	-
6	Sản phụ khoa	-	-	-	-	-	-
7	Chuyên khoa Nội (trừ ngành Nội khoa và Nhi khoa)	7	-	-	-	-	-
8	Chuyên khoa ngoại (trừ ngành Ngoại khoa và Sản phụ khoa)	1	-	-	-	-	-
9	Y học cổ truyền	-	3	-	-	-	-
10	Răng hàm mặt	-	-	8	-	-	-
11	Ngành thuộc các môn cơ sở ngành Dược	3	3	3	4	2	-
12	Ngành thuộc nhóm ngành Dược học	-	-	-	-	5	-
13	Điều dưỡng	-	-	-	-	-	3

BẢNG 2. CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM, THỰC HÀNH PHỤC VỤ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI TỪNG NGÀNH ĐÀO TẠO THUỘC LĨNH VỰC SỨC KHOẺ

STT	Tên phòng thí nghiệm, thực hành	Ngành đào tạo dự kiến mở					
		Y khoa	Y học cổ truyền	Răng Hàm Mặt	Y học Dự phòng	Điều dưỡng	Dược học
1.	Sinh học và di truyền y học	X	X	X	X	X	-
2.	Lý sinh	X	X	X	X	X	-
3.	Sinh lý	X	X	X	X	X	-
4.	Hoá học	X	X	X	X	X	-
5.	Hoá sinh	X	X	X	X	X	X
6.	Giải phẫu	X	X	X	X	X	-
7.	Vi sinh – Ký sinh trùng	X	X	X	X	X	X
8.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	X	X	X	X	X	X
9.	Dược lý	X	X	X	X	X	X
10.	Điều dưỡng cơ bản	X	X	X	X	X	-
11.	Giải phẫu bệnh	X	X	X	X	X	-
12.	Mô phôi	X	X	X	X	-	-
13.	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	X	-	X	X	-	-
14.	Sức khoẻ môi trường và sức khoẻ nghề nghiệp	X	-	-	X	X	-
15.	Thực vật dược	-	X	-	-	-	X
16.	Dinh dưỡng tiết chế	-	-	-	X	-	-
17.	Y học cổ truyền	-	-	-	X	-	-
18.	Hộ sinh cơ bản	-	-	-	X	-	-
19.	Hoá đại cương vô cơ	-	-	-	-	-	X
20.	Hoá hữu cơ	-	-	-	-	-	X
21.	Hoá phân tích	-	-	-	-	-	X
22.	Vật lý	-	-	-	-	-	X
23.	Dược liệu	-	-	-	-	-	X
24.	Hoá dược	-	-	-	-	-	X
25.	Dược học cổ truyền	-	-	-	-	-	X

26.	Bào chế	-	-	-	-	-	X
27.	Dược lâm sàng	-	-	-	-	-	X
28.	Công nghệ dược	-	-	-	-	-	X
29.	Kiểm nghiệm dược	-	-	-	-	-	X
30.	Nhà thuốc	-	-	-	-	-	X
31.	Trung tâm tiên lâm sàng (các phòng thực hành về : hệ nội, hệ ngoại, phụ sản, nhi, hồi sức cấp cứu, điều dưỡng)	X			X		
32.	Trung tâm tiên lâm sàng (các phòng thực hành về : hệ nội, hệ ngoại, hồi sức cấp cứu, điều dưỡng, châm cứu, xoa bóp – dưỡng sinh)		X				
33.	Trung tâm tiên lâm sàng (các phòng thực hành về : chữa răng và nội nha, phục hình, chỉnh nha, nha chu, phẫu thuật trong miệng và phẫu thuật hàm mặt, Labo răng giả)			X			
34.	Trung tâm tiên lâm sàng (các phòng thực hành về : chăm sóc sức khoẻ bệnh nội khoa, chăm sóc sức khoẻ ngoại khoa, chăm sóc sức khoẻ phụ nữ - bà mẹ và gia đình, chăm sóc sức khoẻ trẻ em, chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng)					X	

KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHU CẦU ĐÀO TẠO THẠC SĨ VÀ CHUYÊN KHOA I ĐIỀU DƯỠNG

I. Thông tin chung

Phiếu khảo sát được thu thập từ ban lãnh đạo các cơ quan:

- BV Việt Tiệp (1 phiếu)
- BV Phụ sản HP (1 phiếu)
- BV Trẻ em HP (1 phiếu)
- Sở Y tế Hưng Yên (1 phiếu)
- Sở Y tế Hải Dương (21 phiếu gồm BV phổi, BV Phong Chí Linh, BV YHCT, TTYT Tứ Kỳ, TTYT Cẩm Giàng, TTYT Bình Giang, TTYT Ninh Giang, TTYT Thanh Hà, BV PHCN, BV Tâm thần, TTYT Gia Lộc, BVĐK tỉnh, BV Nhi, TTYT TP HD, TTYT Kinh Môn, TTYT Thanh Miện, TTYT Nam Sách, TTYT Chí Linh, BV Mắt và Da liễu HD, BV Phụ Sản HD, TTYT Kim Thành)
- Sở Y tế Quảng Ninh (1 phiếu)

II. Thông tin đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng

1. Nhu cầu Thạc sĩ

Nhu cầu học	Có/ Không	Số ng/1 năm	Số ng/5 năm	Số ng/10 năm
Việt Tiệp	Có	5	30	50
Phụ sản HP	Có	5	25	30
Trẻ em HP	Có	1	4	5
Sở Y tế HY	Có	5-10	25-50	50-100
Sở Y tế HD	Có	8	31	60
Viện Phổi		1	2	3
YHCT		2	10	20
TTYT Cẩm Giàng		1	1	2
TTYT Bình Giang		1	5	10
TTYT Ninh Giang		2	10	20
TTYT Thanh Hà		1	3	5
Sở Y tế QN	Không			
Tổng	Có	24-29	115-140	195-245

2. Nhân sự Ths Điều dưỡng cần cho các vị trí công việc nào

- Trưởng, phó phòng Điều dưỡng, điều dưỡng trưởng các khoa , phòng ban
- Quản lý, chăm sóc bệnh nhân

3. Thời lượng đào tạo Ths

> 24 tháng: 10%; 24 tháng: 30%; 18 tháng: 60%

4. Thời gian đào tạo Ths

Trong giờ hành chính: 20%;

Buổi tối/ cuối tuần: 80%

5. Hình thức đào tạo Ths

Kết hợp trực tiếp và trực tuyến: 60%

Trực tiếp: 30%

Trực tuyến: 10%

6. Định hướng đào tạo Ths

Ths đa khoa: 60%

Ths chuyên khoa: 40%

7. Mức độ kỳ vọng đối với cán bộ sau khi hoàn thiện chương trình

*** Kiến thức:**

- Có kiến thức khác biệt so với trước khi đi học
- Đảm bảo là người đứng đầu có trình độ chuyên môn và quản lý
- Giảng dạy được cho hệ thống điều dưỡng của đơn vị
- Thực hiện được đề tài nghiên cứu thuộc ngành Điều dưỡng
- Hiểu biết về quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Hiểu biết về sức khỏe, bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng, đưa ra chẩn đoán chăm sóc, phân cấp chăm sóc, chỉ định chăm sóc và thực hiện can thiệp điều dưỡng bảo đảm an toàn cho người bệnh và cộng đồng;

*** Kỹ năng:**

- Thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp theo chuẩn năng lực Điều dưỡng ở trình độ cao
- Chuẩn trong công tác điều dưỡng
- Có khả năng giảng dạy và đào tạo trong lĩnh vực điều dưỡng
- Thực hiện thành thạo kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, sơ cứu, cấp cứu, đáp ứng hiệu quả khi có tình huống cấp cứu, dịch bệnh và thảm họa;
- Có khả năng tư vấn, giáo dục sức khỏe và giao tiếp hiệu quả với người bệnh và cộng đồng;
- Có kỹ năng tổ chức đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu khoa học, hợp tác với đồng nghiệp và phát triển nghề nghiệp điều dưỡng;
- Lập và tổ chức triển khai thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên.

*** Thái độ (tự chủ và tự chịu trách nhiệm)**

- Có khả năng làm việc độc lập, có năng lực phát hiện vấn đề và ra quyết định
- Biết chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, công tác Điều dưỡng do mình quản lý
- Tận tụy phục vụ sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- Hiểu biết và thực hiện đúng quy tắc ứng xử của viên chức ngành y tế.
- Thực hành nghề nghiệp theo đúng quy chế, quy định, quy trình chuyên môn kỹ thuật và các quy định khác của pháp luật.
- Không ngừng học tập nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

- Tôn trọng quyền của người bệnh, tôn trọng phụ nữ, quyền con người;
- Trung thực, khách quan, công bằng, trách nhiệm, đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp

PHỤ LỤC

Bảng mô tả khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 7)

(Kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Chuẩn đầu ra – Người tốt nghiệp khóa đào tạo phải có:	
Kiến thức	
KT1	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.
KT2	Kiến thức liên ngành có liên quan.
KT3	Kiến thức chung về quản trị và quản lý.
Kỹ năng	
KN1	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.
KN2	Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.
KN3	Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.
KN4	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.
KN5	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
TC1	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.
TC2	Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.
TC3	Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.
TC4	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

Khung năng lực ASEAN

At its 6th Meeting held on 10-11 November 2009 in Vientiane Lao-PDR, the AJCCN agreed on **5 domains of the ASEAN Nursing Common Core Competencies** as follows:

1. Ethics and Legal Practice (Domain 1 – DO1)
2. Professional Nursing Practice (DO2)
3. Leadership and management (DO3)
4. Education and Research (DO4)
5. Professional, Personal and Quality Development (DO5)

CHUẨN NĂNG LỰC CƠ BẢN CỦA ĐIỀU DƯỠNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1352/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế)

Lĩnh vực 1: Năng lực thực hành chăm sóc

Tiêu chuẩn 1: Thể hiện sự hiểu biết về tình trạng sức khỏe, bệnh tật của các cá nhân, gia đình và cộng đồng

Tiêu chí 1: Xác định nhu cầu về sức khỏe và tình trạng sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chí 2: Giải thích tình trạng sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chuẩn 2: Ra quyết định chăm sóc phù hợp với nhu cầu của các cá nhân, gia đình và cộng đồng

Tiêu chí 1: Thu thập thông tin và phân tích các vấn đề về sức khỏe, bệnh tật để xác định các vấn đề về sức khỏe và bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chí 2: Ra các quyết định về chăm sóc cho người bệnh, gia đình và cộng đồng an toàn và hiệu quả.

Tiêu chí 3: Thực hiện các can thiệp điều dưỡng để hỗ trợ cá nhân, gia đình và cộng đồng đáp ứng với các vấn đề về sức khỏe/bệnh tật phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng của người bệnh, gia đình người bệnh.

Tiêu chí 4: Theo dõi sự tiến triển của các can thiệp điều dưỡng đã thực hiện.

Tiêu chuẩn 3: Xác định ưu tiên chăm sóc trên nhu cầu của người bệnh, gia đình và cộng đồng

Tiêu chí 1: Phân tích và xác định những nhu cầu chăm sóc ưu tiên của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

được

Tiêu chí 2: Thực hiện các can thiệp chăm sóc đáp ứng nhu cầu chăm sóc ưu tiên của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chuẩn 4: Sử dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc và can thiệp điều dưỡng

Tiêu chí 1: Thực hiện nhận định người bệnh toàn diện và có hệ thống.

Tiêu chí 2: Tập hợp và ghi đầy đủ thông tin thích hợp vào hồ sơ điều dưỡng.

Tiêu chí 3: Phân tích và diễn giải các thông tin về người bệnh một cách chính xác.

Tiêu chí 4: Lập kế hoạch chăm sóc điều dưỡng dựa trên nhu cầu định người bệnh và có sự thống nhất với đồng nghiệp, người nhà người bệnh về các vấn đề ưu tiên, sự mong muốn và kết quả mong đợi cho người bệnh.

Tiêu chí 5: Giải thích các can thiệp điều dưỡng cho người bệnh, gia đình người bệnh và thực hiện các can thiệp theo kế hoạch chăm sóc điều dưỡng, bảo đảm an toàn, thoải mái, hiệu quả cho người bệnh.

Tiêu chí 6: Hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh các phương pháp tự chăm sóc một cách phù hợp.

Tiêu chí 7: Đánh giá kết quả của quá trình chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc dựa vào tình trạng sức khỏe người bệnh và kết quả mong đợi.

Tiêu chí 8: Thực hiện các công việc cần thiết để hỗ trợ người bệnh xuất viện.

Tiêu chí 9: Tuyên truyền giáo dục sức khỏe và hướng dẫn cách phòng bệnh cho người bệnh.

Tiêu chuẩn 5: Sự an toàn, thoải mái và kín đáo cho người bệnh
Tạo

Tiêu chí 1: Thực hiện các biện pháp an toàn trong chăm sóc cho người bệnh.

Tiêu chí 2: Môi trường chăm sóc thoải mái trong khi chăm sóc cho người bệnh.
Tạo

Tiêu chí 3: Bảo đảm sự kín đáo trong khi chăm sóc cho người bệnh.

Tiêu chuẩn 6: Tiến hành các kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình
vi chuyên

Tiêu chí 1: Tuân thủ các bước của quy trình điều dưỡng trong phạm vi mô hình.

Tiêu chí 2: Thực hiện thành thạo kỹ thuật điều dưỡng.

Tiêu chí 3: Tuân thủ các quy định về vô khuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn.

Tiêu chuẩn 7: Dùng thuốc đảm bảo an toàn hiệu quả

Tiêu chí 1: Khai thác tiền sử dị ứng thuốc của người bệnh.

Tiêu chí 2: Tuân thủ quy tắc khi dùng thuốc.

Tiêu chí 3: Hướng dẫn người bệnh dùng thuốc đúng và an toàn.

Tiêu chí 4: Phát hiện và xử trí ban đầu các dấu hiệu của phản ứng có hại của thuốc và báo cáo kịp thời cho bác sĩ và điều dưỡng phụ trách.

Tiêu chí 5: Nhận biết sự tương tác giữa thuốc với thuốc và thuốc với thức ăn.

Tiêu chí 6: Đánh giá hiệu quả của việc dùng thuốc.

Tiêu chí 7: Ghi chép và công khai việc sử dụng thuốc cho người bệnh.

Tiêu chuẩn 8: Đảm bảo chăm sóc liên tục

Tiêu chí 1: Bàn giao tình trạng của người bệnh với nhóm chăm sóc kế tiếp một cách cụ thể, đầy đủ và chính xác.

Tiêu chí 2: Phối hợp hiệu quả với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp để đảm bảo chăm sóc liên tục cho người bệnh.

Tiêu chí 3: Thiết lập các biện pháp để hiện chăm sóc liên tục cho người bệnh.

Tiêu chuẩn 9: Sơ cứu và đáp ứng khi có tình huống cấp cứu

Tiêu chí 1: Phát hiện sớm những thay đổi đột ngột về tình trạng sức khỏe người bệnh. Tiêu chí 2: Ra quyết định xử trí sơ cứu, cấp cứu kịp thời và phù hợp.

Tiêu chí 3: Phối hợp hiệu quả với các thành viên nhóm chăm sóc trong sơ cứu, cấp cứu.

Tiêu chí 4: Thực hiện sơ cứu, cấp cứu hiệu quả cho người bệnh.

Tiêu chuẩn 10: Thiết lập được mối quan hệ tốt với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp

Tiêu chí 1: Tạo dựng niềm tin đối với người bệnh, người nhà và thành viên trong nhóm chăm sóc.

Tiêu chí 2: Dành thời gian cần thiết để giao tiếp với người bệnh, người nhà và thành viên trong nhóm chăm sóc.

Tiêu chí 3: Lắng nghe và đáp ứng thích hợp những băn khoăn, lo lắng của người bệnh và người nhà người bệnh.

Tiêu chuẩn 11: Giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh

Tiêu chí 1: Nhận biết tâm lý và nhu cầu của người bệnh qua những biểu hiện nét mặt và ngôn ngữ cơ thể của người bệnh.

Tiêu chí 2: Giao tiếp hiệu quả với các cá nhân, gia đình, cộng đồng có các trở ngại về giao tiếp do bệnh tật, do những khó khăn về tâm lý.

Tiêu chí 3: Thể hiện lời nói, cử chỉ động viên, khuyến khích người bệnh an tâm điều trị.

Tiêu chí 4: Thể hiện sự hiểu biết về văn hóa, tín ngưỡng trong giao tiếp với người bệnh, gia đình và nhóm người.

Tiêu chuẩn 12: Sử dụng hiệu quả các kênh truyền thông và phương tiện nghe nhìn trong giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh

Tiêu chí 1: Sử dụng các phương tiện nghe nhìn sẵn có để truyền thông và hỗ trợ giao tiếp với người bệnh, người nhà và cộng đồng.

Tiêu chí 2: Sử dụng các phương pháp, hình thức giao tiếp hiệu quả và thích hợp với người bệnh, người nhà người bệnh.

Tiêu chuẩn 13: Cung cấp thông tin cho người bệnh, người nhà về tình trạng sức khỏe hiệu quả và phù hợp

Tiêu chí 1: Xác định những thông tin cần cung cấp cho người bệnh và gia đình. Tiêu chí 2: Chuẩn bị về tâm lý cho người bệnh và gia đình trước khi cung cấp những thông tin “xấu”.

Tiêu chuẩn 14: Xác định nhu cầu và tổ chức hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng

Tiêu chí 1: Thu thập và phân tích thông tin về nhu cầu hiểu biết của cá nhân, gia đình, và cộng đồng về hướng dẫn, giáo dục sức khỏe.

Tiêu chí 2: Xác định nhu cầu và những nội dung cần hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chí 3: Xây dựng kế hoạch giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa, xã hội và

tín ngưỡng của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chí 4: Xây dựng tài liệu giáo dục sức khỏe phù hợp với trình độ của đối tượng.

Tiêu chí 5: Hiện tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp, hiệu quả.

Tiêu chí 6: Đánh giá kết quả giáo dục sức khỏe và điều chỉnh kế hoạch giáo dục sức khỏe dựa trên mục tiêu và kết quả mong chờ.

Tiêu chuẩn 15: Tác với các thành viên nhóm chăm sóc
Hợp

Tiêu chí 1: Duy trì tốt mối quan hệ với các thành viên trong nhóm, coi người bệnh như một thành viên trong nhóm chăm sóc.

Tiêu chí 2: Hợp tác tốt với các thành viên trong nhóm chăm sóc để đưa ra các quyết định phù hợp nhằm cải thiện chất lượng chăm sóc.

Tiêu chí 3: Hợp tác tốt với các thành viên nhóm chăm sóc trong việc theo dõi, chăm sóc, điều trị người bệnh và thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tiêu chí 4: Tôn trọng vai trò và quan điểm của đồng nghiệp.

Tiêu chí 5: Chia sẻ thông tin một cách hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc.

Tiêu chí 6: Thực hiện vai trò đại diện hoặc biện hộ cho người bệnh để bảo đảm các quyền, lợi ích và vì sự an toàn của người bệnh.

Lĩnh vực 2: Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp

Tiêu chuẩn 16: Quản lý, ghi chép và sử dụng hồ sơ bệnh án theo quy định

Tiêu chí 1: Thực hiện các quy chế quản lý, lưu giữ hồ sơ bệnh án theo quy định luật pháp và của Bộ Y tế.

Tiêu chí 2: Bảo mật thông tin trong hồ sơ bệnh án và Phiếu chăm sóc của người bệnh. Tiêu chí 3: Ghi chép hồ sơ điều dưỡng bảo đảm tính khách quan, chính xác, đầy đủ và kịp thời.

Tiêu chí 4: Sử dụng các dữ liệu thu thập được về tình trạng sức khỏe người bệnh làm cơ sở để xây dựng chính sách và tạo thuận lợi cho việc chăm sóc người bệnh.

Tiêu chuẩn 17: Quản lý công tác chăm sóc người bệnh

Tiêu chí 1: Quản lý công việc, thời gian của cá nhân hiệu quả và khoa học.

Tiêu chí 2: Xác định các công việc hoặc nhiệm vụ cần hoàn thành theo thứ tự ưu tiên. Tiêu chí 3: Tổ chức, điều phối, phân công và ủy quyền nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm chăm sóc một cách khoa học, hợp lý và hiệu quả.

Tiêu chí 4: Thể hiện sự hiểu biết về mối quan hệ giữa quản lý và sử dụng các nguồn lực có hiệu quả để đảm bảo chất lượng chăm sóc và an toàn cho người bệnh.

Tiêu chí 5: Sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc người bệnh cũng như cập nhật kiến thức chuyên môn.

Tiêu chuẩn 18: Quản lý, vận hành và sử dụng các trang thiết bị y tế có hiệu quả

Tiêu chí 1: Thiết lập các cơ chế quản lý, phát huy tối đa chức năng hoạt động của các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho chăm sóc và điều trị.

Tiêu chí 2: Lập và hiệu chỉnh kế hoạch bảo trì phương tiện, trang thiết bị có trách nhiệm

Tiêu chí 3: Vận hành các trang thiết bị, phương tiện sử dụng trong chăm sóc bảo đảm an toàn, hiệu quả và phòng tránh nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế.

Tiêu chuẩn 19: Sử dụng nguồn tài chính thích hợp để chăm sóc người bệnh hiệu quả

Tiêu chí 1: Nhận biết được hiệu quả kinh tế khi sử dụng các nguồn lực sẵn có tại nơi làm việc để sử dụng thích hợp, hiệu quả.

Tiêu chí 2: Xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng các nguồn trong chăm sóc

người bệnh thuộc phạm vi phân công hiệu quả.

Tiêu chuẩn 20: Thiết lập môi trường làm việc an toàn và hiệu quả

Tiêu chí 1: Tuân thủ các tiêu chuẩn và quy tắc về an toàn lao động.

Tiêu chí 2: Tuân thủ các chính sách, quy trình về phòng ngừa cách ly và kiểm soát nhiễm khuẩn.

Tiêu chí 3: Tuân thủ các quy định về kiểm soát môi trường chăm sóc (tiếng ồn, không khí, nguồn nước...).

Tiêu chí 4: Tuân thủ quy định về quản lý, xử lý chất thải.

Tiêu chí 5: Tuân thủ các bước về an toàn phòng cháy chữa cháy, độ ngất hoặc các trường hợp khẩn cấp khác.

Tiêu chí 6: Thể hiện sự hiểu biết về những khía cạnh có liên quan đến sức khỏe nghề nghiệp và luật pháp về an toàn lao động.

Tiêu chuẩn 21: Cải thiện chất lượng chăm sóc và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc

Tiêu chí 1: Nhận thức được sự cần thiết về các hoạt động bảo đảm chất lượng, cải thiện chất lượng thông qua sự nghiên cứu, phản hồi và đánh giá thực hành thường xuyên. Tiêu chí 2: Phát hiện, báo cáo và đưa ra các hành động khắc phục các nguy cơ trong môi trường chăm sóc người bệnh

Tiêu chí 3: Nhận phản hồi từ người bệnh, gia đình và các đối tượng liên quan để cải thiện chất lượng các hoạt động chăm sóc.

Tiêu chí 4: Áp dụng các phương pháp cải thiện chất lượng phù hợp.

Tiêu chí 5: Tham gia các hoạt động cải thiện chất lượng tại cơ sở.

Tiêu chí 6: Chia sẻ các thông tin liên quan đến tình trạng người bệnh với các thành viên trong nhóm chăm sóc.

Tiêu chí 7: Bình phiếu chăm sóc để cải tiến và khắc phục những tồn tại về chuyên môn và thủ tục hành chính.

Tiêu chí 8: Đưa ra những đề xuất phù hợp về các biện pháp chăm sóc và phòng ngừa bệnh.

Tiêu chí 9: Sử dụng bằng chứng áp dụng vào thực hành chăm sóc để tăng cường sự an toàn trong chăm sóc người bệnh.

Tiêu chuẩn 22: Nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng học

Tiêu chí 1: Xác định và lựa chọn các lĩnh vực và vấn đề nghiên cứu phù hợp, cần thiết và khả thi.

Tiêu chí 2: Áp dụng các phương pháp phù hợp để tiến hành nghiên cứu những vấn đề đã lựa chọn.

Tiêu chí 3: Sử dụng phương pháp thống kê thích hợp để phân tích và diễn giải dữ liệu thu thập được.

Tiêu chí 4: Đề xuất các giải pháp thích hợp dựa trên kết quả nghiên cứu.

Tiêu chí 5: Trình bày, chia sẻ kết quả nghiên cứu với đồng nghiệp, người bệnh và những người có liên quan.

Tiêu chí 6: Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực hành điều dưỡng. Sử dụng các bằng chứng từ nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc điều dưỡng.

Tiêu chuẩn 23: Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp

Tiêu chí 1: Xác định rõ mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

Tiêu chí 2: Học tập liên tục để cập nhật kiến thức, kỹ năng và ứng dụng kiến thức đã học để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc điều dưỡng.

Tiêu chí 3: Tham gia vào các hoạt động của tổ chức nghề nghiệp.

Tiêu chí 4: Quảng bá hình ảnh của người điều dưỡng, thể hiện tác phong và tư cách tốt, trang phục phù hợp, lời nói thuyết phục và cách cư xử đúng mực.

Tiêu chí 5: Thể hiện thái độ tích cực với những đổi mới và những quan điểm trái chiều, thể hiện sự lắng nghe các kiến nghị và đề xuất, thử nghiệm những phương pháp mới và thích nghi với những thay đổi.

Tiêu chí 6: Thực hiện chăm sóc theo các tiêu chuẩn hành điều dưỡng.

Thực thực

Tiêu chí 7: Đóng góp vào việc đào tạo nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp

cho đồng nghiệp.

Tiêu chí 8: Đóng góp vào việc nâng cao vai trò, vị thế của người điều dưỡng, ngành điều dưỡng trong ngành y tế và trong xã hội.

Lĩnh vực 3: Năng lực hành nghề theo pháp luật và đức nghề nghiệp
đạo

Tiêu chuẩn 24: Hành nghề theo quy định của pháp luật

Tiêu chí 1: Hành nghề theo quy định của pháp luật liên quan đến y tế, quy định của Bộ Y tế và thực hành điều dưỡng.

Tiêu chí 2: Tuân thủ các quy định của cơ sở nơi làm việc.

Tiêu chí 3: Thực hiện tốt quy tắc ứng xử của đơn vị/tổ chức và luật định.

Tiêu chí 4: Ghi chép và bảo quản hồ sơ chăm sóc và tài liệu liên quan đến người bệnh, các vấn đề sức khỏe của người bệnh phù hợp với các tiêu chuẩn hành thực

Tiêu chuẩn 25: Hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp

Tiêu chí 1. Chịu trách nhiệm cá nhân khi đưa ra các quyết định và can thiệp chăm sóc.

Tiêu chí 2: Tuân thủ Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của quốc gia và quốc tế trong thực hành điều dưỡng.

Tiêu chí 3: Báo cáo các hành vi vi phạm với cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm cá nhân với báo cáo đó.

Kính gửi: Ban lãnh đạo các cơ quan/ đơn vị
Đề phục vụ công tác xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo sau đại học
Thạc sĩ và Chuyên khoa I ngành Điều dưỡng, Trường Đại học Y Dược Hải
Phòng kính đề nghị Quý cơ quan hỗ trợ, cung cấp một số thông tin sau đây:

**PHIẾU KHẢO SÁT NHU CẦU ĐÀO TẠO
THẠC SĨ VÀ CHUYÊN KHOA I ĐIỀU DƯỠNG**
(dành cho các cơ quan, đơn vị)

*Xin vui lòng tích dấu X vào các phương án hợp lý. Phiếu khảo sát gồm ba phần
A, B, C.*

1. Thông tin chung của quý cơ quan

2. Tên cơ quan:.....

3. Địa chỉ:.....

4. Điện thoại:.....Email:.....

5. Quý cơ quan thuộc thành phần nào dưới đây

- | | | | |
|---------------------|--------------------------|--------------|--------------------------|
| Sở Y tế | <input type="checkbox"/> | Trường CD-ĐH | <input type="checkbox"/> |
| Khối bệnh viện công | <input type="checkbox"/> | Khác | <input type="checkbox"/> |
| Khối bệnh viện tư | <input type="checkbox"/> | | |

6. Tổng số nhân lực Điều dưỡng của quý cơ quan hiện nay là (con số cụ thể):.....

7. Tổng số nhân lực Điều dưỡng có trình độ đại học của quý cơ quan hiện nay là (con số cụ thể):.....

2. Thông tin về nhu cầu đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng của quý cơ quan

– Quý cơ quan có nhu cầu cử cán bộ đi học Thạc sĩ Điều dưỡng không?

Có Không

Nếu câu trả lời là không, phần B dừng lại tại đây.

Nếu câu trả lời là có, xin vui lòng trả lời tiếp các câu từ 2 đến 8.

– Quý cơ quan dự kiến mỗi năm cử bao nhiêu cán bộ đi học Thạc sĩ Điều dưỡng (ghi con số cụ thể):.....

6. Dự kiến số lượng cán bộ có trình độ Thạc sĩ Điều dưỡng trong 5 năm tới của quý cơ quan là (ghi con số cụ thể):

7.

8. Dự kiến số lượng cán bộ có trình độ Thạc sĩ Điều dưỡng trong 10 năm tới của quý cơ quan là (ghi con số cụ thể):.....

– Quý cơ quan cần nhân sự trình độ Thạc sĩ Điều dưỡng cho các vị trí công việc nào? (ghi rõ).....

– Quý cơ quan mong muốn thời lượng đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng là:

>24 tháng

18 tháng

24 tháng

Khác (ghi rõ):.....

– Quý cơ quan mong muốn thời gian đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng là:

Trong giờ hành chính

Buổi tối/Cuối tuần

Khác (ghi rõ):.....

– Quý cơ quan mong muốn hình thức đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng là:

Trực tiếp

Kết hợp trực tiếp và trực tuyến

Trực tuyến/online

Khác (ghi rõ).....

– Quý cơ quan mong muốn cử cán bộ đi học Thạc sĩ Điều dưỡng theo hướng:

Thạc sĩ Điều dưỡng đa khoa

Thạc sĩ Điều dưỡng chuyên khoa

(nội, ngoại, sản, nhi...)

– Mức độ kỳ vọng của quý cơ quan đối với cán bộ sau khi hoàn thành chương trình Thạc sĩ Điều dưỡng:

* Về kiến thức:

.....

.....

.....

.....

* Về kỹ năng:

.....

.

.....
.....
.....
* Về thái độ (tự chủ và chịu trách nhiệm):
.....
.....
.....
.....
.....